

Từ Nhân Thị Chúng Sanh

Xuân Đinh Dậu 2017

hương
thiền

01/2017 (39)



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - VĂN NGHỆ



LIÊN TÔNG TỊNH ĐỘ NON BÔNG

Bách Nhật Trì Danh

(lần thứ 51 - năm 2016)

**Ngày 18/12/2016 (tức 16/11/Bính Thân), Nhứt Nguyên
Bửu Tự (xã Vĩnh Phú, huyện Thuận An, Bình Dương) đã
làm lễ bế mạc khóa niệm Phật “Bách Nhật Trì Danh” lần
thứ 51.**

(xem tiếp trang 178)



Tập 1/2017 (39)

BAN CHỨNG MINH

Hòa thượng Thích Hiền Pháp

Hòa thượng Thích Giác Quang

Hòa thượng Thích Nhật Quang

BAN BIÊN SOẠN

Thượng tọa Thích Thiện Tài

Nhà thơ Phạm Thiên Thư

Nhà văn Nhật Chiêu

Nhà báo Nguyễn Đức Tố

Bác sĩ Lê Hành

MỸ THUẬT: Họa sĩ Nguyễn Thịnh

ÂM NHẠC: Nhạc sĩ Trần Đức Tâm

CHỦ BIÊN: Phan Cát Tường

Tranh bìa: Họa sĩ Miên Đức Thắng

(Từ Nhân Thị Chúng Sanh - tranh sơn dầu)

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - VĂN NGHỆ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - 2017

“*Từ Nhãn Thị Chúng Sanh*”

(*Kinh Diệu Pháp Liên Hoa*)



Lúc bấy giờ, Ngài Vô Tận Ý Bồ-tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy trịch áo bày vai hữu, chấp tay hướng Phật mà bạch rằng: “Thế Tôn! Ngài Quán Thế Âm Bồ-tát do nhơn duyên gì mà tên là Quán Thế Âm?”. (Kinh Pháp Hoa).

Ý xưa nay vốn vô tận. Vô số vô lượng vô biên... chúng sanh đều do ý mà ra! Ý dẫn đầu các pháp. Một khi “Ý” mà thanh tịnh rồi thì các căn khác tự dung đều thanh tịnh theo.

Diệu Âm là cảm xúc, là **thọ**. Thọ đến rồi... thọ đi! Nhưng **trưởng** thì ở lại. Trưởng ở lại để sanh “*vô lượng trăm nghìn muôn*

ức chúng sanh chịu các khổ não”.

Phật dạy thứ thuốc “đặc trị” cái tướng là “*Một lòng xưng danh*” Quán Thế Âm Bồ-tát, lập tức vô lượng vô số khổ não sẽ biến mất ngay vì Quán Thế Âm là vị Bồ-tát có khả năng “*nghe được tiếng kêu của trần thế!*”

Bởi vì vỏ não ta một lúc không thể có hai ý tưởng cùng tồn tại. Nếu đã “*một lòng xưng danh*” Quán Thế Âm (*nhất tâm bất loạn*) thì không thể cùng lúc “*xưng danh*” cái gì khác nữa: tham sân si mạn nghi kiến lặn đi!

Nỗi sợ của con người là ghê gớm nhất. Sợ chết, sợ khổ, sợ nghèo, sợ xấu xí, sợ bệnh hoạn, sợ già nua... Cho nên giúp cho con người ta hết sợ là đủ để mang lại hạnh phúc, đủ để “cứu vớt chúng sanh”. Nhưng vì đâu mà người ta sợ? Vì **tuồng**. Tuồng nên mới thấy sợ dây thành con rắn. Tuồng nên mới cho cái gì của mình cũng nhất thiên hạ. Tuồng nên vô thường mà thấy là thường, vô ngã mà thấy là ngã... Tuồng là *của ta, là ta, là tự ngã của ta* nên mới sinh đủ tham sân si mạn nghi kiến! Nên Bồ-tát Quán Thế Âm có một món quà mang tặng giúp người ta hết sợ: **Vô úy thí!**

Một khi xung danh Quán Thế Âm thì “dầu vào trong **lửa** lớn, lửa chẳng cháy đặng; bị **nước** lớn cuốn trôi, liền đặng chỗ cạn; **gió** lớn thổi ghe thuyền đặng thoát khỏi nạn”, còn trên **đất** thì “dao gậy liền gãy từng khúc, gông cùm xiềng xích đứt rã...”. **Tứ đại** “đất, nước, gió, lửa” đều đã trở nên yên ổn. Còn **tham sân si** thì sao? “*Nếu có chúng sanh nào nhiều lòng dâm dục, liền đặng ly dục. Nếu người nhiều ngu si, liền đặng lìa ngu si...*”. Tham sân si cũng dứt.

Quán Thế Âm Bồ-tát cũng chính là Quán Tự Tại Bồ-tát.

“*Quán Tự Tại Bồ-tát hành thâm Bát Nhã Ba-la-mật-đa thời chiếu kiến ngũ uẩn giai Không, độ nhất thiết khổ ách!*” (Tâm Kinh).

Quán Thế Âm là một vị Bồ-tát *dấn thân*, có lòng Từ bi lớn, một thứ *vô duyên từ*, gồm cả các hạnh của Thường Bất Khinh, của Dược Vương và của Diệu Âm Bồ-tát... Đó là *tôn trọng, chân thành, thấu cảm*, nên có khả năng “hiện nhất thiết sắc thân” và “giải nhất thiết chúng sanh ngữ ngôn”, từ đó mà có thể: “*Từ nhĩn thị chúng sanh!*”

Quán Thế Âm không đến từ bên ngoài mà đến tức khắc từ bên trong mỗi chúng ta. Khi ta “cung kính niệm Quán Thế Âm Bồ-tát” thì ta đã sống với lòng Từ Bi Hỷ Xả, đã biết lắng nghe và biết tôn trọng, biết thấu cảm, và nhờ đó đã mang lại an vui hạnh phúc cho chính mình và cho mọi người vậy.

BS. ĐỖ HỒNG NGỌC

Ngày Xuân – Tìm Về
“Đông Hoàng Tuổi Mấy Mười”



1. MÙA XUÂN

Mùa sinh sôi nảy nở - mùa mà vạn vật chuyển mình theo nhịp bước xuân hành: Mưa xuân nhẹ nhàng bay; gió xuân trong lành thoáng đưa; nắng xuân hiền hòa ấm áp. Tất cả hòa quyện thoáng đãng trong trạng thái chuyển mùa của đất trời, truyền năng lượng cho những mầm non căng đầy nhựa sống, cùng kỳ hoa dị thảo ngát hương hé duyên cười. Mùa xuân cũng là mùa của đấu trường thi sắc đẹp, bông hoa nào cũng “dậy thì” vươn mình khoe sắc thắm! Trên từng chậu kiếng, hoa đào đua giỡn với gió đông, tô nét hồng phát lên cả tỉnh thành miền Bắc. Giữa núi rừng chập chùng xanh um lá thắm, hoa cà phê trắng bông rộ nở bạt ngàn từ các vùng cao/ thấp cả đất Tây Nguyên; còn hoa mai lại hòa mình vào ánh nắng vàng rực rỡ, lung linh tỏa sáng khắp đồng bằng Nam Bộ! Trên khắp các làng quê, đường phố vạn vật rộn ràng khoác lên màu áo mới hơn hờ đón xuân về!

Cứ mỗi độ xuân về, đa số người dân Á Đông đều hân hoan như đón chờ một ngày mới, một mùa an vui, một năm hạnh phúc đến với mọi người, mọi nhà!

Ngày Tết năm Tân Tỵ (1941), tại nhà thương Chợ Quán ở miền Nam đất Việt, một chàng trai hùng hực tuổi xuân được Đức Huỳnh Giáo chủ “mượn xác Huỳnh thanh danh sắc trẻ” tức cảnh sanh tình:

*“Kiêng vật khoe màu đua sắc tươi,
Cành hoa hé nở tựa như cười.
Xuân về cảnh đẹp càng thêm vẻ,
Dám hỏi Đông Hoàng tuổi mấy mươi?”*

Bài thơ tứ tuyệt vồn vẹn chỉ có 4 câu, được tác giả dùng loại văn miêu tả, giúp người đọc, người nghe hình dung những đặc điểm, tính chất nổi bật của một cảnh vật, một hiện tượng đẹp tươi trong một không gian mới!... làm hiện lên trước mắt đối tượng thường thức toàn cảnh một bức tranh sinh động của mùa xuân - tràn đầy sắc màu biểu cảm. Bốn câu thơ trên, đã hội tụ những phương thức tạo hình và phương thức biểu hiện của ngôn ngữ nghệ thuật.

Tuy nhiên, câu hỏi của tác giả: “*Dám hỏi Đông Hoàng tuổi mấy mươi*”? khiến cho người viết muốn tìm hiểu Đông Hoàng là gì và bao nhiêu tuổi?, nhưng có lẽ trên hết đây là cá cơ để được “trà dư tửu hậu”, nhàn đàm với quý vị nhân dịp xuân về.

2. TÌM HIỂU ĐÔNG HOÀNG

a) Đông Hoàng là gì?

Đây là từ Hán Việt, mang tính cổ ngữ. Ngày nay, hiếm có từ điển nào nhắc tới đặc ngữ này, kể cả Quốc âm tự vị của Huỳnh Tịnh Của - xuất bản năm 1895. Người viết bài này, cố tìm cũng không ra, duy chỉ có bài thơ vua Trần Nhân Tông (1258-1308) viết với tựa đề “Xuân mãn” mới phát lộ được ý nghĩa hai chữ Đông Hoàng :

Niên thiếu hà tăng liễu sắc không

*Nhất xuân tâm sự bách hoa trung
Như kim khám phá Đông Hoàng diện
Thiên bản bờ đoàn khán trụ hồng.*

Xuân muộn

*Tuổi trẻ chưa từng lẻ sắc không
Xuân về hoa nở rộn trong lòng
Chúa Xuân nay đã thành quen mặt
Nệm cỏ ngồi yên ngó rụng hồng*

(Ngô Tất Tố dịch)

Theo nhà nghiên cứu nho học Ngô Tất Tố (1894-1954) dịch bài thơ trên thì: Đông Hoàng nghĩa là Chúa Xuân; cặp từ này đồng nghĩa với Đông Quân: (Ông vua hướng đông. Chỉ mặt trời. Cũng chỉ chúa xuân). Bởi, chữ Xuân thuộc bộ nhật (mặt trời - 日) tổng 8 nét, bộ nhật 日 gồm 4 nét; khởi mọc từ buổi bình minh ở hướng đông. Do vậy, mới có thành ngữ ba ngày “xuân nhật” (Mùng một tết cha - mùng hai tết mẹ - mùng ba tết thầy). Thực tế cho thấy, chữ nhật cũng là tên của một nước “Nhật Bản”. Lấy biểu tượng hình mặt trời in trên lá quốc kỳ.

Trong Kinh Thư, thiên Nghiêu Điền có chép một đoạn liên quan mùa xuân lúc bấy giờ như sau: “... Chia ra, sai Hy Trọng đóng ở Ngung Di gọi là Hang Sáng; kính đón mặt trời mọc; sắp đều các việc rồi khởi lấy phía mặt trời mọc làm phương đông” Lúc này “ngày ngang” (tức ngày và đêm bằng nhau); lấy lúc sao Đẩu vào chập tối ngang đỉnh đầu định tháng giữa Xuân. Tương tự ý nghĩa trên, cổ nhân khai sinh ra hai chữ “Nguyên đán” (元旦): Chữ “nguyên” có nghĩa là sự khởi đầu hay sơ khai. Chữ “đán” là buổi sáng sớm. Tết Nguyên đán là tết đầu năm.

Đông Hoàng là một “cao từ ẩn ngữ” được hiểu nhiều nghĩa, ở đây có thể tạm chia ra 3 ý chánh:

Thứ nhất: Xuân là tuổi tác. Như trong bài “Lấy chồng chệt”, Đức Thầy nhân thấy một cô gái Việt lấy chồng Ngô, hướng ngoại, vong bản ngài liền cảm thán:

“Đem tuổi mười tám so vào bốn mươi”

“Cô tử thân, cô lại bất bình,

Nhưng muộn quá, tuổi xuân không trở lại...”

Hay là, trong bài họa cổ thi “Hàng Nga”, Đức Thầy bộc lộ sức trẻ và sứ mạng của ngài:

“Dầu cho thân mỡ thanh xuân tuổi,

Thực giác đời mê phải được hay”.

Thứ hai: Xuân là năm (theo chu kỳ 12 tháng, hết xuân hạ đến thu đông), như trong bài “Dụng Kinh Quyền”, Đức Thầy có đoạn nói:

“...Mật mật, mờ mờ mưa gió đạn,

Phong-trần đầy-đọa mấy mươi xuân.

Mấy mươi xuân vắng chúa, trông hoài,

Thân gởi nơi người nợ chẳng vay...”

Mấy mươi xuân ở đây có nghĩa là mấy mươi năm vậy.

Thứ ba: Xuân là mùa vụ. Như trong ca dao đúc kết: Một năm có bốn mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông, mỗi mùa có ba tháng:

Mùa xuân ấm áp khô người,

Mùa hè nóng nực lửa trời náo nung.

Mùa thu gió mát trăng trong,

Mùa đông rét mướt gọi lòng xót xa.

Thế nên, Xuân hay nói cho đầy đủ “mùa xuân”. Theo thiên văn học “MÙA XUÂN” là mùa được xếp đứng đầu trong một năm. Mùa xuân bắt đầu từ tháng Giêng, tháng Hai, mãi cho đến tháng Ba. Thời tiết trong mùa xuân ấm áp rất dễ chịu, gió xuân nhẹ thổi, nước biếc lững lờ trôi. Như tâm sáng, tánh trong mà Đức Thầy đã phê diễn: “Tâm sáng suốt như đài nguyệt kiến/ Tánh trong như nước bích mùa xuân...”

Vua Trần Thái Tông ví bốn mùa như bốn tướng của đời người: Tướng “sanh” như mùa xuân hoa thắm liễu xanh. Tướng “lão” như mùa hạ hoa tàn liễu úa. Tướng “bệnh” như mùa thu cỏ cây đều héo. Tướng “tử” như mùa đông mây sầu ảm đạm. Bốn

tướng này vua Trần Thái Tông gọi là bốn núi.

b). Nguồn gốc phát sinh

Khảo cứu về Đông Hoàng, cho thấy nhiều tư liệu có liên quan với nguồn gốc lịch sử dân tộc Việt. Sử sách Trung Hoa - Việt Nam đều có chung truyền thuyết được phổ biến rộng rãi nhất, rằng người Việt Nam xưa gốc ở miền từ hạ lưu sông Dương Tử tới miền Bắc Việt Nam, gồm nhiều nhóm cư trú ở các nơi khác nhau mà gọi chung là Bách Việt. Về sau bị người Hoa Hạ tràn xuống xâm lấn lãnh thổ, các nhóm này dần dần bị đồng hóa thành người Hán. Chỉ còn nhóm Lạc Việt ở miền Bắc Việt Nam là còn tồn tại được, chính là tổ tiên của người Việt ngày nay. Thuyết này đã coi Bách Việt là cư dân bản địa mà không đề cập đến nguồn gốc các dân tộc này từ thời đại “đồ đá mới” trở về trước.

Sử Ký Tư Mã Thiên cho biết thêm với thuyết vua Kinh Dương Vương có cha là Đế Minh họ Thần Nông và mẹ Vụ Tiên là người Lão. Sau khi Kinh Dương Vương lập quốc thành họ Hồng Bàng, người Lão - Việt đã theo Kinh Dương Vương di cư xuống miền Bắc Việt Nam thành người Phùng Nguyên của họ Hồng Bàng.

Dẫn chứng trên cho thấy vua Thần Nông là “mã di truyền” với tổ tiên nòi giống của chúng ta. Điều khả tín hơn khi đọc thêm trong Đại Việt sử ký toàn thư xuất bản năm 1697 (là bộ quốc sử bằng chữ Hán và chữ Nôm của Việt Nam, viết theo thể biên niên, ghi chép lịch sử Việt Nam từ thời đại truyền thuyết Kinh Dương Vương). Mở đầu phần lời tựa của Ngô Sĩ Liên chép: “Nước Đại Việt ở phía nam Ngũ Lĩnh, thế là trời đã phân chia giới hạn Nam – Bắc. Thủy tổ của ta là dòng dõi họ Thần Nông, thế là trời sinh chân chúa, có thể cùng với Bắc triều mỗi bên làm đế một phương”.

Theo Việt Nam sử lược của Trần Trọng Kim. Quyển 1 (Thượng cổ thời đại) viết: “Vua Đế Minh là cháu ba đời của vua Thần Nông, đi tuần thú phương Nam, đến núi Ngũ Lĩnh (nay thuộc tỉnh Hồ Nam, Trung Hoa), gặp một nàng tiên, lấy nhau để

ra người con tên là Lộc Tục. Sau Đế Minh truyền ngôi lại cho con trưởng là Đế Nghi làm vua phương Bắc (từ núi Ngũ Lĩnh về phía Bắc), phong cho Lộc Tục làm vua phương Nam (từ núi Ngũ Lĩnh về phía Nam), xưng là Kinh Dương Vương, quốc hiệu là Xích Quỷ. Kinh Dương Vương làm vua Xích Quỷ vào năm Nhâm Tuất 2879 TCN, lấy con gái Động Đình Hồ Quân (còn có tên là Thần Long) là Long nữ sinh ra Sùng Lãm, nối ngôi làm vua, xưng là Lạc Long Quân. Lạc Long Quân lấy con gái vua Đế Lai (con của Đế Nghi), tên là Âu Cơ, sinh một lần trăm người con trai. (...) phong cho con trưởng làm Hùng Vương, nối ngôi vua.

c) Xuân tỵ Thần Nông chi chế tác

Theo nhiều tài liệu, Thần Nông sống cách đây trên 5.000 năm và là người đã dạy dân nghề làm ruộng, chế ra cày bừa và là người đầu tiên đã làm lễ Tịch Điền (còn gọi là lễ Thượng Điền, tổ chức sau khi gặt hái, thu hoạch mùa màng) hoặc Hạ Điền (lễ tổ chức trước khi gieo trồng), cũng như nghề làm thuốc trị bệnh, cho nên trong dân gian có câu “Thần Nông giáo dân nghệ ngũ cốc” (tức Thần Nông dạy dân trồng ngũ cốc). Phải chăng, vì nhớ ơn ông nên nghề canh điền người ta đặt tên cho một giống lúa với biệt danh là: “lúa Thần Nông”.

Sách sử còn ghi chép đời thượng cổ, vua Thần Nông (Viêm Đế), trước kỷ nguyên Thiên Chúa 3.189 năm. Ông đã chế tác ăn mừng ngày tết trong mùa xuân, đến ngày nay sách sử còn lưu truyền với câu: “Xuân tỵ Thần Nông chi chế tác”, có nghĩa là: Mùa xuân hay tiết xuân là do vua Thần Nông đã chế tác ra. Vì suốt trong những mùa hè và mùa thu lo về vật chất (ăn mặc ở, khi qua mùa đông thời tiết lạnh lẽo, đến mùa xuân khí trời mát mẽ, ôn hòa, nên vua Thần Nông khuyến khích dân chúng trong nước, đến tiết mùa xuân phải nghỉ ngơi, để an dưỡng tinh thần.

Một bằng chứng hiển nhiên cho thấy qua các triều đại Việt Nam ta, các vua chúa đều làm lễ tế Thần Nông với nghi thức rất long trọng. Điển hình là thời Nguyễn, chỉ dụ của vua Minh Mạng

(1791-1841) hàng năm sau tiết Đông chí, tòa Khâm Thiên Giám phải lo sửa soạn việc tế Thần Nông. Các quan cùng nhau họp để nặn trâu và tượng Thần Nông. Lễ tế Thần Nông hàng năm cử hành vào ngày Lập xuân, bởi vậy nên lễ tế này còn được gọi là tế Xuân ⁽¹⁾. Tại các tỉnh, trong ngày Lập xuân cũng có lễ tế Thần Nông và lễ cũng được sửa soạn từ sau ngày Đông chí.

Qua khảo cứu cho thấy cha đẻ phong tục mừng Xuân chính là do vua Thần Nông. Nếu tính đến năm nay Đinh Dậu 2017 này, cộng thêm số năm Thần Nông ra đời TCN 3.189 năm thì được 5.206 tuổi. Thiên nghi, đó là con số có thể hiểu là tuổi của Đông Hoàng vậy.

NGUYỄN HIẾU TRUNG

CHÚ THÍCH:

(1) Trước ngày Lập Xuân hai ngày, tại gần cửa thành Đông Ba (ngày nay là cửa chính Đông), các quan Khâm Thiên Giám cho lập một cái Đài hướng đông. Trâu và tượng Thần Nông cũng được đưa tới lưu tại phủ Thừa Thiên để ngày hôm sau các quan trong phủ mới rước từ phủ tới Đài. Các quan vận lễ phục, có quân lính mang gươm giáo, tàn lọng, cờ quạt theo hầu. Tới Đài thì một lễ đơn giản được cử hành, ngụ ý trình với Thổ Công về sự hiện diện của tượng Thần Nông và trâu. Sau đó, trâu và tượng Thần Nông lại được khiêng về kho cất. Hôm tế xuân, tượng và trâu lại được rước ra Đài, nhưng lần này đi rước là các quan bộ Lễ và các quan phủ Thừa Thiên. Khi đám rước đi qua cung vua, một viên thái giám vào tâu để vua biết. Sau đó, đám rước lại tiếp tục đi và khi đi qua bộ Lễ, một viên quan đánh vào mõng trâu ba roi, có ý thôi thúc trâu phải làm việc.

Tới Đài, các quan làm lễ tế Thần Nông theo như nghi lễ các cuộc tế khác. Tế Thần Nông xong, trâu và tượng Thần Nông được quân lính mang đi chôn sau buổi lễ.

Khúc Tự Tình Phù Du

*Thôi thì em mặc áo xanh
cho hôn ta ẩn bên hành kết thơ
thôi thì em rũ tóc tơ
cho ta tựa gốc sương mờ tịnh tâm.*

*Thôi thì em nguyện lâm râm
cho ta ngửi nẫu môi trâm Như Lai
lỡ không cái gã địa tài
đắp chăn gã ngủ giấc dài trong tôi.*

*Mai một ta có luân hồi
tái sinh lại giữa khóm môi em hồng
ngâm mình tiếng nước suối trong
ta siêu theo cánh phượng hồng em bay.*

*Một mai ta có lưu đày
thì xin trợn ngực tóc mây yên nằm
hóa thành con chấy trăm năm
ta xin canh giữ rừng trâm nhân gian.*

P.T.T



NGUYỄN HIẾU TÍN

Vui Xuân Cùng Ông Địa

TÁC GIẢ VÀ BỐ SỬU TẬP ÔNG ĐỊA

Từ thuở quần cư “khai sơn phá thạch” về phương Nam, để tồn tại trong môi trường sống rừng hoang cỏ rậm, thú dữ tràn đầy, nơi mà “Tôi đây xứ sở lạ lùng/ Con chim kêu cũng sợ, con cá vùng cũng ghê”, cộng đồng cư dân ở Nam bộ đã sớm kết chặt với nhau để đối mặt với thiên tai, địch họa.

Từ thuở quần cư “khai sơn phá thạch” về phương Nam, để tồn tại trong môi trường sống rừng hoang cỏ rậm, thú dữ tràn đầy, nơi mà “Tới đây xứ sở lạ lùng/ Con chim kêu cũng sợ, con cá vùng cũng ghê”, cộng đồng cư dân ở Nam bộ đã sớm kết chặt với nhau để đối mặt với thiên tai, dịch họa. Sự cộng cư bền vững này trải qua nhiều giai đoạn làm cho phong tục, văn hóa, tín ngưỡng của mỗi tộc người hài hòa, đan xen, tạo thành sợi dây vô hình siết chặt họ lại với nhau. Một trong những dấu ấn điển hình của quá trình giao thoa – đồng vị văn hóa, tín ngưỡng đó, chính là tục thờ Ông Tà của người Khmer, thờ ông Địa của người Việt bản địa và thờ Tài Thần của người Hoa. Điều này, khiến cho sự linh nghiệm trong thế giới tâm linh ở Nam bộ thêm nhiều màu sắc, phong phú, thể hiện rõ tư duy nguyên hợp, lòng bao dung, tính hài hòa của người dân Việt trong mối quan hệ ứng xử với thế giới tự nhiên và môi trường xã hội.

Ngày Tết, vui xuân gặp lại hình tượng Ông Địa với cái mặt tươi rói và miệng cười toe toét, hả hê, hy vọng sẽ gặp việc tốt lành, vui vẻ, thuận lợi, cát tường như dân Nam bộ thường nói: “Mát trời Ông Địa!”

* * *

Tín ngưỡng thờ thần là một nét đẹp trong văn hóa truyền thống của nhiều dân tộc trên thế giới. Ngay từ buổi đầu hình thành nhà nước sơ khai, người ta đã biết thờ phượng các vị thần tự nhiên, siêu nhiên, như: *Thần mây, thần mưa, thần gió, thần sấm, thần đất...* Tín ngưỡng này bắt nguồn từ tâm lý e sợ các hiện tượng tự nhiên mà họ chưa lý giải được trong thời điểm lúc bấy giờ. Và đó cũng là tâm lý thể hiện sự tri ân đối với các hiện tượng tự nhiên, các sự vật xung quanh đã tạo cho họ có được môi trường sống, cũng như làm cho cuộc sống của họ được giàu có và bình an.

Riêng đối với cư dân nông nghiệp, Thần Đất là một đối

tượng tín ngưỡng quan trọng. Bởi lẽ, đất đai được xem là yếu tố cơ bản cấu tạo nên vạn vật, giúp cho họ có được cuộc sống ấm no và sung túc. Trong suốt quá trình lịch sử, vị thần này có khi bị đồng nhất cùng một số vị thần khác, hoặc bị gán ghép những danh hiệu cũng như những chức năng và nhiệm vụ vào một số vị thần bản địa khác. Mãi đến thời gian sau này, hình tượng của Thần Đất, hay còn gọi là thần Thổ Địa, hoặc Ông Địa mới có được một hình hài và chức năng cụ thể,...

Từ hình tượng Ông Tà mộc mạc, bình dị...

Theo nhiều tài liệu nghiên cứu, tục thờ Ông Tà của người Việt ở Nam bộ, bắt nguồn từ tín ngưỡng thờ thần có từ lâu đời trong tín ngưỡng dân gian của người Khmer và được người Việt thờ ở khắp lục tỉnh Nam kỳ. Đó là vị thần mang tên Neak Tà. Trong ngôn ngữ Khmer, Neak (danh từ) chỉ người nói chung, Tà chỉ người đàn ông đứng tuổi, Neak Tà hợp lại có nghĩa là thần linh. Đối với đồng bào Khmer ở Nam bộ, Neak Tà (Ông Tà) là vị thần có vị trí rất quan trọng trong đời sống tâm linh của họ. Đây là vị thần gần gũi, dân dã gắn liền với sinh hoạt của cộng đồng dân cư. Dân gian tin là Neak Tà có quyền uy tối thượng khiến cho những kẻ làm ác phải kiêng dè. Theo đó, Neak Tà có quyền năng cai quản trong phạm vi phum sóc hoặc một khu vực rộng lớn hơn nên bà con ai nấy đều tôn kính. Ông luôn xuất hiện mọi lúc, mọi nơi khi cầu khẩn, lúc đắp lễ khi việc đắc thành; sẵn sàng quả phạt khi người đời xem thường phá quấy, thất hứa, làm điều phạm thượng. Vai trò, địa vị của Ông Tà sánh như Thành Hoàng Bản Cảnh, Thổ Địa, Thần Tài, Bà Mẹ Sanh... Trong sách *Nửa tháng trong miền Thất Sơn*, tác giả Nguyễn Văn Hào có đoạn ghi: *“Ông Tà của người Miên cũng như ông thần của mình. Người ta tin rằng ông thần đã nhập vào viên đá mới xui khiến cho ai đó bắt gặp được mà đem về thờ. Bao giờ thần không muốn ở nữa thì bỏ mà đi và viên đá tự nhiên mất tích”*. Tương truyền tại vùng biên giới Tây Nam, xưa kia có một cái miếu Ông Tà rất linh, nhiều

người thường mang tiền và lễ vật đến cúng, đặt trước các viên đá rồi bỏ về nhưng không ai dám trộm cắp vì sợ thần bẻ cổ. Chẳng thế mà, mỗi khi gặp chuyện rủi ro hoặc làm ăn sa sút, người Nam bộ thường van vái: “*Ông Tà ơi, phù hộ cho con tai qua nạn khỏi, độ cho con tìm được (vật làm rơi mất),...*”. Sự linh thiêng của Ông Tà cũng được khẳng định, dân gian có câu “hữu thành ắt hữu thần”, chính vì thế ở rất nhiều nơi Ông Tà được tin tưởng tuyệt đối như các vị thần khác.

Trong tâm thức tín ngưỡng người Việt, Ông Tà không có hình hài cụ thể như Thành Hoàng, Ông Địa. Ông Tà chỉ có phần hồn, hình thể đơn giản là những hòn đá tròn, hoặc bầu dục – nhẵn to (hoặc vừa) mang tính tượng trưng cho linh hồn Ông. Vì hình thể là những cục đá nhẵn – đen – xám nên trong dân gian (vùng Châu Phú, An Giang) còn lưu truyền câu “đen như Ông Tà, Ông Tà đen”; còn “Ông Tà đỏ” chẳng qua là việc mô phỏng theo chiếc khăn màu đỏ trùm lên, hoặc cột ngang cục đá (Ông Tà).

Không giống như thờ những vị thần khác có miếu thờ sang trọng, trong sáng, hài hòa, hợp phong thủy,... Ông Tà được thờ ở khắp mọi nơi, từ đồng cạn đến đồng sâu, từ trong nhà ra ngoài ruộng, từ chỗ cao đến bệ đất thấp, từ chỗ nhộn nhịp đến vắng vẻ. Miếu thờ là những chòi cất bằng tre, lá..., đủ để đặt cục đá, lư hương, vại ly nước, đĩa bánh. Hình thức thờ này chứng tỏ Ông Tà là vị thần bình dị, gần gũi với tính cách của người dân nông nghiệp.

Tuy vậy, để lý giải vì sao, Ông Tà lại rất dễ tính dù thường trú ở bất cứ nơi nào ngoài đồng hay bờ ruộng, hoặc ở những nơi “trăng thanh gió mát”,..., mới thấy được mã văn hóa của cư dân vùng Nam bộ. Đó là vì sự xuất hiện Ông Địa của người Việt ở Nam bộ!

Đến Ông Địa chất phác, phóng khoáng

Theo truyền thuyết dân gian kể lại rằng, xưa kia, Ông Tà được nhiều người mến mộ, cúng bái nhưng từ khi Ông Địa vào

nhà, bao nhiêu đồ cúng đều về tay Ông Địa, Ông Tà dần dần bị thất sủng, lại còn bị “thỉnh” ra ngồi dưới gốc cây hoặc bìa ruộng, bìa vườn. Vì vậy ông đã nhờ một vị thần phân xử. Sau khi xem xét, vị thần ấy phán rằng: “*Địa suốt ngày cần mẫn chăm lo họa phúc cho dân tình nên được mọi người kính nể, còn như Tà thích rong chơi, hay ngao du sơn thủy, ít gần gũi xóm giềng nên người đời xao lãng, đó cũng là lẽ thường tình. Kể từ bây giờ, các người hãy siết chặt tay nhau, người nào việc nấy để cùng chăm lo cho dân lành theo sự phân công của ta, “**Ông Địa giữ nhà, Ông Tà giữ ruộng**”*”. Thế là Ông Tà mãn nguyện, sẵn sàng ngụ ở bất cứ nơi nào, dù ngoài đồng, bờ ruộng, gốc cây hay hang đá vẫn cứ vui lòng.

Câu chuyện Ông Tà kiện Ông Địa như trên, đã thể hiện đậm nét tinh thần hợp tác, cùng chung sống của hai tộc Việt và Khmer. Bởi lẽ, Ông Tà vốn là tín ngưỡng của người Khmer, là vị thần phù hộ của họ, còn Ông Địa là thần phù hộ cho người Việt. Việc phân chia cai quản theo sở trường, Ông Tà vì thích thanh vắng nên coi giữ chỗ đồng ruộng, Ông Địa thích náo nhiệt nên coi giữ nơi chợ búa, gia đình. Xử theo lý và tình thì rất phù hợp, hài hòa: Ông Tà tuy không được mến mộ, gần gũi trong gia đình, nhưng lại được phần ruộng đồng mệnh mông, lại trở thành vị thần của người Việt. Như vậy, rõ ràng đó là tư duy hài hòa, dung hợp văn hóa, có tình có lý, thể hiện sự bao dung trong văn hóa Việt ở Nam bộ.

Theo sách *Việt điện u linh*, thì Ông Địa xuất hiện ở xứ Giao Châu vào thế kỷ thứ VII qua câu chuyện tranh tài của Thần Đá – Thạch Khanh với Thổ Lệnh trưởng – một phúc thần của quan Đô đốc nhà Đường vào những năm 650 – 655. Trong thư tịch cổ này cũng cho biết việc Lư Ngự lập đền thờ Thổ Địa ở quán Già La (713 – 739), Cao Biền lập đền thờ Ông Địa ở tả cung đô hộ Giao Châu (860 – 873),... và Thổ Địa đã thâm nhập vào hệ thống thần linh nước Việt trước thời Lê Long Đĩnh làm vua (1006 – 1009). Khi chưa lên ngôi, ông vua ngọ triều này, xin thần Thổ Địa sông

Đằng Châu phù hộ cho mình cướp ngôi. Sau khi lên được ngôi vua, vua Lê Long Đĩnh đã phong thần cho vị Thần Đất Đằng Châu này.

Hình tượng Ông Địa phổ biến trong dân gian là Địa trong múa lân. Vai địa trong múa lân xuất hiện như một người dẫn đường. Địa ở đây được hiểu là một vị thần có trách nhiệm trong việc quản lý công đồng dân cư trong một khu vực, rất mẫn cán và thông thạo mọi việc, nắm rõ địa bàn mà mình quản lý. Và Địa cũng với tư cách là người tiếp dẫn điềm lành đến với người dân và thay mặt dân bày tỏ sự hoan hỷ của mình đối với những điều tốt lành ấy. Hễ ở đâu có lân là ở đó có Địa với cái bụng bự chảng, gương mặt tròn trĩnh cùng với cái miệng cười hề hề, tay phe phẩy quạt, đi tới đi lui. Địa là một vai hề phụ diễn cho lân. Về mặt nghệ thuật, Lân và Địa là hai mặt đối lập trong một thể thống nhất: Trang nghiêm và hài hước, đĩnh đạc và phóng túng, bài bản và tự phát,... Hai mặt đối lập này, chế ngự lẫn nhau tạo nên cái chỉnh thể đồng hiện của nghệ thuật múa lân trong hội hè.

Theo thời gian, tín ngưỡng thờ Thần Đất nói chung, thờ Ông Địa nói riêng đã có ít nhiều thay đổi, nó không còn giữ nguyên sơ của dạng tín ngưỡng ban đầu. Đặc biệt khi vào Nam Bộ, tín ngưỡng này càng thay đổi mạnh mẽ hơn, chức năng của Ông Địa càng được mở rộng. Trong tâm thức dân gian Nam bộ, Ông Địa được xem là một vị phúc thần, không chỉ có vai trò bảo



vệ đất đai, ruộng vườn mà còn phải bảo vệ cho gia đình gia chủ được trong ấm ngoài êm, làm ăn phát đạt, buôn bán sinh lời, phù hộ cho gia chủ được mạnh khỏe, và kiêm luôn việc giúp cho gia chủ mau lành bệnh và tìm kiếm được những món đồ đã mất. Và với nhiệm vụ trọng đại này, sáng sớm khi mở cửa tiệm, cửa nhà Ông Địa thường được gia chủ thưởng cho một ly cà phê đen, một điều thuốc. Hoặc khi cầu mong được việc, người Nam Bộ thường cúng trả lễ Ông Địa bằng một nải chuối hay một đĩa trái cây. Nếu là chuối thì trong nải chuối đó phải có một trái được bẻ ra, lột vỏ, với ngụ ý là đã có người ăn trước nhằm đảm bảo cho Ông Địa là an toàn khi ăn, trong chuối không có độc.

Về hình tượng Ông Địa ở Nam bộ, thường là một người trung niên mập mạp, bụng bự, vú lớn, miệng cười hể hả, tay cầm quạt, tay cầm điều thuốc lá... trông có vẻ phương phi, hào sảng và mang đầy chất phong thịnh. Và nó cũng mang chút hơi hướm của sự hài hước. Đây cũng là một đặc trưng trong tính cách của người Nam bộ. Tuy ông có nhiều hình dạng khác nhau, nhưng ở nhiều tranh tượng đều có điểm chung là Ông Địa có khuôn mặt nữ tính (mặt dù có thể vẽ râu), bộ ngực lớn và cái bụng chình ỉnh của người sắp đẻ (gọi là Ông Địa – Bà Bồng), điều này cho thấy rõ mối liên hệ với cuội nguồn Mẹ Đất và nguyên lý phồn thực về sự sinh sôi nảy nở của vạn vật. Về hình thức thờ tự, bàn thờ ông địa đặt dưới đất (thần Đất phải trở về với Đất), và nhiều nơi đồng nhất Ông địa với Ông Thần Tài (vì theo quan niệm người làm nông nghiệp mọi của cải đều từ đất mà ra).

Người Nam bộ thường có tâm lý tin vào thần thánh nhưng đôi khi họ cũng không tuyệt đối hóa sự thờ phượng này. Họ tin Ông Địa, thờ cúng Ông Địa quanh năm nhưng đôi khi mùa màng thất bát, buôn bán lỗ lã họ van vái Ông Địa nhiều lần, nhưng cuộc sống vẫn không khá hơn, họ sẵn sàng đem Ông Địa bỏ ở gốc cây, kẹt đá, hoặc quăng xuống sông. Có người còn lấy Ông Địa đang thờ đập bỏ rồi hôm sau ra chợ thỉnh Địa mới về. Vì lẽ đó mà Địa

ở Nam bộ dường như không có khoảng cách với con người, ông như một vị thần dân dã luôn luôn gần gũi với cuộc sống của con người.

Và sự xuất hiện của ông Thần Tài giàu có.

Ở Nam bộ, một số người làm ăn kinh doanh thì Ông Địa thường được thờ chung với Thần Tài - vị thần được xem là đem tài lộc đến cho muôn nhà. Người ta đóng một cái tran để thờ hai ông, phía trong trang là một bài vị, hai bên bài vị có câu đối: “*Thổ năng sinh bạch ngọc (Đất hay sinh ngọc trắng)/Địa khả xuất hoàng kim (Đất khả có vàng ròng)*” kể đến là lư hương, giữa lư hương là Ông Địa và Thần Tài. Và người ta cho rằng, khi lấy cặp tượng Thần Tài hoặc Ông Địa ở những nơi buôn bán đất đem về nhà mình để thờ thì nhà mình cũng nhanh chóng ăn nên làm ra (vì lấy được “vía tốt” của nơi mình lấy cặp). Vì vậy, những người buôn bán kinh doanh “canh giữ” hai vị thần này rất kỹ, sợ bị mất cặp thì gia đình sẽ làm ăn sa sút. Lại có nơi, trên tran thờ Ông Địa với Thần Tài người ta để thêm một đĩa tỏi, hoặc treo một chùm tỏi sát bên. Người ta tin rằng làm như vậy nhà mình sẽ mua may bán đắt.

Thật ra, tục thờ Thần Tài có xuất xứ từ Trung Quốc, Theo truyền thuyết xưa, có một người lái buôn Trung Hoa tên là Âu Minh khi đi qua hồ Thanh Thảo tình cờ gặp Thủy Thần, được Thủy Thần cho một người gia nhân tên là Như Nguyệt. Âu Minh đem Như Nguyệt về nuôi ở trong nhà, từ đó công việc làm ăn của Âu Minh mỗi ngày một phát đạt. Trong một ngày Tết, vì một lý do nào đó, Âu Minh đánh Như Nguyệt. Như Nguyệt quá sợ hãi bèn chui vào đồng rác và biến mất. Từ đó Âu Minh làm ăn thua lỗ, chẳng mấy chốc nghèo xác nghèo xơ. Người ta bảo Như Nguyệt là Thần Tài và lập bàn thờ Như Nguyệt, cũng chính vì thế mà bàn thờ Thần Tài thường nằm ở một góc khuất trong nhà. Theo điển tích này, trong ba ngày Tết có tục kiêng quét nhà, hốt rác vì sợ làm mất Thần Tài ẩn trong đồng rác.



Mặc dù Thần Tài được xem là một hình tượng khác của Thần Đất nhưng cả hai vẫn mang yếu tố tâm linh giúp con người làm ăn phát đạt, cho nên người ta không thờ Thần Tài một mình mà thường thờ chung với Thổ Địa (vị thần cai quản đất đai nhà cửa).

Tuy nhiên, theo nhà nghiên cứu Đinh Hồng Hải, sự xuất hiện của Thần Tài do cộng đồng người Hoa mang đến thể hiện tính “nguyên hợp” (syncretism) của người dân Việt. Tính nguyên hợp là sự kết hợp ở những niềm tin khác nhau, đôi khi có vẻ mâu thuẫn với nhau về tư tưởng, đặc biệt là những tư tưởng của con người ở những giai đoạn sơ khai. Trong các tư tưởng thần học và thần thoại của các tôn giáo, tính nguyên hợp cho thấy một sự thống nhất cơ bản và cho phép một cách tiếp cận toàn diện cho mọi loại hình tôn giáo tín ngưỡng. Trong xã đương đại, tính nguyên hợp được thể hiện rõ nét qua các thành tố nghệ thuật dân gian. Đặc tính này dường như ngày càng bị thu hẹp trong các xã hội phát triển cao của phương Tây (duy lý) nhưng lại có xu hướng

bảo tồn trong các xã hội phương Đông (duy tình).

Ở góc nhìn khác, để lý giải sự hài hòa giữa hai vị thần này trong cùng một trang thờ, có thể xuất phát từ tư duy lưỡng phân, lưỡng hợp của dân tộc Việt. Một loại tư duy theo nguyên lý âm dương, mà người Việt luôn thể hiện ở mọi lĩnh vực trong cuộc sống hàng ngày. Tư duy này, khiến người Việt rất thích theo nguyên tắc cặp đôi, hài hòa âm dương. Nó bàng bạc từ truyền thuyết khởi nguyên dân tộc Việt lấy vật tổ là một cặp đôi trừu tượng Tiên-Rồng, nó xuất hiện trong cách nói: ông Đổng bà Cốt, đồng Cô đồng Cậu, Tháng tám giỗ cha, tháng ba giỗ mẹ,... nó bộc lộ trong việc những khái niệm vay mượn đơn độc, khi nhập vào Việt Nam, chúng cũng được nhân thành cặp: ở Trung Hoa chỉ có ông Tơ Hồng, thì vào Việt Nam biến thành ông Tơ – bà Nguyệt, ở Chợ Lớn dựng lên miếu thờ Quan Công và miếu thờ Thiên Hậu, thì người dân ở đây lập tức ghép hai nhân vật vốn không liên quan gì với nhau thành một cặp và gọi đó là “chùa Ông – chùa Bà”, ở Ấn Độ chỉ có Phật Ông thì vào Việt Nam xuất hiện Phật Ông – Phật Bà,... Và giờ đây là sự hiện hữu của hai nhân vật Thần Tài – Ông Địa, chắc hẳn cũng không nằm ngoài quy luật ấy. Một nhân vật đại diện cho thương nghiệp – Tài Thần – vốn là văn hóa của Trung Hoa “phi thương bất phú”, bởi lẽ trong truyền thống người Việt, khác với Trung Hoa, thương nghiệp không được xem trọng, đứng ở vị trí cuối cùng trong thứ bậc “sĩ, nông, công, thương”. Và một nhân vật đại diện cho văn hóa nông nghiệp – Ông Địa – với tư duy truyền thống “trọng nông ức thương”. Như vậy, Thần Tài và Ông Địa được xem như là một cặp đôi hài hòa âm dương giữa hai nền văn hóa trọng động (thương nghiệp) và trọng tĩnh (nông nghiệp) xuất phát tư duy truyền thống của dân tộc Việt.

Như vậy, trong quá trình cộng cư ở miền Tây Nam bộ, người Việt, Khmer, Hoa đã có sự giao thoa văn hóa với nhau thể hiện tục thờ Ông Tà của người Khmer, còn tục thờ Thần Tài của người Hoa, và tục thờ Ông Địa của người Việt bản địa. Ngày nay,

một số chùa người Việt ở Nam bộ còn lập miếu thờ Thần Tài, Ông Địa hoặc miếu thờ Ông Địa, Thần Tài chung với Neak Tà và các vị thần khác. Điều này thể hiện tính linh hoạt, tính tổng hợp, lòng bao dung và sự ứng xử mềm dẻo, hiếu hòa giữa các dân tộc cùng cộng cư sinh sống ở Nam bộ. Đây cũng là một trong những đặc trưng nổi bật trong tính cách của người Việt.

Vào ngày Tết, vai trò của các vị thần này càng được xem trọng hơn. Người Việt trang hoàng nhà cửa, sửa soạn tủ thờ sạch sẽ, nếu tượng thần này đã quá cũ hay bị hư thì sẽ thỉnh vị mới về, bàn thờ cũ hay bị hư cũng được thay thế bàn thờ mới. Họ tin rằng năm mới, mọi thứ đều ngăn nắp và bàn thờ Thần Tài, Ông Địa, miếu Ông Tà sạch sẽ thì làm ăn mới phát đạt, tốt lành. Tuy vậy, tập tục thờ những vị thần này, thiết nghĩ chỉ mang một ý nghĩa biểu trưng tốt đẹp, một ước muốn tốt lành của người dân nông nghiệp, như một liệu pháp về tâm lý, trấn an tinh thần, giúp con người có thêm hy vọng, hoàn thiện hơn trong cuộc sống. Do vậy, muốn có tài bạch, theo triết học Phật giáo không gì khác hơn, ta nên sống cuộc đời chân chính, lập nghiệp có phương pháp, đầu tư đúng cách, hành động cao thượng, lời nói chuẩn mực và uy tín. Lúc ấy, không cần cầu nguyện, phước lộc vẫn đến như kết quả tất yếu của những hạt giống lành. Hy vọng, đây là một thông điệp tốt lành cho một năm mới hạnh phúc, thành công.

NGUYỄN HIẾU TÍN

Tài liệu tham khảo

1. Huỳnh Ngọc Trảng, Trương Ngọc Tường, Hồ Tường, **Ông Địa - tín ngưỡng và tranh tượng**, Nxb Tp.HCM, 1994.
2. Đinh Hồng Hải, **Những biểu tượng đặc trưng trong văn hóa truyền thống Việt Nam, Tập 2 – Các vị thần**, Nxb Thế Giới, Hà Nội, 2015.
3. Trần Ngọc Thêm, **Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam**, Nxb Tổng Hợp TP.HCM, 2006.

Đạo Sĩ và Hư Vô

*Ta ngồi mãi giữa hư vô lòng núi
bỗng thấy chiều hót hải đuôi theo mây
khối thời gian rơi vào triền đá lặng
hiện tại nào mắt hút ở đầu cây*

*Đời đạo sĩ, con còng già bỏ tổ
lên non cao còn sợ nước triều lên
bụi đây áo, phủ hoài tay cũng mỏi
có nhiều khi ẩn dật cũng ưu phiền!
Ta ghé bến đìu hiu tìm hạt lệ
rơi quanh mình với nỗi chết xanh xao
hoa đóm bay đã vô tri tròng mắt
còn bầu trời ai hái những vì sao?*

*Đời đạo sĩ, con chim trên đỉnh núi
ngợi ca ngày nắng mới, giữa mù sương
chim rướm máu bởi hồn thơ u khoát
rớt xuống trần như lửa cháy tà dương
Ta bước xuống, đêm, và vàng trắng lạnh
khóm lau già run rẩy nước sương mưa
trọn thân thể ta chối từ vinh hạnh
theo con đường lặng lẽ tự ngàn xưa.*

*Chừ vô biên chỉ còn là hơi thở
và nụ cười bất diệt ở quanh đây
đời đạo sĩ, con còng già bỏ tổ
hóa thân làm lau cỏ ở đời tây!*

M.Đ.T.T.A

Họa Sĩ Trần Trung Bảo

& Tranh Thủy Mặc

Với những động tác nhẹ nhàng từ đôi tay tài hoa, bút lực mạnh mẽ, những đường nét điêu luyện và sắc sảo từ đầu ngọn bút lông mềm mại, họa sĩ trẻ Trần Trung Bảo như đã thuần phục được cây bút lông khó tính nhất và chiêu cảm nó để thuận theo ý, hướng theo tâm, tạo nên những bức tranh thủy mặc tuyệt tác, xuất thần vừa tinh vi, vừa khoáng đạt, lúc hào hùng mạnh mẽ như một đàn ngựa phi tung bay trong gió, lúc trầm mặc lắng lặng thiền định như một vị thiền sư đang tĩnh tâm,... tất cả đều tạo nên cái thần, cái hồn, cái cốt cách của trường phái tranh thủy mặc mà anh đã đeo đuổi trong suốt 20 năm qua.



Họa sĩ Trần Trung Bảo sinh năm 1974, tại một vùng đất được xếp vào di sản văn hóa thế giới của tỉnh Quảng Nam, đó là Hội An. Ngoài những giá trị văn hóa qua kiến trúc phố cổ độc đáo, đa dạng Hội An - quê hương anh còn lưu giữ một nền tảng văn hoá phi vật thể khá đồ sộ. Cuộc sống thường nhật của cư dân ở đây với những phong tục tập quán, sinh hoạt tín ngưỡng, nghệ thuật dân gian, làng nghề truyền thống, lễ hội văn hóa cùng với cảnh quan thiên nhiên thơ mộng, các món ăn đặc sản... đã làm cho Hội An có một sức hút kỳ lạ, vừa gần gũi, vừa mộc mạc, nhưng không kém phần sang trọng và cổ kính. Được đắm mình trong không gian văn hóa truyền thống giàu bản sắc đó, họa sĩ Trần Trung Bảo như mang trong mình một cái gen truyền thống của nghệ thuật, kết thành một mối lương duyên với hội họa.

Thật vậy, dù đã tốt nghiệp Cử nhân khoa học chuyên ngành điều khiển tàu biển của trường Đại học Giao thông vận tải, nhưng anh đã bình tâm chọn lựa tách rẽ sang con đường nghệ thuật và đem hết tâm huyết của mình theo đuổi hơn hai thập kỷ qua. Say mê hội họa, gắn bó với bút cọ sắc màu ngay từ thời niên thiếu, anh đã được lĩnh hội được những trường phái hội họa khác nhau, đặc biệt là trường phái Lĩnh Nam vẽ thủy mặc. Ngay từ những năm 90, anh cùng với người em của mình là Trần Trung Lĩnh (hiện đang làm thiết kế phim trường cho hãng phim Chánh Phương) đã mở phòng tranh khá bề thế trên đường Nguyễn Văn Trỗi với thương hiệu Tranh quạt Việt Nam, chuyên vẽ những bức thủy mặc trên những chiếc quạt lớn để treo trang trí nơi dinh thự, phòng họp, nội thất,... Phòng tranh của anh lúc bấy giờ khá có tiếng vang, bởi trên phố tranh này, chỉ có mỗi một nơi duy nhất chuyên tâm vẽ quạt và đặc biệt là vẽ theo trường phái thủy mặc, một hướng vẽ khá đặc thù, kén người chơi trong dòng tranh thị trường đương đại.

Tranh thủy mặc là quốc họa của đất nước Trung Hoa, tạo nên cốt cách đặc sắc của thẩm mỹ Á Đông. Không chỉ đơn thuần

là một tấm ảnh nghệ thuật, mà bản thân nó khi thể hiện tinh tế về thiên nhiên đã bộc lộ một cách sâu sắc nhất về quan điểm mỹ học, về sự suy tưởng của cộng đồng con người trước cái đẹp tuyệt mỹ, cái vĩnh hằng của thiên nhiên bao la. Yếu tố làm nên diện mạo của một bức tranh thủy mặc phải chú trọng cả ba đặc điểm: Hình, thần và ý. Hình là cái cốt để gửi ý. Thần là cái chủ yếu làm cho tranh sống động. Tranh thủy mặc gửi cái thần và cái ý dưới các hình thức phong cảnh, tre trúc, hoa lá... nhằm biểu đạt niềm vui và nỗi buồn của con người qua tác phẩm. Đây cũng là điều mà họa sĩ trẻ này đã chạm đến. Có dịp tiếp xúc và xem tranh của anh vẽ mới cảm nhận được phần hồn, phần cốt của tác phẩm. Anh vốn sống nhàn tản, không ồn ào, không vồ vập khi giao tiếp. Anh lắng lặng chiêm nghiệm, lắng lặng sáng tác,... trái hẳn với những nét cương trực, mạnh mẽ, phóng túng trên tranh, khiến cho tác phẩm tranh của anh như có ma lực thu hút người thưởng ngoạn. Khí bút anh vận hành tự nhiên, sinh động, đường nét chấm phá bay bổng, thanh thoát hân hoan trong kết hợp diễn đạt ý tưởng của chủ đề. Những nét to đậm, thanh mảnh khác nhau nằm trong bố cục chặt chẽ, chắc chắn mà vẫn tạo được sự uyển chuyển nhịp nhàng,... Đặc biệt là anh luôn tạo những khoảng không trống rỗng trên những bức tranh, như là những “nốt lặng” thấm đầy hương vị của cảm xúc, trở thành một thứ chất liệu tinh thần giúp cho người nghệ sĩ phản ánh được thế giới nội tâm của mình.

Điểm nổi bật trong tranh thủy mặc của anh chính là tuy xuất phát từ Trung Hoa, nhưng tác phẩm của anh đều bộc lộ rõ hồn Việt, hồn của dân tộc trên tranh. Bởi anh luôn sáng tạo, không rơi vào khuôn sáo gò ép, luôn tìm sự khoáng đạt, sự bay bổng. Anh chia sẻ: *“Nghệ thuật không có giới hạn, không có ranh giới, có thấm nhuần được đời sống của dân tộc mới tạo được thần sắc cho tác phẩm”*. Với quan niệm đó, những hình ảnh của non sông đất nước Việt Nam, những chiếc cầu tre lắt léo, những công làng rêu phong cổ kính, những phiên chợ quê âm áp tình người,



HS. TRẦN TRUNG BẢO

những chú mục đồng chần trâu thổi sáo thân thương, những ông đồ cho chữ ngày Tết thắm đậm tình quê,... tất cả được hiện lên trong sáng tác phẩm của anh theo lối thủy mặc. Đó là một tấm lòng trân quý của quê hương được hòa quyện trong sáng tác, tạo thành những tác phẩm sinh động, trữ tình, chan chứa sức sống. Trên từng tác phẩm đó, thể hiện rõ nét tài hoa của anh, thấy được độ loang nhòe của mực nho, những nét “phi bạch” của ngòi bút trong

thể “tốc” sắc như những đường guom, nhìn vào những tác phẩm như có “phong”, có “thủy”, có “hỏa” và tổng thể đưa đến một trạng thái cân bằng hài hòa hợp lý. Không chỉ tạo bước đột phá trong việc lựa chọn đề tài khác với truyền thống thủy mặc, anh còn tìm tòi cách tân về việc sử dụng chất liệu và kỹ thuật vẽ, bộ cục tranh cũng có sự linh hoạt hơn trước, và nhiều tác phẩm còn kết hợp cả với hội họa phương Tây (tranh sơn dầu) trong phương cách thể hiện. Với những bước cách tân đổi mới này đã mang lại cho tranh thủy mặc Việt Nam một sắc thái mới và đến gần với nghệ thuật đương đại hơn.

Trên 20 năm sáng tác, bằng sự lao động nghệ thuật miệt mài, không mệt mỏi, cho ra đời hàng ngàn tác phẩm, tranh của anh có mặt nhiều nơi trên thế giới, được nhiều người mến mộ. Với một trái tim nồng ấm, một bàn tay tài hoa và một khối óc tinh tế anh đã dành trọn tình yêu cuộc sống và đam mê hội họa cống hiến cho nghệ thuật nhiều tác phẩm đặc sắc, thật rất đáng tự hào và trân trọng biết bao!

HOA THƯ'



Nhà thư pháp trẻ Hoa Nghiêm, tên thật là Ung Tự Do, sinh năm 1986, quê ở Quảng Nam. Hiện anh đang là chủ nhiệm CLB thư pháp NVH Thanh Niên Tp.HCM. Là một người trẻ tài hoa, đã có nhiều cống hiến cho hoạt động thư pháp chữ Việt dành cho giới trẻ. Ngoài việc sáng tác những tác phẩm thư pháp có hồn, Hoa Nghiêm còn có tâm hồn sâu lắng của một thi sĩ.

Hương Thiên xin giới thiệu quý độc giả bài thơ “Nghệp thư đồ” của anh. Bài thơ này cũng đã được nhạc sĩ Trường Kha phổ nhạc.

H.T

Nghiệp Thư Đồ

*Bao xuân rồi con không về, mẹ nhỉ?
Mái ngói liêu xiêu, hàng dừa thưa lá
Chuyện của ngày xưa, é a tập nói
Võng đưa hời bên mẹ hóa thành thi*

*Và định mệnh, ai biết trước điều chi
Cát bước đi khi lên mười lên chín
Mơ phố thị nên không hề bịn rịn
Sài Gòn ơi! Số phận đổi thay chẳng?*

*Điều Giác lặng thâm uom mầm sự sống
Chở che người cơ nhỡ vẹn tình thương
Vĩnh Đức uy nghiêm như vạn lễ thường
Cho con hiểu nhân sinh và đạo hiếu.*

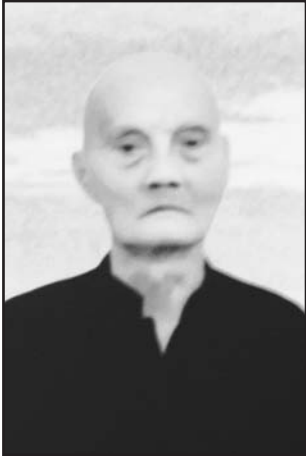
*Thêm yêu mẹ, yêu quê hương trù mến
Con miệt mài bên bóng tháp sư ông
Thư pháp hồn thiêng nét chữ tiên rồng
Tự tại lòng thảo bút tự hư không.*

*Xuân lại đến, xuân đi, xuân lại đến...
Nghiệp thư đồ, con trả vẫn chưa xong!*

THÀNH KÍNH TƯỞNG NIỆM ĐỨC SƯ ÔNG THƯỢNG BỬU HẠ ĐỨC
NHÂN KỶ NIỆM 42 NĂM NGÀY ĐỨC SƯ ÔNG VIÊN TỊCH.

Đức Sư Ông Thượng Bửu Hạ Đức

(1880 - 1975)



Đức sư ông thượng Bửu hạ Đức thể danh Phạm Văn Vị, sinh năm 1880 tại làng Vĩnh Chánh, tỉnh Long Xuyên. Ngài học đạo với các vị chân sư ở núi Tà Lơn trong suốt 14 năm (1930 - 1944), sau đó hồi hương đồng tu với thầy Ba Khỏe, là vị trưởng gánh tại chùa Bồng Lai (Núi Tượng, Ba Chúc, An Giang) thuộc đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa. Tóm lược các giai đoạn hồng truyền đạo pháp:

- Năm 1925, đức ông chợt tỏ ngộ đạo màu khi đang cày ruộng tại quê nhà. Ngài tự tay phải tóc xuất gia rồi đi về Rạch Giá tham gia vào nhóm từ thiện hốt thuốc Nam trị bệnh cho bá tánh, do đức Bà và một số đạo hữu phát tâm hành thiện.

- Năm 1930, được sự khai thị của ơn trên, đức ông đăng sơn núi Tà Lơn (tỉnh Chợt Xim, sát biên giới Việt Miên) để cầu thầy học đạo.

- Năm 1944, công quả viên thành, ngài hồi hương về chùa Bồng Lai (An Sơn tự, sau trùng tu đổi hiệu là Tu Vũ tự, do ông Út Hớn quản chúng, nơi có thờ Ông Thê do sư Thiện Huỳnh thỉnh cúng) thuộc vùng núi Tượng, xã Ba Chúc, tỉnh An Giang và đồng tu với ông Ba Khỏe là vị trưởng gánh có uy tín trong vùng. Lúc

bấy giờ đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa phát triển mạnh trên 16 tỉnh thành cả nước, chia thành 24 gánh (đạo tràng), 6 ban, tổ đình đặt tại chùa Tam Bửu Phi Lai (Ba Chúc).

- **Năm 1945** nhận thấy thời cơ hóa duyên đã đến, đức sư ông lên Ngọa Long sơn (núi Dài), lập một thảo am (tín đồ thường gọi là chùa Bửu Quang) tại Ô Tam Cấp khổ hạnh tu hành. Người theo cầu pháp khá nhiều, trong đó có ông Nguyễn Thành Nam cũng đến cộng tu, sau này lập Hòa Đồng Tôn giáo, còn được gọi là Đạo Dừa tại tỉnh Bến Tre.

- **Năm 1955**, thời điểm chùa Bửu Quang ở Ô Tam Cấp hưng thịnh, có nhiều đệ tử đến cầu pháp như: cụ Sáu Muôn, cụ Năm Trâu, sư Thiện Huệ, sư Thiện Phước... Nổi bật nhất là ông Đạo Mười, sau này là đức Tôn sư Thích Thiện Phước, người khai đạo, vị sơ tổ của Liên tông Tịnh độ Non bông hiện nay.

- **Năm 1959**, do chiến tranh lan rộng, chùa Bửu Quang phải dời xuống chân núi Ngọa Long sơn (nay là ấp An Hòa B, thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, An Giang). Nơi đây, chùa đã ba lần bị chiến tranh tàn phá vào các năm 1963, 1968, 1979, nên phải tạm di dời nơi khác.

- **Năm 1960**, đức ông cùng chư vị đồng đạo về hoàng pháp tại núi Trà Sư (điện Sân Tiên, huyện Nhà Bàng), được đề chúng lập tịnh thất Đại Quang Minh cúng dường hành đạo. Từ chúng vân tập khá đông, trong đó có các sư Thiện Thới, sư Thiện Huỳnh, sư Thiện Hương... Về cư sĩ có ông Huỳnh Hoài Lạc, chủ bút tờ báo Chuông Mai cũng về gieo duyên cầu pháp.

- **Năm 1963**, do chiến tranh tàn phá, chùa Bửu Quang bị phóng hỏa, phải di dời về sau chợ Ba Chúc, nơi đây được Giáo hội chọn làm Trụ sở của Quận hội Phật giáo Tịnh Độ tông của quận Tri Tôn, do Hòa thượng Thích Thiện Niệm làm Hội trưởng.

- **Năm 1968**, chiến tranh lan rộng, chùa Bửu Quang lại bị phóng hỏa thiêu rụi lần hai. Đến **năm 1975** hòa bình lập lại, chùa mới được trùng tu do sự phát tâm hỷ cúng của các cư sĩ: Thiện

- Người tu không nên lập dị, không nên tranh chấp hình thức làm sai lạc chính pháp của Đức Phật Thích Ca.

- Đừng dùng âm thanh sắc tướng quá nhiều mà cầu đạo, nó chỉ giúp ích cho người tu ở giai đoạn đầu, ác tâm không phải là cứu cánh.

- Người xuất gia, tại gia đều được nên đạo như nhau, nhưng phải có lòng chơn thật, mới đúng là Sa môn Thích tử. Không nên mượn Đạo tạo Đồi, không tu hành bao nhiêu, chỉ mượn học vị che mắt thiên hạ, không xứng đáng làm người.

- Người tu trưởng thành đạo nghiệp, tức là đắc đạo, chỉ khi nào có được ở nơi người có lòng trung tín, hiểu đạo không bỏ pháp môn.

(LỜI KHAI THỊ CỦA ĐỨC SƯ ÔNG)

Huệ, Thiện Phước, Tiền Định... Tuy nhiên, **năm 1979** chùa bị giặc Pôn - Pốt đến tiêu hủy lần 3, một số tín đồ bị tàn sát, trong đó có cụ Sáu Muôn, đại đệ tử của đức sư ông. **Đến năm 1981** hàng đệ tử đức ông từ tú xứ trở về trùng tu ngôi Chánh điện trên nền cũ, tôn kính là chùa Ông Bác (thay cho Bửu Quang tự). **Năm 2011**, Hòa thượng Thích Giác Quang tổ chức chuyên hành hương chôn Tỏ, hoạch định chương trình đại trùng tu cho xứng tầm ngôi Tỏ đình của Liên tông.

- **Năm 1969** được thuận duyên Tam bảo hộ trì, đức sư ông chỉ giáo sư Thiện Thới và môn đệ về núi Sập (Thoại Sơn, An Giang) xây dựng ngôi Thành An tự. Nơi đây, đức ông hóa đạo cho hàng cư sĩ như: Ông Ba Bò Đè, cô Mười Thời, sư Thiện Trí, thầy Thiện Tánh, Thiện Tâm, Thiện Chí, Minh Tâm... cùng chư Tăng Ni Liên tông Tịnh độ Non bông và nhiều Phật tử khác ở khắp vùng Nam bộ. Ngài chọn nơi đây làm trú xứ và an cư cho đến khi viên mãn xả bỏ báo thân, ngày 18 tháng Chạp năm Giáp Dần 1975.

(HÒA THƯỢNG THÍCH GIÁC QUANG lược ghi)

CHƠN PHẬT TỬ

Con muốn trở nên người Phật tử chơn chánh, xứng đáng là người con tinh thần của Phật pháp, con phải có những đức tánh thiết yếu như sau:

- Có lòng vị tha rộng lớn, tánh bao dung.
- Có lòng thương người chân thật.
- Có tánh hy sinh cao cả, biết nhận xét.
- Giữ tinh thần trong sạch, cao khiết, không cho đắm nhiễm (tình cảm nhảm nhí, gây ra xáo trộn điên đảo tâm hồn).
- Tâm thường vắng lặng, suy tư một cách chơn chánh (không suy nghĩ vẩn vơ, tâm ý tưởng nhớ xằng bậy).
- Làm việc gì kỹ lưỡng, thận trọng dù việc đó nhỏ hay lớn.
- Nói năng lịch sự, đúng phép, nhã nhặn, khiêm tốn, nhịn nhường, cương nhu đúng lúc.
- Đời sống giản dị càng hay, biết đủ là vui.
- Lập chí vững bền như kim thạch.
- Siêng học rộng, mở mang trí tuệ.
- Kham chịu những điều khó khăn khi bị thử thách.
- Nếu con có một tâm hồn thánh thiện trong một thể xác mạnh khỏe, trong sạch thì tinh thần con mới minh mẫn, sáng suốt, việc làm của con mới đúng đắn.
- Con có thể kham chở lợi ích chúng sanh nương theo con, chơn Phật, Bồ tát, tương lợi hành giúp đỡ hồng trần và con sớm viên mãn công hạnh.

- Như vậy dù con ở cõi trần như nhưng tâm con đã về Tịnh độ, vào thế giới giải thoát, sống cùng chơn Phật, Bồ tát và chơn Thượng Thiện Nhơn. Quyết định: sống, con ở cõi trần, tâm nương Phật; lâm chung, con về cảnh Phật không sai.

(Trích CHƠN PHẬT TỬ, NXB VĂN HÓA - VĂN NGHỆ 2015)

TRẦN TAM BẢO

Tâm Ngộ Chuyển Pháp Hoa

*Khi Đạo – Đòi thanh thoát như nhiên
Thì Hóa Thành – Bảo Sở thênh thang*



Có những loài hoa hương sắc kiêu sa, thanh khiết rạng ngời nơi cung đình thượng uyển, cũng có những loài hoa mộc mạc đơn sơ, thơm ngát dịu dàng giữa mây ngàn gió núi. Và đặc biệt có một loài hoa không sắc không hương nhưng lại mang pháp vi tuyệt vời bay ngược gió trần gian. Đó là kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Theo lịch Đại Tam Bảo Ký, vào năm 260 tại Giao Châu, ngài Chi Cương Lương Tiếp hợp tác với các học giả Giao Châu, dịch từ Phạn ra Hán văn bộ kinh Pháp Hoa Tam Muội. Mãi đến thời Tự Đức Nguyên niên có bản kinh Pháp Hoa bằng chữ Nôm (còn lưu giữ tại Đông Dương văn khố Tokyo). Năm 1937, cư sĩ Đoàn Trung Còn kết hợp hai bản dịch Phạn văn và Hán văn để soạn ra bộ kinh Pháp Hoa bằng quốc âm (Hán Việt). Năm 1947, Hòa Thượng Thích Trí Tịnh dùng Việt ngữ dịch nghĩa bộ kinh Diệu Pháp Liên Hoa mà Phật tử tụng đọc đến ngày nay.

Trước lúc Đức Phật Thích Ca chuẩn bị thuyết kinh Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm, Ngài xuất chánh định rồi bảo: “**Này Xá Lợi Phất! Trí tuệ của các Đức Phật rất sâu vô lượng, khó hiểu khó vào, tất cả hàng Thanh Văn cùng Bích Chi Phật đều không biết được. Vì sao? Chỉ có Phật cùng Phật mới có thể thấu nhập tột tướng chân thật của các pháp, nghĩa của các pháp là mười Như Thị: Tướng Như vậy, Tánh Như vậy, Thể Như vậy, Lực Như vậy, Tác Như vậy, Nhân Như vậy, Duyên Như vậy, Quả Như vậy, Báo Như vậy, Trước Sau Rốt Ráo Như vậy**”. Đây là lần đầu tiên Đức Phật đề cập đến bí mật Bản Thể Vũ Trụ mà khoa học hiện đại như khoa Vật lý lượng tử, hạ nguyên tử tìm cách chứng minh. Gần đây nhất có học thuyết Super String, M. Theory hay còn gọi là Lý Thuyết Dây với thuyết không gian mười chiều tương đồng với thuyết Thập Phương của Phật giáo. Đang xác định xem 10 micro second (micro second là một phần triệu giây hay tương đương với một sát-na), khoảng thời gian nhỏ nhiệm sau vụ nổ Big Bang là gì?

Khi ấy vật chất còn trong thể hỗn độn chưa cấu thành nguyên tử, phân tử.

Phẩm Phương Tiện thứ mười ba. Sau ba lần từ chối lời thỉnh cầu của Ngài Xá Lợi Phất, Đức Phật sợ khi nói ra pháp này thì Trời, Người, A-tu-la đều kinh nghi, Tỳ Kheo Tăng Thượng Mạn sẽ sa vào hầm lớn. Tuy nhiên cuối cùng Đức Phật bảo: **“Ông đã ba lần thưa thỉnh, nay nên lắng nghe, khéo suy nghĩ. Ta sẽ vì ông phân biệt giảng nói... Buổi đầu Phật phương tiện lập Hóa Thành đưa tứ chúng đến quả vị A La Hán (Định Tánh Thanh Văn) mà còn phải vượt qua 500 do tuần đường hiểm tu Bồ Tát Đạo (kiến tánh thành Phật) mới đến được Bảo Sở, đó là quả vị Vô Thượng Bồ Đề Chánh Đẳng Giác...”** Tất cả nội dung này bậc cổ đức lược giải, cô đọng thành khẩu quyết cho người tu học kinh Pháp Hoa lãnh hội. **“Vì một đại sự nhân duyên Như Lai xuất hiện ra đời là để khai, thị, ngộ nhập Phật Tri Kiến. Khai – Thị thuộc bốn phận Đạo Sư xiển dương cơ giáo hóa tiếp dẫn, còn Ngộ – Nhập thuộc nhiệm vụ của hành giả phải giác bản tâm kiến tánh, hạnh buông xả hỗn nhiên”**.

Xin giới thiệu một câu chuyện thiền để ngưỡng mộ trầm tư:

Tăng Pháp Đạt 7 tuổi đã xuất gia, thường tụng kinh Pháp Hoa. Lớn lên đến lễ Tổ Huệ Năng mà đầu không chấm đất, Tổ quở: “Đảnh lễ như thế bằng như chẳng lễ, trong tâm ngươi có chất chứa điều gì? Thường ngày tu hạnh gì? Pháp Đạt trả lời: Tụng kinh Pháp Hoa ba ngàn bộ. Tổ nói: Dầu cho ngươi tụng đến mười ngàn bộ, nếu ngộ được ý kinh mà chẳng cho là thù thắng mới đồng một hạnh với ta. Ngươi tên là Pháp Đạt, đầu đã từng đạt pháp, pháp vốn thông đạt chỉ tại tâm ngươi chẳng đạt. Phàm người đời bên ngoài chấp tướng, bên trong lại chấp không, trong và ngoài chẳng mê chấp. Nếu ngộ pháp này ngay một niệm tâm liền sáng tỏ, ấy là khai tri kiến Phật. Ta cũng khuyên mọi người nên khai tri kiến Phật ở tự tâm. Hãy nghe bài kệ sau đây:

Đức THẾ TÔN bảo Ngài ĐẠI NHẠO THUYẾT BỒ TÁT:

“Phật ĐA BẢO đó có nguyện sâu nặng: “*Nếu lúc tháp báu của ta vì nghe Kinh PHÁP HOA mà hiện ra nơi trước các Đức Phật, có Phật nào muốn đem thân ta chỉ bày cho bốn chúng, thời các hóa thân Phật của vị Phật đó phân thân ra nói pháp ở các cõi nước trong mười phương đều phải nhóm cả một chỗ, vậy sau thân của ta mới hiện ra*”.

(KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA)

*Tâm mê Pháp Hoa chuyển
Tâm ngộ chuyển Pháp Hoa
Tụng lâu chẳng hiểu thấu
Nghịch ý nghĩa trong kinh
Vô niệm, niệm tức chánh
Hữu niệm, niệm thành tà
Hữu Vô đều chẳng chấp
Hằng ngồi Bạch Ngưu Xa.*

Pháp Đạt nghe xong chảy nước mắt, khai ngộ trình kệ với

Tổ:

*Tụng kinh ba ngàn bộ
Gặp Tổ một lời quên...
Ai biết trong nhà lửa
Vốn là tự tánh Phật.*

Tổ khen: Người về sau này mới được gọi là ông Tăng tụng kinh.

Đã nhiều năm làm người giữ rừng ở Núi Dinh, nhân một hôm đọc lại kinh Thủ Lăng Nghiêm đến phẩm đức Phật quả trách thị giả A Nan, thường lấy tâm hay suy nghĩ (*năng suy vi tâm*) mà tu hành tức nhận giặc làm con. Qua bài giảng Tốc Lực Tâm của Phật Thích Ca (*Đức Phật và Phật Pháp của Narada*). “***Khi tâm đối pháp khởi niệm thì mười bốn sát-na đầu tiên, tâm tuyệt nhiên ở trạng thái vô phân biệt và vọng tâm chỉ khởi chấp hành***

Diệu Pháp Liên Hoa Can Tâm Đà-Ra-Ni:

NAMO (Quy y) SAMANTA (Tổng thể) BUDDHANAM (Phật Đà). AUM (Ba Thân đảnh lễ) A (Khai) À (Thị) AM (Ngộ) AH (Nhập). SARVA BUDDHA (Tất cả Phật) JNANA (Tri chứng: Biết như thật) SAKSOBHOYA (Kiến chứng: Thấy như thật) GAGANASVA (Tự tánh hư không) ALAKSANI (Ly trần tướng) SUDDHARMA (Diệu Pháp) PUNDHARIKA (Bạch liên hoa) SUTRAM (Kinh). JAH (Nhập) HÙM (Biến) VĂM (Trụ) HỌH (Hoan hỷ). VAJRA (Kim Cang bền chắc) RAKSA MAM (Ứng hộ cho tôi) HUM (Tam Pháp Ấn: Không, Vô Tác, Vô Nguyện) SVAHA (Thành tựu viên mãn).

Dịch âm: Nam mô Sa Mãn Ta Bút Đà Nâm. Om, A, À, Ầm, Ặc, Sác Và Bút Đà Gi Nhã Na, Sakasôbôgia Alakasani Sút Đạt Ma Bun Đa Ri Ka Sút Tra. Giác Hùm Văm Học Vạ Giờ Ra. Ra Ka Sa Mãm Hùm Sóa Ha.

phân biệt từ sát-na thứ mười lăm tương tục về sau”.

Kinh Đại Nhật Như Lai, Ngài Kim Cang Thủ Bồ tát hỏi Đức Phật Tỳ Lô Giá Na: Bạch Thế Tôn! Chỗ nào là nơi giấu của báu (Bảo Sở)? Đức Phật Tỳ Lô Giá Na trả lời: “Như thật tri tự tâm!”.

Thuở ấy, cách đây hơn hai mươi năm, Ni trưởng Tu viện Quan Âm nhắc nhở cho tôi biết rằng bài thơ *Cái đẹp của người tu* do đức Tôn sư sơ Tổ Liên tông Tịnh độ Non bông sáng tác là bản lược giải kinh Pháp Hoa ngắn gọn: “**Tâm con yên lặng như gương tròn sáng – Tâm con trong sạch như ánh nguyệt tròn – Tâm con từ bi như tuyết phủ núi sông – Tâm con quảng đại như cam lồ pháp vũ... Tâm bình đẳng là tình cao thượng – Tâm bác ái ấy nụ cười chư Phật – Tâm hỷ xả là ánh sáng Như Lai – Tâm giác ngộ là rừng bửu báu – Tâm ly trần là thắng**

*cảnh Tây phương...”. Có lần đọc đến đây, lòng tôi bỗng dâng lên cảm thức dạt dào chợt nhớ đến lời tuyên thuyết của Lục Tô Huệ Năng: “**Khi tâm ngộ rồi, thì ngồi tại đây đưa tay qua kể bên là chạm đến Cực Lạc Tây phương**”. Và niềm tin giải cang thẳng hoa khi tham cứu và tu học bài Diệu Pháp Liên Hoa Can (Gan) Tâm (Lòng) Đà-Ra-Ni Bồ Tát thực hành nghi quỹ. (Lược trích từ Mật Tạng Bộ 2, trang 88, phần kinh Pháp Hoa của Biệt Tôn Tạp Ký do A Xà Lê TRUYỀN GIÁO ĐẠI SƯ truyền thừa).*

Trước tiên, hai tay kết ấn Liên Hoa Bát Diệp, trì đọc: Nam mô Diệu Pháp Liên Hoa Can Tâm Đà-Ra-Ni vận chuyển.

Sau cùng, hai tay kết ấn Đa Bảo Như Lai trì đọc: Nam mô Đa Bảo Như Lai trong huyền vi ẩn tích trợ duyên. Hành giả tụng một lần công phu này, công đức tương đương với người tụng 4 Lạc Xoa kinh hay bằng 400.000 bộ kinh Pháp Hoa.

Bạn ơi! Trên lộ trình giải thoát lẩn gian nan, nếu chưa Khai Thị Ngộ Nhập Phật Tri Kiến ở ngay Tâm Thể Vô Phân Biệt của mình, thì đoạn đường dài từ Hóa Thành đến Bảo Sở vẫn còn là dặm trường xa cách. Trước khi gánh vác nhiệm vụ sứ giả Như Lai hoằng dương chánh pháp, hãy thọ trì yếu chỉ kinh Pháp Hoa, ngộ hầu triển khai một năng lực chẳng thể nghĩ bàn của bậc Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất thường tu tinh tấn Hạnh Đầu Đà rất ráo viển ly. Để trọn vẹn mặc áo Như Lai nhu hòa, nhả nhục vào nhà Như Lai từ bi trang trải, ngôi tòa Như Lai tất cả pháp Không, cho bản thân vượt thoát khỏi sanh tử đôi bờ và hát hoài hát mãi khúc tình thơ.

*Ta chẳng buồn đâu chẳng chán đâu
Vẫn thương trong cảnh thế gian sâu
Vẫn biết trần ai tuông ảo hóa
Vẫn hát tình ca nghĩa nhiệm màu.*

Núi Đỉnh, người giữ rừng Bạch Đàn lặng lẽ - 2016

Lễ Tiểu Tường

Cố Hòa thượng Tọa Chủ Tu Viện Phước Hoa



HT. THÍCH THÔNG QUẢ

Sáng 13/10/2016 hàng trăm chư Tăng Ni, môn đồ pháp quyến đổ về tu viện Phước Hoa, Long Thành, Đồng Nai tham dự lễ Tiểu tường cố Hòa thượng thượng Thông hạ Quả.

Năm nay, lễ Tiểu tường, thầy Huyền Lan, trụ trì tu viện Phước Hoa, tuy hạn chế khách mời, riêng chư Tăng Ni trong môn đồ pháp quyến và khách Tăng cũng đã trên 200 vị. Hàng cư sĩ khách mời, anh chị em văn nghệ sĩ, vòn vẹn chưa tới 10 người. Tuy xe 7 giờ sáng có mặt tại Học Môn đón ba người,

về Sài Gòn đón Đặng Công Ninh, Hồng Vân, Thúy Vinh, Bảo Cường, Phương Dung, lòng vòng ra đến Long Thành gần 11 giờ. Riêng bác Tống Hồ Cầm, 99 tuổi, do con cháu đưa đi bằng xe taxi đến sớm hơn. Đoàn vừa đến thì lễ cũng đang tiến hành. Thầy Huyền Lan giới thiệu chị Hồng Vân ngâm bài thơ: “*Theo bước chân thầy*” của nhà thơ Huyền Lan, Bảo Cường đệm sáo. Kế đến, Phương Dung hát bài: “*Tháng chín, niềm thương nỗi nhớ*” nhạc Giác An - thơ Huyền Lan. Cuối cùng, Thúy Vinh ngâm bản “*Lung Linh tưởng nhớ thầy*”, thơ Huyền Lan. Giọng ngâm của Thúy Vinh xen kẽ âm đoạn giọng Huế, một giọng mà sinh thời, cố Hòa thượng rất yêu thích khi cô gái xứ Quảng này cất giọng hầu thầy.

Tuy gọi là tổ chức đơn giản, nhưng sự hiện diện của khách

Tăng và Tăng Ni pháp tử với màu vàng rực rỡ, xen lẫn áo dài màu xanh rêu của nhóm ảnh Nhất Chi Mai, màu gạch nung của Phật tử đạo tràng Quan Âm tịnh thất do sư cô Diệu Thông hướng dẫn, làm sáng hẳn không gian trầm lắng thường nhật của tu viện.

Được biết, tiểu tường hạn chế khách mời cư sĩ và văn nghệ sĩ, để chuẩn bị cho đại tường năm sau, nếu thế, có lẽ không gian của tu viện Phước Hoa sẽ nhộn nhạo hơn, không những Tăng Ni mà quần chúng sẽ vui như trẩy hội.

Sinh thời, cố Hòa thượng có hàng trăm pháp tử xuất gia, tản mát khắp nơi, ngay tại Hóc Môn cũng đã có chừng 5 vị cùng môn phái của tu viện Phước Hoa. Như thế, hương giới đức đã trở hoa trở nhánh lan tỏa muôn phương, cũng từ hương giới đức đã quy tụ anh em văn nghệ sĩ Phật tử về Phước Hoa hàng năm dưới bóng mát tu viện và tình cảm chan chứa của thầy trụ trì đương nhiệm.

Lễ Tiểu tường khép lại sau thời cúng dường trai tăng, màu vàng lan tỏa ra khỏi cổng chùa, nhưng trong sân chùa vẫn còn nấn nín những bàn chân lưu luyến với con tim tràn niềm hạnh phúc.

M.M



ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG TRONG NHIỆM KỲ IX (2016 - 2021)



- Tiếp tục thực hiện các chỉ tiêu và chương trình hoạt động Phật giáo TP. Hồ Chí Minh giao phó, tham gia phối hợp cùng phòng Nội vụ, UBMTTQ Quận 8 và các ngành chức năng thực hiện các phong trào an sinh xã hội ích nước lợi dân.

- Kiện toàn các thành viên trong Ban Trị sự, phân công cụ thể công việc, phụ trách trực văn phòng... lập quy chế làm việc phân công trách nhiệm để công việc Phật sự được trôi chảy đạt hiệu quả lớn.

- Tiếp nhận, xét duyệt các văn bản đơn từ của Tăng Ni trụ trì các tự viện, nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, tu học của Tăng Ni quận nhà.

- Kiến nghị và đề xuất lên Phật giáo TP. Hồ Chí Minh bổ nhiệm cho các tự viện còn thiếu khuyết Trụ trì.

- Tiếp tục đề xuất lên Phật giáo TP. Hồ Chí Minh, các ngành hữu quan xin khắc khuôn dấu tròn cho các tự viện còn lại trong Quận 8 và chỉnh sửa lại tên chùa theo đúng tên các tự viện trên địa bàn Quận 8.

- Triển khai kế hoạch tổ chức ACKH tập trung dành cho chư Tăng và chư Ni trong quận nhà, duy trì đều đặn hằng năm. Tiếp tục duy trì lớp sơ cấp Phật học, các lớp giáo lý cho Phật tử, đạo tràng Bát Quan trai, đạo tràng Niệm Phật 7 ngày, đạo tràng tu Thiền...

- Tổ chức long trọng, nghiêm trang các ngày lễ lớn theo truyền thống hằng năm như Phật Đản, Vu Lan... trong khuôn viên các tự viện trên địa bàn Quận.

- Thường xuyên thăm viếng, động viên Tăng - Ni trong quận tích cực tham gia các công tác Phật sự, cùng với Ban Trị sự tham gia phong trào tại địa phương. Đặc biệt là công tác từ thiện xã hội do Giáo hội và UB.MTTQ phát động.

TT. THÍCH THIÊN TÀI

ĐẠI ĐỨC THÍCH THIỆN QUY - TÂN TRƯỞNG BAN VĂN HÓA



Từ năm 2007, Đại Đức Thích Thiện Quy được công cử nhiệm vụ Ủy viên Ban Đại diện PG khu vực 2 (phường 4 và 5). Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Đại đức luôn nâng cao tinh thần phục vụ đạo pháp dân tộc và phối hợp chặt chẽ với các Tăng Ni trụ trì các tự viện trong địa bàn phụ trách. Do tinh thần phục vụ năng động chức năng được giao phó nên nhiệm kỳ IX, Đại đức đã được Ban Trị sự GHPG.Q8 tín nhiệm công cử Trưởng ban Văn hóa, đồng thời phụ trách mảng “Tin tức Phật sự Quận 8” trên ấn phẩm Hương Thiền.

Hiện nay Đại đức Thích Thiện Quy là Phó Trụ trì chùa Linh Bửu, phụ trách sinh hoạt nghi lễ cầu an, cầu siêu theo nhu cầu của bá tánh.

TIN VĂN PHẬT SỰ

- Quyết tâm bài trừ tệ nạn xã hội giả dạng tu sĩ đi khất thực để tư lợi, thường trực Ban Trị sự và Trưởng ban Tăng sự kết hợp với chính quyền Phường 4 Quận 8 lập biên bản trục xuất một đối tượng nữ giả danh tu sĩ, ra khỏi địa bàn Quận.

- Kết hợp với UB.MTTQ Q8 đề cử 06 vị tăng trẻ ở các chùa thuộc Quận 8 tham gia lớp học quân sự do Ban Chỉ huy Quân sự Thành phố tổ chức.

- Ban Trị sự Phật giáo Q8 đề cử 30 Tăng Ni trẻ quận nhà tham gia học khóa bồi dưỡng Trụ trì (kỳ 2) do Phật giáo TP. Hồ Chí Minh tổ chức.

- Rằm tháng 10 âm lịch vừa qua, các tự viện thuộc địa bàn Quận 8 đã chuẩn tể, bố thí trên 50 tấn gạo và thực phẩm chay, trị giá trên 600 triệu đồng.

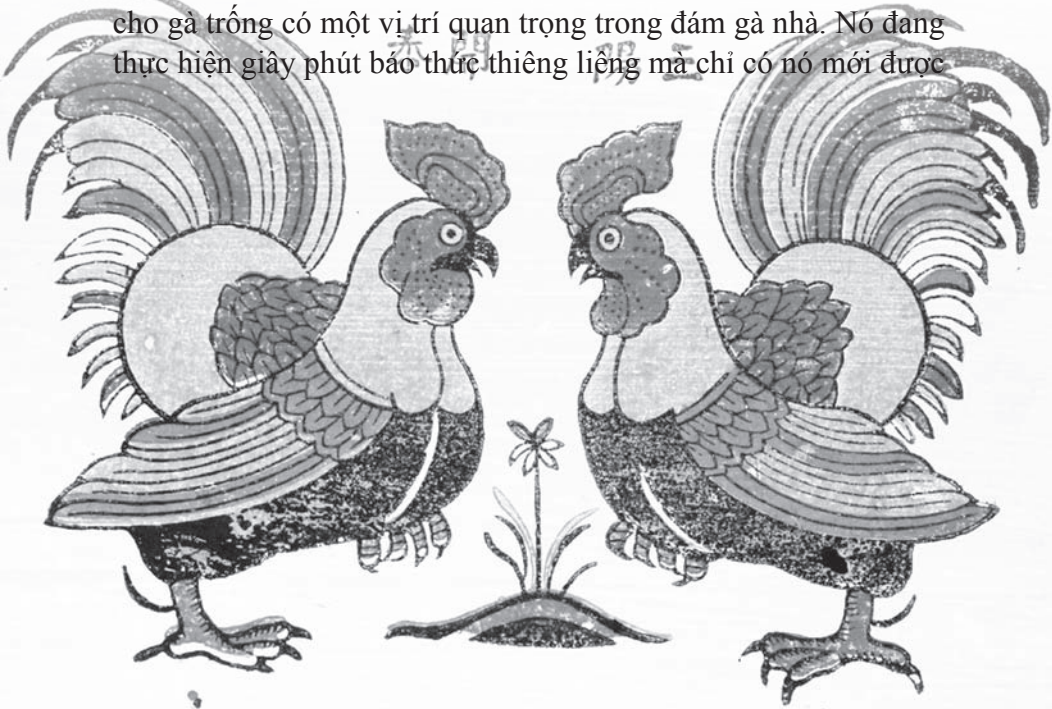
THÍCH NỮ HIỀN THÙ

Tranh Gà Ngày Tết

*“Đì đẹt ngoài sân tràng pháo chuột
Om sòm trên vách bức tranh gà”*

Một thời, bức tranh gà quen thuộc được bày bán trong những ngày Tết, không ai là không mua một vài tấm tranh gà để dán lên vách tường, vách đất, nhà giàu cũng như nhà nghèo, làm ấm áp thêm cho hương vị của ngày Xuân.

Hãy xem bức tranh Đông Hồ “Gà trống gáy sáng”, ta thấy hình dáng của con gà trống thật oai vệ, chân trái dự nhẹ lên khóm trúc, chân phải đặt lên mỏm đá mập mạp, toàn thân như đang trườn lên phía trước, đầu ngẩng cao, mắt mở to, ức ưỡn ra, đuôi xòe rộng. Đó là lúc gà đang chuẩn bị cất tiếng gáy chào buổi bình minh. Dáng điệu ấy cộng với màu sắc rực rỡ của lông ở đuôi, ở cánh làm cho gà trông có một vị trí quan trọng trong đám gà nhà. Nó đang thực hiện giây phút báo thức thiêng liêng mà chỉ có nó mới được



diềm phúc mở đầu cho một buổi sáng của người dân thôn quê.

Với tranh “Em bé ôm gà”, (dân gian gọi là bức Vinh Hoa), cái khỏe mạnh của em bé không chỉ được diềm tả ở da thịt nở nang, hồng hào mà còn ở cách ôm gà của em bé, tay này bé đè chặt con gà vào vai, cánh tay đưa thẳng xuống, tay kia giữ ức con vật kéo lại. Minh bé hơi vặn theo chiều của con vật đang cố



trườn lên phía trước, như đang cố tung cánh thoát thân. Đầu gà ngẩng cao, mắt sáng lên, hai chân dạn mạnh đạp xuống đất, đuôi chổng lên trời, song dường như gà hoàn toàn bất lực trước sức mạnh và sự điềm tĩnh chủ động của em bé. Sự vùng vẫy của con gà đối lập với sự yên vui, hồ hởi tiềm tàng ở bé tạo nên một nội dung mang ý nghĩa tâm lý, kịch tính.

Trong bức “Đại cát”, gà được dân gian quan niệm là con vật vừa để cấm quý vừa cầu may. Tiếng Hán, đại kê (gà trống) gần âm với chữ đại cát. Đây là nội dung của một quẻ bói tốt nhất cho công việc hoặc vận mệnh của con người, được sử dụng trong tranh thay cho lời chúc lành mọi người ta gửi đến nhau trong những ngày Xuân.

N.Đ.T

Xao Động Xuân Thì



Đặt thùng tưới xuống đất, tôi thở phào nhẹ nhõm. Vậy là xong. Mấy chục gốc mai trong vườn vừa được tắm mát, chúng hân hoan chia những chiếc nụ búp, be bé ra đón nắng. Đó là niềm hy vọng của ba tôi, giấc mơ làm giàu của ba sắp trở thành hiện thực.

Mấy hôm trước, ba bảo tôi vặt lá mai. Theo dự tính của ba thì đây là thời điểm thích hợp nhất. Hái lá sớm quá, chưa Tết, mai đã ra hoa. Còn chậm, Tết xong, mai mới từ từ nở thì... xuân muộn. Chắc hẳn không ai thèm chọn mua những cây mai như thế. Và, ba

sẽ bán ế, giắc mộng vàng tan vỡ. Gia đình lại được dịp xào xáo. Ba mẹ thay phiên trách móc nhau. Tết sẽ buồn như... chết. Vì thế, tôi phải ra tay nghĩa hiệp, giúp ba ép mai nở đúng giờ giắc. Tôi ngắt lia, ngắt lịa, từng chiếc lá thi nhau lia cành. Chúng bay tản mạn quanh tôi nửa như luyến tiếc nguồn cội, nửa như chế giễu: “Chưa hết đâu, còn phải quét lá nữa, bé ạ!”. Thấy vẻ mặt ủ rũ của tôi, ba an ủi: “Bao nhiêu lá là bấy nhiêu tiền đó con!”. Tôi chẳng phân khởi chút nào. Những điều ba nói thường ít có sức thuyết phục đối với mẹ và tôi. Bởi lẽ, kế hoạch nào của ba cũng vĩ đại nhưng thành quả đạt được luôn... hạn chế. Làm việc gì ba cũng phô trương âm ỉ nhưng thu hoạch thì lặng lẽ, im lìm.

Sau mấy lần đi buôn chuyên bị lỗ đến cụt vốn, ba chuyển sang nghề trồng cây cảnh. Ông đoán trước một tương lai xán lạn chưa từng thấy. Một vốn, chín mười lời! Theo ba, xã hội ngày càng đổi mới, phát triển. Đời sống nhân dân thoải mái, sung túc nên nhu cầu giải trí cũng được nâng bậc. Ngoài những phương tiện hiện đại như truyền hình màu, cát-xét, xe máy,... Phong trào chơi hoa kiểng, cây cảnh cũng rầm rộ. Thú vui tao nhã này được rất nhiều người ủng hộ. Từ nhà nghèo đến nhà giàu đều yêu thích. Không có một biệt thự nào vắng bóng cây cảnh trong nội thất. Thiếu màu xanh cây lá như thiếu khí trời và không có cây cảnh, chủ nhân ngôi nhà trở nên kém thẩm mỹ, trình độ văn hóa xem như còn thấp. Người ta đua nhau bỏ tiền ra mua tiếng lịch lãm, tao nhã. Ba tôi lý luận: “Cái gì nhà giàu thích thì chẳng mấy chốc trở nên quý báu và lên giá”. Để minh họa, ba kể rằng:

Ngày xưa, có hai vợ chồng nhà kia đã nghèo còn đông con. Họ làm lụng quanh năm suốt tháng vẫn không đủ sống. Một hôm, chịu hết nổi cảnh bữa no bữa đói, hai vợ chồng bàn nhau tìm cách tự tử cho rảnh nợ. Họ dặt đàn con vào rừng sâu tìm trái độc. Ở đó, họ bắt gặp một loại trái kỳ lạ, vỏ vàng xanh, ruột màu cam và hạt lại đen bóng, mọng nước. Đoán chắc là trái độc, họ chia nhau ăn rồi chờ... chết. Nhưng, một lúc sau, họ chỉ thấy... no và còn có

cảm giác khỏe khoắn như vừa được tắm nắng. Hai vợ chồng chợ tình ngộ. Họ thấy chết là ngu ngốc. Quan họ còn biết bao điều bí ẩn, hay ho trời sinh ra để cho con người hưởng. Chưa chi đã vội đầu hàng hoàn cảnh. Hai vợ chồng liền dắt đàn con... về nhà. Hằng ngày, họ thay phiên trở vào rừng hái trái cho gia đình đỡ dạ. Nhưng, ăn hoài, họ phát ngán, bèn đem trái ra chợ bán. Lúc đầu, người nghèo mua ăn vì giá rẻ. Số tiền bán trái rừng vừa đủ để đổi gạo sống qua ngày nên hai vợ chồng gọi nó là Đu Đủ. Lâu dần, những người giàu cũng “thèm trái lạ”. Từ khi họ bắt đầu để ý tới đu đủ thì nó trở thành mặt hàng cao cấp, quý báu và giá bán tăng gấp mấy lần. Ba tôi kết luận: “Cây cảnh cũng thế. Loại nào, cây nào nhà giàu để ý có thể bán một hai chỉ vàng như không. Đây là cách làm ăn hợp thời, vừa mau phát đạt vừa được xem là nghệ nhân”.

Để thực hiện ý định, ông vào rừng truy tìm cây quý. Ngày nào cũng vậy, sáng sớm, ba đã ra đi và đến mặt trời chếch bóng, ông mới quay về. Cái sọt cột sau lưng-ba-ga đầy nhóc cây là cây. Khi thì mai già, lúc lại toàn bồ đề con hay cây xanh. Ba giải thích, loại này quý lắm, chỉ cần nhìn mấy cái gốc, nó ngoằn ngoèo cong queo tựa như những chú rắn bé tí cuộn vào nhau dưới vòm lá xanh um. Những nhánh bằng phẳng nhỏ nhỏ trông hao hao mấy cụm mây màu lục trôi là đà trên mặt đất.

Tôi thắc mắc:

- Sao chỉ toàn là lá, chẳng có hoa làm sao đẹp?

Ba nạt ngang:

- Đâu phải cứ phải hồng, đỏ, tím, vàng mới đẹp. Màu xanh là màu... hy vọng. Con nít mà biết gì?

Thấy sắp có “chiến tranh”, mẹ vội kéo tôi vào nhà, để ba mặc tình trông trọt, tia tót.

Chỉ trong vòng mấy tháng, khoảng sân nhỏ nhà tôi rộn ngợp màu xanh cây cảnh. Chỗ này toàn mai, chỗ kia cau kiểng, chỗ nọ bồ đề. Ba tôi chỉ chừa một lối đi hẹp ỏi là hẹp. Vậy mà ông

vẫn chưa hài lòng, cứ tiếp tục vào rừng. Mẹ tôi thường rầu rĩ than thở:

- Ôi, chắc ba con định lập một khu rừng tại trung tâm thành phố đây mà!

Nhưng, chiều nọ, ba tôi trở về với dáng vẻ “thân tàn ma dại”, mặt mày hốc hác, kinh hoàng như vừa gặp yêu quái trong rừng. Cái sọt trên lưng ba-ga biến mất. Cả cây cuốc và dao phay cũng chẳng thấy. Sau một hồi thở dốc, lấy lại bình tĩnh, ba thều thào:

- Đúng là đồ... ăn cướp mà!

Mẹ tôi hết hồn, kêu lên:

- Trời, ông gặp cướp à?

Ba khua tay, múa chân:

- Bà coi, cây mai đó là của tôi. Tôi đã “xí phần” lâu rồi. Tôi làm một cái rào để bảo vệ nó. Vậy mà sáng nay có mấy thằng ôn hoàng tới đào.

Mẹ tôi nổi nóng:

- Sao ông không đòi lại?

- Đòi chứ sao không? Tôi đâu có sợ tụi nó.

- Rồi sao? Mẹ tôi hỏi.

Ba tiu ngui:

- Tụi nó không trả còn vậy đánh tôi. May là tôi... có võ, không thì làm sao chạy thoát về đây.

Trong lúc tôi che miệng cười khúc khích thì mẹ tôi âm ỉc:

- Tức chết đi được. Còn cái sọt đâu?

- Tôi bỏ luôn rồi. Tụi nó tới bốn thằng. Vả lại cái cuốc của tụi nó dài và bén lắm. May là chiếc xe đạp gởi ngoài bìa rừng...

Ba lý luận:

- Bà với con phải biết “mãnh hổ nan địch quần hồ”.

Từ đó, ba tôi không vào rừng nữa mà bắt đầu giai đoạn tia tót, uốn nắn. Ba mua hàng ký lô dây chì để tạo dáng cho cây

cảnh. Ông quán quanh thân cây, bắt nó uốn ẹo đủ cách. Cây vươn cao, cây khom khom, lùn xuống, trông chúng co rúm thấy mà tội nghiệp. Thoạt nhìn như những tên tử tội bị trói, chờ giờ xử trảm. Mấy gốc bồ đề được ươm trồng trong những cái chậu tuyệt đẹp nhưng phải kèm cặp, chống chọi đủ thứ vì hai phần ba rễ khoe mình trên mặt chậu, phần còn lại chỉ cắm hờ hững xuống lớp đất. Đau khổ nhất là mấy chục cây mai. Chẳng biết ai bày cách mà ba chặt ngang thân chúng. Ba cho rằng làm như vậy mai sẽ đẹp hơn. Khi mọc nhánh mới, cành lá sẽ xum xuê. Tất nhiên hoa sẽ nhiều. Nhưng lúc bấy giờ, nhìn chúng, tôi muốn khóc, tưởng mình đang đứng giữa một nơi hoang phế, chết chóc với hàng mai cụt ngọn.

Chưa hết, ba tôi còn bỏ ra hai chỉ vàng để mua về mấy cây si già cổ. Ông chọn chỗ tốt gần nhà để dễ trông chừng. Nhưng, cây chưa kịp bén rễ thì “không cánh mà bay”. Sau một đêm mưa dông, sáng, ra vườn, ba kinh hoàng gào lên “Trời ơi là trời”. Tôi và mẹ chạy tới cũng hoảng hồn vì chẳng thấy mấy cây si. Tại đó, còn lại những cái lỗ sâu hóm, lưng lửng nước. Chưa bao giờ tôi thấy ba đau khổ như vậy. Ông không ăn, không ngủ mà chỉ... nhậu và nhậu. Ông say lúy túy. Hết chửi đời đến chửi trời, chửi đất. Ông tự làm khổ mình cho đến khi... ngã bệnh. Đã vậy, năm đó, Tết đến, mấy cây mai cụt ngọn không chịu ra nhánh nhanh chóng. Chúng hườn đái như vại ba cụm lá non xèo. Báo hại ba tôi thêm chán nản. Ông ủ rũ suốt ngày như cây nhớ rừng, xơ xác.

Mẹ và tôi yêu ba lắm. Vì thế, cả hai âm thầm góp sức chuyển biến khu vườn này. Mẹ về ngoại xin mấy chậu thiên tuế. Tôi học hỏi các bạn cách trồng hoa hồng, hoa cúc, mấn đình hồng, ... rồi ươm cây vào chỗ trồng cây si dạo nọ. Mấy chục gốc mai đường như thấu hiểu lòng tôi cũng vội vàng đâm chồi nảy lộc, cành lá xum xuê, báo trước một mùa xuân tươi đẹp. Cây cối trong vườn thi nhau xanh tốt, nhẩy nhọt. Ngoài việc chăm bón, tôi còn bảo vệ cây trồng bằng cách treo trước cổng một cái bảng to tỏ bố với hàng chữ: “Coi chừng chó dữ và điện 220”. Kết quả, mùa

Tiệc Đông Phong

*Mùa xuân về mơn man dòng sông
Chèo khua sóng biếc, nước mênh mông.
Đầy đưa, luyến láy, ai đưa giọng
Dịu dặt guitar, thoáng trĩu lòng.*

*Bìm bịp hòa âm kêu nước lớn
Ngẩn ngơ ai hát, tiệc đông phong.
Chút se lòng nhớ mùa trăng cũ
Tuông cổ, đình xưa khán giả đông.*

*Đã mấy mùa xuân mai nở vàng.
Đã mấy mùa đông và thời gian
Phủ khói sương mờ lên mái tóc
Khàn hơi câu Dạ cổ hoài lang.*

*Tiệc chút hương xưa buông giọng hát.
Ni non cung oán – xuân ngõ ngàng!
Hãy hãy gió lay hoa vàng cánh
Ngậm ngùi ai nở để đông tàn!*

NGUYỄN THỊ MÂY

đông sắp tàn, xuân sắp đến, toàn bộ cây cảnh không bị tên trộm nào để ý. Có lẽ những mặt hàng này chỉ thông dụng nhưng không quý lắm. Dù sao, nó cũng giúp tôi nuôi dưỡng niềm tin. Tôi chẳng có tham vọng làm giàu mà mơ ước được sống hạnh phúc với ba mẹ trong mái ấm gia đình.

- Cô bé... ời cô bé!

Giật nảy mình, nhìn ra công, tôi trông thấy hai người lạ ăn

mặc sang trọng, một già, một trẻ đến bên rào. Tôi lễ phép hỏi:

- Dạ thưa, hai ông định tìm ai?

- Có phải đây là vườn hoa kiềng của ông Hai Phi không cô?

- Dạ phải! Tôi đáp.

- Tôi là người quen cũ của ông Hai, muốn gặp để hỏi mua ít cây cảnh. Người đàn ông lớn tuổi bảo.

Tôi mừng quýnh:

- Dạ, mời hai ông vào.

Người đàn ông còn trẻ trêu chọc:

- Không mở cổng làm sao vào, cô bé?

- Dạ, xin lỗi, tại mừng quá nên cháu quên.

Gã con trai nói với người cùng đi:

- Chú thấy chưa, người ta chờ mình từ lâu lắm.

Tôi ngáy dài và nghĩ thầm: “Người đầu mà nhiều chuyện thấy bắt ghét”. Tôi liền hù:

- Coi chừng chó dữ đó, ông kia.

Hắn quay lại cười, nhe hàm răng trắng như... răng chó!

- Hồng dám sợ đầu mà hù. Làm như người ta là con nít không bằng.

- Chó dữ thiệt đó, coi chừng...

Hắn lại cười:

- Người dữ thì có!

Tôi đỏ mặt, định cãi thì người đàn ông cao tuổi lên tiếng:

- Trà, không được trêu chọc người ta.

Trà làm bộ le lưỡi rồi tùm tùm cười, thấy phát ghét. Mời hai chú cháu vào nhà gặp ba, tôi trở ra vườn ngồi chống cằm bên hàng cúc đại đóa, lòng bỗng dung buồn bã khác thường. Rồi đây những hàng cây, những đóa hoa đẹp sẽ rời bỏ nơi này về nhà khác. Chúng góp phần trang trí, tô điểm mùa xuân của một chỗ nào, không phải nhà tôi. Rồi đây, khi nhà nhà rục rịch, lộng lẫy để đón Giao thừa thì nơi này sẽ chỉ còn tro khoáng sân cỏ, bụi

màu. Thảng hoặc sót lại vài loại cây hay hoa kém hương sắc. Cuối cùng, nỗi buồn cũng thấp thoáng quanh tôi.

- Người đẹp hay hoa đẹp?

Tôi giật mình quay lại. Gã “nhiều chuyện” lại làm tôi bực mình.

- Vô duyên!

Tự động ngồi xuống bên tôi, gã... bắt đầu nhiều chuyện:

- Hình như trên trán tôi có hai chữ “vô duyên” thì phải?

- Vô... duyên! Tôi buột miệng.

Trà bật cười:

- Thấy chưa? Lại vô duyên. Có lẽ hai đứa mình “vô duyên nên đối diện cứ... cãi liền”.

Tôi che miệng cười khúc khích. Tưởng tôi hài lòng, Trà liền tấn công:

- Bé cười, tôi mừng như chết đi được sống lại.

- Xạo!

- Hai đứa mình hợp nhau lắm chứ bộ. Cùng xạo có cỡ. Nhà không có nuôi chó mà dám treo bảng hù dọa.

Trà bước đến bên rào, ngắt một cọng dây tơ hồng đưa ra trước mắt tôi:

- Bé nè, dây điện 220 đây phải không?

- Ủi đó, rồi sao?

- Tốt, sẽ có người trèo rào vào hái trộm hoa.

Trời! Liệu gã này có phải là kẻ gian không đây. Tôi liền đề cao cảnh giác. Chỉ vào cây cước đặt gần đó, tôi thản nhiên bảo:

- Thử xem rồi sẽ biết.

- Hãy đợi đấy, cô bé!

Đêm, tôi thức rình đến khuya lơ khuya lác. Không có ai lén vào vườn. Ngày Tết càng gần, cây cảnh trong vườn càng xanh tốt, ngào ngạt hương thơm, tôi càng lo lắng, sợ kẻ gian cướp mất công lao động khó nhọc bao ngày và mang theo cả niềm hy vọng của ba. Bây giờ, tôi lại mong bán được cây càng sớm càng tốt.

Không uổng công chờ đợi, số mai trong vườn được người săn cây cảnh và cả những người yêu hoa thật sự tới mua gần hết. Các loại hoa cũng đem lại lợi nhuận đến cho gia đình tôi khá cao. Đúng lúc ấy, Trà và chú anh quay lại. Người đàn ông cao tuổi chọn mua mấy chậu thiên tuế. Còn Trà, anh ra vườn, sau một hồi ngắm nhìn, Trà chọn cả chục chậu hồng với giá một trăm ngàn đồng. Trao tiền cho tôi xong, trước khi ra về, Trà dặn dò:

- Giữ giùm tôi nghe, cô bé. Hôm sau tôi cho người tới chở.

Những đóa hồng nở rộ, tươi vui. Ong bướm dập diu trong vườn hoa. Ai đi ngang cũng trầm trồ, khen ngợi. Vậy mà Trà đâu chẳng thấy. Anh đã trễ hẹn hai ngày. Ba mươi Tết rồi còn gì nữa. Mặt trời chéch bóng đằng tây. Đêm sắp về. Giao thừa gần kề. Không lẽ anh quên mấy chậu hoa ở đây. Thấy tôi nóng ruột, đi ra đi vào, ngồi đứng không yên, ba tôi bảo:

- Ồi, hơi đâu con lo. Họ là người quen cũ của ba. Hai chú cháu giàu lắm. Một trăm ngàn đối với họ có đáng là bao.

Mẹ tôi cũng an ủi:

- Ủ, kệ nó. Ai biểu mua mà không nhớ, ráng chịu. Đâu phải lỗi tại mình.

Tôi thở dài:

- Dù biết thế nhưng con vẫn thấy không ổn đâu ba mẹ. Chẳng lẽ tốn tiền mà không mua được gì. Làm sao đây ba?

Ba nổi nóng:

- Ai mà biết. Khi không họ đem tiền tới đây chứ ba có ép buộc gì đâu!

Bỗng nhiên mẹ tôi tròn mắt, đưa một ngón tay lên môi:

- Mẹ nghi quá! Hay là thằng này... khùng!

Tôi bật cười nhưng sau đó cảm thấy mẹ nhận xét có phần hơi tàn nhẫn. Xem ra, Trà cũng... dễ thương chứ bộ.

- Không phải vậy đâu, anh khôn thì mô!

“Lại nữa, này Thiện Sanh, nên biết, uống rượu có sáu điều lỗi:

1. Hao tài.
2. Sanh bệnh.
3. Đấu tranh.
4. Tiếng xấu đồn khắp.
5. Bộc phát nóng giận.
6. Tuệ giảm dần.

“Này Thiện Sanh, nếu trưởng giả hay con trai trưởng giả ấy uống rượu không thôi thì nghiệp gia sản ngày mỗi tiêu tán”.

(KINH THIÊN SANH - BỘ TRƯỜNG A HÀM, TUỆ SỸ DỊCH)

- Vậy con ở đó đoán già, đoán non một mình đi. Để mẹ lo nấu nướng, rước ông bà.

Thời gian như ngừng lại trước thềm năm mới. Đêm Trừ tịch len lỏi vào khu vườn tĩnh mịch của tôi. Mùi khói nhang từ trong nhà lan tỏa, quện lẫn hương hoa ngọt lựng, thanh thoát. Tôi bồi hồi đón Giao thừa và chờ đợi những điều mới lạ đến với mình, dù vui hay buồn.

- Chào cô bé! Chúc cô bé một năm vui vẻ, hạnh phúc.

Trà đã đến, tuy có hơi muộn nhưng dù sao cũng còn kịp nhận hoa, không phải chờ sang năm mới, tôi mừng quýnh, reo to:

- Anh Trà! Tới nhận hoa phải không?

Trà mỉm cười vui vẻ:

- Không, anh tới để chúc Tết hai bác và tặng hoa cho bé.

- Tặng hoa cho em! Hoa gì?

Trà chỉ những chậu hoa hồng:

- Tất cả những chậu hoa này, anh xin tặng cho bé.

Quá sức tưởng tượng của tôi. Cả chục chậu hồng, lẽ nào

anh... khùng thật. Tôi cảm thấy bút rút không yên:

- Mua hoa để tặng người bán hoa à? Em không dám nhận đâu!

- Sao vậy?

- Như thế chẳng khác nào khi không mà nhận tiền người lạ.

Trà đưa hai tay lên trời như cầu cứu:

- Trời ơi là trời! Còn khách khí nữa, rõ khổ! Mình có phải là người lạ đâu. Chú anh quen ba em thì hai đứa cũng... quen luôn.

Trà bỏ hai tay vào túi quần, đi tới đi lui một hồi rồi ngừng lại, nghiêm chỉnh hỏi:

- Bây giờ chịu nhận chưa?

Tôi thần nhiên:

- Chưa.

Trà phì cười, anh cú nhẹ vào đầu tôi một cái:

- Ngu quá! Thôi thì cho anh gửi lại đây, qua Tết anh mang đi.

Tôi thắc mắc:

- Qua tết còn mang đi tặng ai được nữa?

- Chờ rằm tháng Giêng, anh đem vào chùa để cầu... duyên.

Còn em, nếu em không thích hoa thì anh sẽ tặng “quả” vậy.

Trà đứng thẳng người, tay phải đưa lên ngực, giọng trang nghiêm như đang tuyên thệ:

- Anh xin tặng “quả tim” của anh cho em. Chịu chưa?

Vừa thích thú vừa thẹn thùng, chẳng biết làm sao, tôi ngượng

Trà một cái rồi bỏ chạy vào nhà. Trà và tiếng cười đuổi theo.

Tôi bắt gặp ba mẹ đứng bên hiên tự lúc nào. Cả hai nhìn chúng tôi rồi bảo nhau:

- Mùa xuân thật tuyệt vời!

NGUYỄN THỊ MÂY

Như Là Giọt Nắng

*Xuân về nhật nắng hong thơ
Chữ hoen màu mực
Dấu mòn thời gian
Nửa đời
Vó ngựa thênh thang
Phượt theo cuộc lữ
trải ngàn dặm khơi
Dưới chân
Ngập
lá vàng phơi
trên cao là cả một trời
sáng sao.
Đêm về
sỏi đá xôn xao
Vườn mai điểm nụ
Rì rào lời kinh
Như là
giọt nắng
bình minh
Như là mạch nước
đầu ghềnh
trong veo...*

S.N

Độc Túc Kê



1. Đỉnh Chứa Chan sơn, đất Đồng Nai cuối thu!

Độc túc chăm cái mào trên đầu, chuốt mũi cựa nhọn hoắt nơi đôi chun giang hồ ngang dọc để chuẩn bị cuộc xuống núi vi hành “*cứu dân độ thế*”. Mặt trời mù sau cơn mưa thu muộn, rừng trụi lá vàng và mầm xanh thì, chưa kịp nhú lên. Độc túc lắng nghe hơi thở trời quyện vào đất, cái càn khôn vi diệu trên sự mê diệu tầm thường của bá tánh, chúng sinh. Nước non không ngàn dặm mà nó hoàn toàn thuộc về cái bao la hăng hà sa số... Róc rách tiếng suối, vi vu tiếng gió lòn hang, gầm gừ tiếng thú rừng... Tất cả lặng lẽ đi vào tâm hồn Độc túc và Độc túc, không thể nào quên cái nơi chôn đả cru mang nó từ lúc sỏ lông!

“*Nhà Bè nước chảy chia hai/ Ai về Gia Định, Đồng Nai thì về*”. Giọng hò trôi theo con nước ngã ba sông, buồn vui theo tâm trạng mỗi người nhưng có điều, chẳng thể giữ lại và thốt nên lời “*Người ơi, người ở đừng về*”, giữa dòng đời nhiều khê và đầy bất trắc. Độc túc đứng trên ngọn cây dầu cổ thụ cao nhất vùng. Đêm minh mông!

- Gió Đông-Nam thổi chướng về đất, mùa thu đi qua rồi đó, thưa Đại hiệp!

Tỉnh con mơ màng, nghiêng tai nghe điều Kim Cang Kê tử mỉa nhắc nhở, Độc túc cất tiếng gáy canh cuối cùng bước vào ngày. Mặt trời thức dậy, rạng đông!

*

Thầy trò dùng thuật “*Cân đầu vân*” đến núi Dinh đất địa của Bà Trầu. Mây trắng đùn quanh cánh cung hình dáng núi, chỉ chừa chóp núi Ông Trịn đứng sừng sững hứng những tia nắng đầu tiên của buổi ban mai. Thú rừng và côn trùng sơn địa từ: Hang Tổ, hang Mai, hang Dơi, hang Dây Bí, bung Lùng... đến sư phụ, tiểu sư phụ... truyền tin nhau tụ về dưới tán rừng già chào đón Đại hiệp.

Độc túc cất tiếng gáy từng canh dội rừng, khiến gà rừng đồng loạt cất tiếng gáy theo. Nhờ vậy, từ đó, rừng được canh thức bởi tiếng gáy thời gian của gà.

- Thưa Đại hiệp! Đệ tử có cảm giác chồn này, một nơi thầy trò ta từng ước mơ tâm đến. *Tây Trúc* là đây, không cần đi như thầy trò Đường tăng đã đi thỉnh kinh Phật ngày trước.

Kim Cang Kê bầm báo với thầy. Độc túc chẳng nói chẳng rằng, cái chun độc nhất còn lại chắm mặt đất phẳng như lòng khí “*Nhất dương chỉ*” của Đoàn Dự thuở nào! Đột nhiên, Độc túc xử dụng “*Lăng ba vi bộ*”, thoáng cái mất dạng. Kim Cang Kê hiểu rằng, thầy đang hành thiền.

2.

Mưa xuân lất phất sườn núi.

Trong hang Tổ, thầy trò tâm trí trống không dù ngoài bia rừng, tiếng con mang lạc đàn réo gọi. Hình như đến thời khắc nào đó, sự trống không chẳng trống không, nếu thuyền “*Giác*” chỉ là thuyền giác mà không biết phương về bến “*Ngộ*”; dẫu đã luyện hình tướng lẫn tâm thức cứng như Kim Cang của Kê tử mị.

Mồ hôi xuất hạng, Kim Cang kê rời hang Tổ.

Mọi sự xảy ra dù sự xảy ra sinh tử, cũng không dao động tâm trí Độc túc. Rồi, một khuya, sau khi thầy trò gáy canh ba, Độc túc kêu Kim Cang Kê đến dạy bảo:

- Con phải biết nơi đây, là bản địa của “*Liên Tông Tịnh độ Non bồng*” nên còn được gọi là *Tây Phương Bồng Đảo*. Như con thấy, vì vậy mà núi rừng có nhiều ngôi chùa, kể cả nhiều ngôi chùa rất cổ: *tổ đình Linh Sơn Cổ Tự, chùa Bửu Thọ Quang, Long Cốc Thượng Tự (chùa Hang Tổ), điện Ngũ Đài, điện Lô Ím,...*

Gió lùa trăng chạy vào hang vẽ từng vệt sáng, không rõ mặt nhau nhưng cũng nhìn bóng mà quán tưởng nhau. Độc túc từ tốn, nói tiếp:

- Đất linh, mới có chùa mọc. Ngày xưa, đức Tổ sư thượng Thiện hạ Phước (còn gọi là đức Mẫu Trầu) đã từ Ngọa Long Sơn trong Thất Sơn về đây khai lập mối đạo Tịnh Độ Non Bồng, khuyên người sống đời kham nhẫn, ăn chay niệm Phật, làm lành lánh dữ. Ngài là bậc chân tu đắc đạo. Bá tánh về đây cầu pháp có hơn số vạn. Người đời thường gọi là đạo “*Bà Trầu*”, núi Dinh trở thành thánh địa của đạo “*Bà Trầu*” kể từ đó!. Núi hiền, mới có chân sư truyền đạo pháp! Non nước dù có hữu tình nhưng thiếu “*hồn thiêng sông núi*” thì cái hữu tình kia có nghĩa lý gì!

*

Rời núi Dinh xuống Vàm Mặt Trời, Độc túc “*Thủy quán*” bên bờ sông Thị Nại. Độc túc nhìn thấu cội rễ nguồn và nhớ về chôn cũ.

Phần thịt gò lên trên đầu con khủng long có khác chi mào của ta. Mào của ta, chính là cái mào quan văn của người. Và, biết đâu, khủng long là tổ tiên của gà? Thượng đế đôi khi chơi nghiệt và đùa giỡn, cái mào gà đỏ chót là để quyến rũ bạn tình, cũng là để răn đe kẻ thù. Khủng long dùng cái mào thịt đỏ tựa như gà chẳng?

Độc túc nhớ lại: Vạn vật khiếp sợ khủng long vì, khủng long cai trị trái đất. Nhưng rồi, trời “*bất dung gian*” khiến trái đất và thiên thạch cụng lộn vào nhau từ khoảng 65 triệu năm về trước, khủng long tuyệt chủng. Sự tuyệt chủng đó, đã giải thoát vạn vật được sống tự do và tạo cơ hội cho muôn loài phát triển. To lớn và hung dữ, không là biểu tượng của niềm tin và sự trường tồn! Chỉ có chữ “*tín*” mới tạo được niềm tin và may ra, mới giữ được sự trường tồn. Con gà giữ chữ *tín* qua tiếng gáy, khủng long không có cái con gà có, thì nó nhận điều tuyệt chủng là lẽ tất nhiên(!)

Đúng thời khắc âm dương hòa hợp, ta từ trứng mẹ ấp tự khê mỏ chui ra. Với tiếng côn trùng nỉ non, với bụi tre già trước ngõ... ta đã là ta thuộc cõi thế gian. Trung niên Đức, người đầy lòng nhơn ái đem ta về chốn kinh kỳ dưỡng nuôi, ta đáp lại tấm chơn tình đó bằng tiếng gáy mang nhịp thở thời gian. Sống sung túc vật chất chỉ cho ta không màng chi lo và nghĩ cuộc đời, nhưng chưa bao giờ ta cảm nhận sung sướng, bởi ta phải đánh đổi sự tự do vốn có của gà. Cái phúc của người cho, có khi lại là cái họa của kẻ nhận. Ta rơi vào bi kịch đó!

Trung niên Đức cùng gia đình có việc đi xa, ta ở lại nhà thức gáy báo canh. Một chun bị cột và với thức ăn thừa mứa quanh ta. Đời được vậy, mấy ai bì!

Ngày trôi theo ánh sáng mặt trời, ta an phận nhẩn nhục trong kiếp sống “*chim lồng cá chậu*”. Nhưng, ta chẳng thể an nhiên sống trong tình cảnh “*kẻ ăn không hết, người lặn không ra*”; nên mỗi sớm ta có thói quen gọi các đàn gà con xung quanh đến cùng ăn. Riết rồi, sự việc xảy ra thành thói quen, lối mòn thành con

đường... và sự việc không là ngẫu nhiên, mà nó thành điều tất nhiên. Bọn chuột, lũ côn trùng chưa bao giờ dám bén mảng đến lãnh địa của ta. Đám điều hâu dẫu chập chờn rình rập trên những mái ngói tường cao hoặc đáp trên hàng dây thép nhiều giờ, cũng chưa bao giờ dám giờ chiều trò sà xuống đất quắp gà con.

Tin ta bị trung niên Đức xiềng xích lan nhanh vào chốn giang hồ, nghĩa là ta đã mất khả năng phản vệ chớ đừng nói chi đến tự vệ. Những tên hiểm ác đội lớp “*Quân tử kiếm Nhạc Bất Quần*” trong “*Tiểu Ngạo Giang Hồ*” xuất hiện. Chúng đầu đá và quyết liệt tranh giành thức ăn của ta trước mắt ta, chúng “*giương oai diễu võ*” đe nẹt đàn gà con bằng cách lòn “*vuốt mãnh điểu*” nhằm “*rung cây nhát khí*”. Thiệt lòng, ta có thúc thủ nhưng quy hàng thì không!

Đang loay hoay tìm cách tháo xiềng, tai chợt nghe tiếng xé gió... Ta nhìn lên bầu trời cao, điều hâu đang lượn và đột ngột, xếp đôi cánh lao xuống bầy gà con đang cắm cúi ăn thức ăn quanh quần bên ta. Bầy gà con kinh hồn, chết điếng!

Một sức mạnh tiềm tàng dồn lên đôi cánh, ta sử dụng thức “*Thập nhị cần khôn nả*” trong chiêu thứ mười hai của Kê quyền. Cái mỏ sắc hơn mũi giáo, đâm và rạch sâu vào lườn bụng đối phương, điều hâu gãy chết. Một chun ta lia thân, nằm lại nơi xiềng xích!

3.

Giờ thì, ta chỉ là con gà tật nguyện!

Người trung niên Đức nhơn từ, không nỡ ăn thịt ta. Một ngày đầu xuân, người trung niên mang ta về Trấn Biên, vùng đất đàng cựu Đồng Nai và ta hoàn toàn sống tự do nơi chốn đó!

Ta gáy sáng rừng và tập gà rừng giữ chữ tín, gáy báo thức tiều phu, báo thức những lưu dân sinh sống nơi rừng thiêng nước độc.

- Bạch thầy! Vàm Mặt Trời đã kỳ hôn!

Tiếng Kim Cang Kê khê khàng và lỏng lẻo, níu tâm Kê Đại

Long Cốc Thượng Tự (chùa Hang Tổ - núi Dinh) là nơi mà Tổ Long Cốc (tức Thiền sư Ngộ Chân - dòng Lâm Tế thứ 39) về ẩn tu, sau quá trình hành cước từ núi Chứa Chan - Gia Lào, về Long Cốc Hạ Tự (Bà Rịa - Vũng Tàu), khoảng đầu thế kỷ thứ XVIII.

Nơi đây, Tổ sư đã thực hành pháp Thiền Lâm Tế, kết hợp với Mật tông và phép tu Tịch Cốc (không ăn cơm - chỉ ăn rau củ quả), và cuối cùng Ngài chứng ngộ Phật tánh tại hang Tổ này. Ngài tịch lúc nào không ai hay, chỉ biết ngày 30 tháng 11 âm lịch, những người thợ rừng đã phát hiện trong hang đá một bộ xương trắng đang tĩnh tọa trong tư thế kiết già, lúc đó dân làng tổ chức lễ an táng và nhập tháp Thiền sư bên cạnh hang. Tháp Tổ bị chiến tranh tàn phá, Ni trưởng Thích Nữ Huệ Giác đã trùng tu và lập bia tưởng niệm.

Trước đây, đức Mẫu Trầu (sơ Tổ Liên tông Tịnh độ) cũng đã hành cước về hang Tổ và lập nên Long Cốc Thượng Tự bên cạnh hang Tổ, được xem là một trong những địa chỉ hành hương linh thiêng của tín đồ Phật tử trong Liên Tông.

(Nguồn: Long Cốc Thiền Sư)

hiệp quay về thực tại: Một buổi chiều đẹp lạ thường, những áng mây dệt thành sợi tơ vàng vắt ngang trời óng ánh. Kê Đại hiệp chép miệng: *“Tịnh độ Non bông chẳng? Mẫu Trầu quả thực là bậc chân tu chứng ngộ nên mới chọn vùng núi thiêng này làm nơi ẩn dật rồi thiết lập mỗi đạo truyền thừa đến nay!”*

*

Thầy trò dùng thuật “*Lãng ba vi bộ*” trở lại núi Dinh. Và, sau tiếng gáy canh năm ở Long Cốc Thượng Tự rạng mùng một Tết con Gà năm đó, Kê Đại hiệp và Kim Cang Kê biệt dạng, sau khi sử dụng chiêu thức “*Kim Cang độc túc quyền*” khoét sâu lên mặt tảng đá lớn sau hang Tổ những đường nét kỳ quái, mà nhìn kỹ mới thấy hình dạng một thanh “*Đồ Long Dao*” bủa xuống chữ “*Tâm*”... Thầy trò Độc Túc Kê đại hiệp đã thành tựu được “*Nhẫn nhục ba-la-mật*”, một đại hạnh của bậc Bồ tát rồi chẳng?

Tết Đinh Dậu, 2017

Bính Thân Rời Động

*Đây, động khí gió lùa tro với đá!
đại ngàn khô tan tác lối thiên thai
rừng đã nát lá xanh nguồn xơ xác
rủ hóa thành sa mạc tróc hoang vu*

*rừng hấp hối còn đâu muôn thú hú?
khí tung tăng trèo hái mộng đười ươi
đong đưa nắng ngàn cây say gió hát
nhảy xuyên rừng tình tự khếch xuân tươi*



rừng giã chết bởi thiên tai người ngợm phá
hủy sạch rừng, khai-khoáng hiện sinh?
rừng lên tiếng trời trước giờ tử nạn
đứt mạch nguồn sông, suối cạn hồn thiêng!

Chiều cuối đông, tiết hàn luồng qua động
bầy khi lặng buồn nương hốc đá tủi thân
có còn chẳng ấm êm ngồi bắt chấy?
dưới rặng trám bầu chí chóc gãi tìm yêu

nhớ xuân xưa rừng đơm hoa đầy quả
mai, lan thơm nở nụ ngát rừng thương
mùa trái ngọt sắc hương ngồi bóng lá
xuân lay cười xanh tận đỉnh chon von...

nay, bây giờ đứng nhìn thung lũng chết!
dọn tiếng lòng ruột thắt từng cơn
bên cội trúc khi già ra quyết định:
- thôi thì, bỏ động để tồn sinh!

Trước hừng đông,
bây giờ tuôn xuống núi...
nghe tiếng gà, gáy thức phổ mừng xuân?
nơi lý trí-lợi danh đầy quyền uy và dục vọng
xứ văn minh đỉnh cao nhân loại
kính giống người vô cảm hả hê Xuân!

N.N.T

Duyên Kỳ Ngộ



TRƯƠNG VĨNH CHÂN (PHẢI) VÀ V.H.T

Lần đầu tiên tôi ra Hà Nội là vào đầu tháng 6 năm 1997. Đó là chuyến du lịch do công ty OSC Hải Phòng tổ chức. Đoàn gồm 22 người kể cả trẻ con của 5 gia đình bạn bè thân thiết. Đi và về bằng máy bay, di chuyển các nơi bằng xe ca 25 chỗ đời mới rất tốt. Trời nóng nhưng mọi người đều vui vẻ, hài lòng được đi thăm các danh lam thắng cảnh nổi tiếng.

Chuyến đi chơi Hà Nội rất thành công. Tôi rất có cảm tình với vùng đất ngàn năm văn vật này. Tôi thầm mong sẽ có dịp ra thăm Hà Nội nhiều lần nữa.

Ngày 22 tháng 3 năm 1998, tôi bay ra Hà Nội công tác liên hệ với Cục Thú y, bộ Nông nghiệp. Hôm đó ở Hà Nội trời rét, nhiệt độ 12°C vì có gió mùa Đông Bắc. Sáng hôm sau, tôi gặp anh V.H.T là trưởng phòng quản lý thuốc thú y của Cục Thú y ở ngay văn phòng của anh. Anh tiếp tôi, giải quyết công việc với thái độ niềm nở, nhẹ nhàng, dễ mến. Tôi không ngờ đó là những

giây phút đầu tiên của một cơ duyên kỳ ngộ...

(Đây là khoảng thời gian tôi đọc sách rất nhiều về đạo Phật. Hình như những điều tôi đọc được có vẻ thích hợp với tôi. Tôi tin có “ngiệp” (Karma), có nhân quả, có luân hồi, tái sinh cùng quy luật “thành trụ hoại không”. Lý nhân duyên, lẽ vô thường, vô ngã là những điều tôi quan tâm. Hình như tôi đang tìm kiếm một điều gì đó mà chính tôi chưa xác định được...)

Giải quyết xong công việc, anh V.H.T đưa tặng tôi gần chục bài thơ của anh làm, in trên mấy tờ giấy trắng khổ A4. Tôi không biết làm thơ nhưng tôi cảm nhận được sự giản dị, nét tinh tế, lòng chân thật, nhân ái trong những câu thơ của anh. Và khi đọc đến bài “Ngắm hoa” thì hai câu “*Bao nhiêu hoa ở trên đời/ Ngắm suy sẽ thấy phận người như hoa*” đã tạo ra nơi tôi một cảm xúc lạ lùng.

Ngay lúc đó bỗng nhiên tôi thấy rất nhẹ nhõm, dễ chịu. Một cảm giác an lạc bình yên lan tỏa trong tôi. Trời rét nhưng tôi lại cảm thấy lâng lâng ấm áp vô cùng. Tôi không thể giải thích được điều gì về sự kiện này. Tôi chỉ là một người bình thường với độ tuổi “ngũ thập tri thiên mệnh” nhưng có lẽ đã may mắn gặp một cơ duyên hiếm có. Tôi cảm thấy hình như anh V.H.T là người thân quen lâu lắm... Rồi tôi chào từ giã anh và bay về Sài Gòn với tâm trạng rất vui.

Mấy ngày sau, tôi viết thư gửi anh V.H.T. Bức thư dài 12 trang giấy học trò. Tôi nghĩ chắc là nhờ có nhiều “thuận duyên” và cảm hứng mới khiến tôi viết được dài như vậy. Trong thư tôi đã đề cập nhiều cảm nhận của mình về thân phận con người xuyên các bài hát của nhạc sĩ Trịnh công Sơn... Và không bao giờ tôi quên mấy câu tôi viết trong thư: “*Ở nơi xa nhưng cảm thấy thật gần/ Lòng thổn thức phải chăng đã gặp/ Người anh hay bạn cũ từ muôn kiếp trước*”, và “*Ước mơ sao có một đêm rằm/ Bên chén rượu cùng luận bàn thơ với nhạc*”.

Thư từ qua lại nhiều lần trong suốt thời gian dài đã làm

chúng tôi thân quen khăng khít nhau hơn. Tôi khám phá ra là chúng tôi rất hợp tính tình với nhau. Hồi trung học, anh V.H.T học trường Chu Văn An ở Hà Nội còn tôi cũng học trường Chu Văn An nhưng ở Sài Gòn với thầy cô ở miền Bắc vào Nam lúc 1954. Anh rất mê đọc sách, tôi cũng vậy. Anh V.H.T có tinh thần vượt khó rất cao, có quan điểm sống “trung dung”, rất coi trọng lòng nhân nghĩa, rất thương mến gia đình vợ con, đặc biệt là rất có hiếu với mẹ cha. Tôi tự nhủ cần noi gương anh để cuộc đời tôi sống tốt đẹp hơn...

Rồi trong một giấc mơ, tôi mộng thấy anh V.H.T và tôi là hai nhà sư nhỏ tuổi mặc áo thầy tu màu nâu đỏ đang vô tư vui đùa trên một ngôi chùa cổ ở vùng cao xứ tuyết (có lẽ là xứ Népal hoặc Tây Tạng chăng?) và cùng theo đời sống của những “du tăng khát sĩ”. Từ đó, thỉnh thoảng trong thư gửi anh, tôi tự xưng là “sư đệ” để viết cho “sư huynh”.

Sau này, trong một chuyến đi thăm quê anh ở Hưng Yên, tôi đã cảm khái viết mấy câu: *“Bao tiếng cười rộng mở/ Nghìn năm, nay gặp lại/ Không khác cảnh ngày xưa/ Vì người cùng hiện hữu”*.

Tháng 9 năm 1999, tôi lại bay ra Hà Nội dự lễ cưới của con trai anh là cháu V.H.Q, nhân dịp này, tôi xin anh cho tôi thấp nhang, bái lạy trước bàn thờ nhà anh để xin các cụ cho phép tôi làm em kết nghĩa của anh. Tôi nắm tay anh trước bàn thờ, lòng thâm hứa sẽ giữ gìn vững bền tình anh em của chúng tôi.

Ngày 28 tháng 2 năm 2001, anh viết cho tôi: *“Dù cho vật đổi sao dời/ Tình ta khăng khít có trời chứng cho”*.

Thỉnh thoảng trong giấc ngủ mơ, tôi lại mộng thấy hai anh em sư huynh - sư đệ cùng tụng đọc lời nguyện cầu mọi người trên trần thế sống yên vui, hạnh phúc: ***“Om Ah Hum Vajra Guru Padma Siddhi Hum”***.

TRƯƠNG VĨNH CHẤN

Huyền Mờ

*Có em đó là không em ngay đó
Trời đang xuân đã len lén hoài thu
Này rượu hồng nhuộm một rừng sắc đỏ
Em linh hồn như lặng gió vi vu*

*Chỉ phút chốc em tàng hình bốc lửa
Lốc ngang trời thiêu cháy tan hoang
Ta trợ thân. Bày nguyên con đực rựa
Tủi hổ nhìn cho lửa đốt thành than*

*Đã thành than vẫn mong ngày hóa kiếp
Chạy rạc rời theo mộng mị khói sương
Bời. Em có đó rồi không ngay đó
Lời quỷ ma vẫn dịu dịu mùi hương*

*Ta bị hút bởi “Hấp tinh đại pháp”
Công lực ngàn năm lại kiếp sậy lau
Bời em lượn trong huyền mờ bạch lạp
Ta rùng mình ớn lạnh tận thịt da*

Bời. Em có đó mà không em ngay đó.

Mùa Xuân Xanh

*Giấc mơ nào khép mở
Phía sau những rèm mi
Tiếng ai đó thắm thì
Đã về đâu ngày tháng*

.

*Nước đôi bờ sóng sánh
Chảy tràn mùa xuân xanh
Tháng Giêng về trên cỏ
Em ngập tràn trong anh...*

Vào Xuân

*Mướt mà cỏ hát lời chim
Mùa vui
Óng ả lụa mềm
Nắng tơ
Giấc xưa sực tỉnh bây giờ
Hoa trong vườn cũ
Còn ngờ chiêm bao*

.

*Nghìn năm
Mộng cứ ngọt ngào
Mới hay
Trời đất hôm nào
Lại Xuân...*

Mùa Đang Tới

*Lá ngời xanh
Vườn thân thiết
Tình xuân
Mùa đang tới
Cây đời thay áo mới
Nỗi buồn qua
Cho niềm vui ở lại
Trên mắt môi
Và
Trong trái tim người...*

*Buồn chi em
Khi chiều phai
Nắng xế
Cho trăm năm
Lệ nhỏ
Mặt môi cười
Ngày héo hắt
Là khi đêm mở mắt
Dâng tặng đời
Bao giấc mộng đầy vơi...*



Kê Kinh Trong Lòng Người Gia Định



1.

Bụi thời gian vô tình hay hữu ý đã vùi lấp những chuyện xưa thành những nắm mờ, chôn và giấu kín bao điều sự thật? Trong đó, có chuyện Kê Kinh đối với Tả quân hoặc của riêng người trai trẻ Lê Văn Duyệt ở vòm Trà Lọt, làng Hòa Khánh?

Tả quân trở lại thư phòng sau khi đến thăm hai cơ quan Anh Hải và Giáo Dưỡng ⁽¹⁾ ở phía tây nam thành Gia Định. Độc ẩm trên Nguyệt lâu, ngài nhìn sương chiều rơi bên kia rạch Bến Nghé; bất chợt, lòng nao nao nhớ chốn quê nhà! Càng nhớ chốn quê nhà, ngài càng thương dân nghèo và càng cố gắng đẩy cái nghèo rớt khỏi dân nghèo. Dầu giờ đây, người Gia Định hay kẻ lân bang thấy đều kính phục ngài; gọi ngài là Thượng Công, Ông Lớn Thượng, Cọp Gấm Đồng Nai... Và thiên hạ đương thời, tôn vinh ngài là một trong ngũ hổ tướng ⁽²⁾. Ngài không coi đó là vinh dự, là niềm kiêu hãnh của riêng mình, mà đó là gánh nặng trọng trách trên đôi vai của người biết xấu hổ khi thấy dân còn sống thiếu áo cơm, đói như nghia nơi mình cai quản.

Người Gia Định vốn *hào sảng, còn ăn hết thối; thích nói tắt, ưa cái ưa cụ thể*... Tả quân hiểu lòng người Gia Định như hiểu con sông Tiền chảy đến đất Vĩnh Long chia làm ba ngả: Sông Hàm Luông, sông Cổ Chiên, sông Mỹ Tho... Nghĩ ra điều lâu nay chưa nghĩ tới, Tả quân mỉm cười, tự hỏi:

- Sao không biến “*Kê*” thành “*Kinh*” như là, cái “*Đạo*” dạy người?

Đêm đó, Tả quân cho gọi Lão Đệ, người cùng làng và cũng là kẻ tâm phúc, theo phò Nguyễn Ánh từ thuở hàn vi. Ngài tâm sự với Lão Đệ:

- Ta bước vào cái tuổi “*ngũ thập tri thiên mệnh*”. Nghĩa ở đời, xét về trung hiếu: Nếu nói trung, thì ta đã tận trung với vua. Nếu nói hiếu, thì ta chưa thực sự tận hiếu với dân!

Lão Đệ quỳ xuống định tâu lời: Bẩm Thượng Công! Nhưng, ... Tả quân kịp nghiêng mình với tay đỡ kẻ bè tôi đứng dậy:

- Ta với lão nào có xa lạ gì mà khách sáo? Đêm nay, tụi mình là bạn của nhau như đã từng bạn của nhau thời từng chinh theo Nguyễn Vương. Nếu vua, tự thốt lời “*Quả nhân*” thì ta, cô quạnh gặp ngàn lần. Thương nung tử của ta...⁽³⁾

Dường như ngài ghen lời... Tiếng trống canh khuya ròi rạc

trong sương!

*

- Bẩm Thượng Công! Bỉ nhân này, làm sao quên những ngày bị quân Tây Sơn truy đuổi phải chạy xác bác xang bang, đói khát. Dân Gia Định hết lòng đùm bọc, nuôi dưỡng, sẵn sàng chết để chở che nghĩa lớn! “*Công thành danh tại*” mà không lo cho dân ấm no, sau khi chết chắc là không đi đâu thai được (?).

Lão Đệ trút cạn lòng với người bạn quê xưa.

Tả quân trầm ngâm. Có lẽ, ngài rung động trước những lời của Lão Đệ.

Tiếng gà gáy sang canh ba!

- Bẩm Thượng Công! Bỉ nhân thấy việc Thượng Công dùng Kê Kinh dạy dỗ dân sống theo đạo lý làm người, rất thích cá tính người Gia Định. Thích chơi đá gà sau ngày mùa ruộng rẫy. Đúng là, “*Mần thì mần cật lực. Chơi thì chơi tới bến*”!

Lão Đệ chưa nói hết lời, Tả quân cười khanh khách át cả tiếng mõ canh.

- Phải nói mê chớ sao thích? Mê đến đổi ta với chú Ba (4) và cả lão, hồi còn ở nhà trốn việc mò ốc gạo bến nước cù lao, chèo ghe xuống tuốt miệt Kim Sơn coi gà “*Tứ linh đá gà Trấn Giang*”⁽⁵⁾.

- Thì phải rồi, cả vùng Trà Lọt thuở đó, mấy ai chẳng biết Thượng Công mê đá gà và mê hát bội!

Tả quân chặn lời:

- Lão phải nói: “*Hai Duyệt, con trai đầu của ông Bón*”⁽⁶⁾ mới đúng. Chớ nói Thượng Công là, Thượng Công nào?

- Bẩm, bề tôi sợ phạm húy!

- Chữ thánh hiền, ta chưa hề bề gãy nổi nửa chữ và ta, đâu là vua mà có húy để thiên hạ nơm nớp lo sợ phạm vào! Bày đặt!

Cả hai ôm nhau, cười thoải mái. Tiếng cười chơn tình và ấm lòng bằng hữu.

2.

Thời nhỏ, Hai Duyệt tuy ít học nhưng bù lại, được mẹ là bà Phúc Thị Hào thường kể cho nghe nhiều tuồng tích truyện Tàu và nghe miết, đâm ghiền những tuồng tích đó, rồi mê luôn coi hát bội. Những điệu và bộ qua tuồng tích được đào kép hát, nhất là lúc các tướng quân giáp trận, trông giống thế và lối đá của gà gặp phải “*kỳ phùng địch thủ*”. Hai Duyệt mê luôn đá gà! Niềm đam mê đã nuôi dưỡng ước mơ và hoài bão Hai Duyệt: “*Sinh ở thời loạn, không dựng cờ đánh trống đại tướng, chép công danh vào sử sách, không phải là trượng phu*” (Theo “*Đại Nam liệt truyện*”).

Lão Đệ hồi tưởng lại chuyện xưa của Tả quân, buông thắm câu nói trong bụng: “*Thiệt là, thời thế và vận hội đến với Hai Duyệt. Ý trời!*”. Rồi, sau cái đêm đôi bạn cùng làng hàn huyên tâm sự đó, Tả quân giao Lão Đệ trực tiếp nuôi và cai quản trên năm ngàn gà trống mái được tuyển chọn từ nhiều nguồn. Ngài phán rằng:

- Ta mê gà do ta thương dân, thương mẹ của ta!

Lão Đệ ngờ ngác vì chẳng hiểu ý Ngài.

Chắc là, Tả quân đoán được tâm trạng của lão nên nói tiếp:

- Lúc sinh thời, mẹ ta thường lấy chuyện “*Lục súc tranh công*”, bao gồm: *Trâu, Chó, Ngựa, Dê, Gà, Lợn* để răn dạy mấy anh em ta. Trong sáu con vật tranh công đó, ta thích nhất con gà, bởi lẽ: “*...Trên đầu đội văn minh một mũ/ Dưới chân đeo hai cựa thần thương/...Một tiếng rờng, thiên nhật tác thì/ Hai tiếng rờng, quốc tộ tác xương/ Ba tiếng rờng, nhơn gian tác lạc...*” (“*Lục súc tranh công*”, tác giả Khuyết danh). Người đời ví gà như là biểu tượng của việc cai quản văn võ bá quan; đồng thời, cũng là nơi ban thưởng công trạng cho những ai, kể cả bá tánh, lập được công trạng đối với nhơn quần xã hội, đối với đất nước...

Tả quân giờ tay bụm nắm lúa nàng thơm, thả vào bầy gà

đang chồm nhôm đợi cũ.

Ngài nói tiếp:

- Trước ta, Nguyễn Lữ bào đệ của “*giặc Huệ*” đã biết dùng các thể lối đá của gà nòi mà chế tác ra “*Kê quyền*”, vừa võ thuật, vừa châm và cứu để trị bệnh cho bá tánh. Há lẽ, ta kém cõi hơn Lữ sao?

Bầy gà nhường nhịn nhau miếng ăn, vỗ cánh rủ rê đàn. Cảnh náo nhiệt đó, y hệt như hoạt cảnh diễn tuồng hát bội “*Phụng Nghi Đình*”. Tà quân vui ra mặt, vỗ vai Lão Đệ:

- Ta đương ngắm ngắm soạn “*Kê Kinh*” để dạy bá tánh đạo làm người!

Thấy Thượng Công đang trên đà hứng khởi, Lão Đệ nói leo:

- Chả lẽ, bá tánh Thành Gia Định cần học đạo làm người, còn quan tướng triều đình thì được miễn?

Thượng Công quay lưng bước lên kiệu, bỏ đi. Lão Đệ dường như nghe mơ hồ:

- Ta không là Hoàng thượng!

*

Trời Gia Định cuối thu đầu đông, mây bông bành và xám xịt trong cái tiết se se vừa đủ lạnh. Lão Đệ lắng nghe Thượng Công đọc từng khúc, từng đoạn “*Kinh Kê*” mà bấy lâu, Ngài đã tâm huyết biên soạn.

Giọng Thượng Công lúc trầm lúc bổng: “*Âm minh thư đoản tài tình/ Âm minh hùng đoản thanh vang hổ gầm/ Hổ gầm khẩu chó lạng cam/ Hoặc rung khẩu hạ biết ra vẹn toàn...*” (Kê Kinh - Lê Văn Duyệt). Chợt Thượng Công hỏi lão:

- Người có biết ta nói gì không?

- Bẩm Thượng Công! Đó là, tiếng gáy thanh, tiếng ngân cuối rít mà ngắn, là loại gà có tài. Tiếng gáy mạnh, âm thanh như cộp rỗng, tiếng ngân cuối ngắn, là loại gà dữ! Gà gáy há miệng càng lớn càng tốt và khi gáy, mỏ dưới không rung, là loại gà tốt.

Gặp gà vỗ thử nên ghê,
Tượng mao viên phát ai hề dám đưng.
Bắt câu ô, xám, ó, vàng.
Một mình năm sắc rõ ràng gồm văn.

Lông đuôi mà có quảng trắng,
Mã dài chỉ gối thiết là tước linh.
Cánh lông trở chín lưu tinh,
Hai bên mười tám tài tình xiết bao.

Thuần văn thuần võ làm sao,
Văn pha võ lộn đường nào về cho?
Mã kim nhỏ nhẹ không to,
Lông ngời cho ướt thiết đồ thuần văn.

(Trích "Kê Kinh Diễn Nghĩa" - Lê Văn Duyệt, đăng trên Nông-cổ mìn-đâm, 1902)

Nếu so với người, có lẽ chẳng mấy khác nhau.

Thượng Công hài lòng, ngài đọc thơ, tiếp: "*Vậy thời cho rõ đưng oan/ Kéo mà hay phẩn "Đạo kê" là thường/ Xem gà, ta phải cho tường*" (Kê Kinh - Lê Văn Duyệt). Nghe qua, lão bầm với Thượng Công, rằng:

- Nếu đã coi phép đá gà là "*Đạo*" thì đương nhiên phải thông hiểu kê kinh, nhược bằng chưa thông suốt sẽ thất bại là do người.

Thượng Công phẩn khích, tự tay rót rượu thưởng lão.

- Vây tiền hư còn có thể gỡ gạc, chớ vậy hậu hư thì không thể! Người nên thuộc nằm lòng, hàng vậy hậu no tròn, đều đặn từ chậu đến gối... Đó là con gà thuộc chiến kê; người thuộc chiến tướng!

*

Mùa đông năm 1828, Thượng Công cùng dân binh Gia

Định gấp rút sửa chữa, gia cố Thành Phiên An vững chắc. Ngài thường nói với lão, rằng: “*Việc này, cần xong trước mùa Xuân 1830!*”. Lão dợm hỏi, vì sao? Nhưng thôi, bởi Thượng Công hình như có cái gì đó ưu tư thế sự!? Tuy vậy, ngài đã hoàn tất Kê Kinh⁽⁷⁾ đem dạy hai cơ sở từ thiện Anh Hải và Giáo Dưỡng; đồng thời, cho phổ biến rộng rãi ở thành Gia Định và lan tỏa ra khắp miền Nam kỳ lục tỉnh.

Một hôm, Thượng Công đến coi hát ở Trường hát bội, gọi là Nhà Hát; lúc về sẵn dịp ghé qua Trường gà, gọi là Nhà Hoa⁽⁸⁾. Sau tuần trà, Lão Đệ bày tỏ điều suy nghĩ của mình:

- Bẩm Thượng Công! Bỉ nhân không dám lợi dụng sự ưu ái của Thượng Công mà nói điều xằng bậy. Chẳng qua...

- Ta với lão tình huynh đệ như thủ túc, từng hoạn nạn có nhau từ buổi đầu theo chúa phục quốc. Lão cứ nói những điều cần nói, đừng e dè mà giảm phần chơn thật!

Được lời cho phép của Thượng Công, lão mở tấm lòng:

- Thế sự bây giờ có yên nhưng không ổn. Vua Minh Mạng có điều chi đó lẩn cẩn với Thượng Công nên bỉ nhân đâm lo. Chắc Thượng Công chưa quên chuyện Vương Bột, một thi gia nổi tiếng thời Sơ Đường (618-713) thuộc phái “*Tứ kiệt*”⁽⁹⁾, vì bài phú “*Vua gà chọi - Anh hùng gà chọi*” chỉ là viết vui. Vậy mà, vua Cao Tông Lý Trị kết tội nhạo báng hoàng thân, quốc thích đã ra lệnh bãi quan và đuổi về làm dân.

Chẳng phải Thượng Công không biết “*Ôn cố tri tân*” nhưng, cái Thượng Công muốn biết là biểu kiến của người bạn cũ, giờ đã là người tâm phúc của mình. Lời Lão Đệ khi nhanh, khi chậm, có lúc ngập ngừng:

- Doan Nam Vương Trịnh Khải khi chưa là chúa, rất mê đá gà. Vì mê đá gà, cha của Trịnh Khải là chúa Trịnh Bồng phế trưởng lập thứ, đưa Trịnh Cán lên thay. Nhờ lắm vây cánh, nhiều thủ đoạn và khôn khéo, sau đó Trịnh Khải chiếm ngôi chúa (1783-1786).

Đôi mắt người chiến tướng xưa, lẽ nào nhìn sự việc bằng cái nhìn hời hợt? Không ai hiểu bè phái trong nội triều vua Minh Mạng bằng Thượng Công. Và, Thượng Công cũng thừa hiểu vua Minh Mạng hiềm khích, nuôi tư thù với ngài như thế nào! Biết mà không tránh, có phải là kẻ thiếu trí? Người đã từng cùng “*nằm gai nếm mật*” với Nguyễn Ánh từ khi còn “*thân sơ thất sở*”, chắc là không thiếu trí.

Thượng Công bước chậm chậm vào sân đấu trường gà, tự bộc bạch:

- “*...Ta muốn trở về quê ta, trở về Gia Định. Dân Gia Định là dân cùng đường chạy về đây. Chính đám dân này, đã khai sáng đất Gia Định này. Họ sống hào hiệp nghĩa khí lắm. Đờì ta nghĩ lại, có gì đâu. Không vợ, nhà vua cho cung phi làm vợ. Không con, lấy cháu làm con...*”

Lão Đệ nghe, lòng xôn xang khôn xiết!

Khóe mắt Thượng Công ứa lệ!

- “*Ta không ham hố điều gì. Ta coi thường mọi công danh. Phải, ta sẽ trở về với dân Gia Định thuở hàn vi... Bao giờ nhắc tới dân Gia Định ta cũng thấy mình mang nợ...*” (Theo “*Từ nắm mồ oan khuất tới Lăng Ông*” trang 93).

Không khí đó kị vua - tôi, ngộp thở thành Gia Định!

3.

Ánh bạch lạp không đủ sáng để soi thủng bóng tối đêm cuối tháng 10, phu nhân Đỗ Thị Phần quỳ bên giường bệnh lắng nghe lời trăng trối của chồng:

- Nếu, một mai ta đi về cõi khác, phu nhân quay lại xóm Rẫy xưa, nơi mẹ trước kia đã tạo lập ngôi chùa Phật, tục danh chùa Bà Dội mà nương náu...

Gió rít tường thành dữ dội, tiếng mưa át cả lời người sắp ra đi và những hạt mưa đêm không thấm thấu nổi những giọt nước mắt của phu nhân Tổng trấn Gia Định thành.

- Nàng đừng tiếc thương ta, bởi ta chỉ là kẻ yêm hoạn tầm thường... ta không thể... thiệt là, vô cùng có lỗi với phu nhân. Minh Mạng đầu nuôi chí cả, óc thông minh, trái tim còn nóng hổi, chưa lạnh lùng... tuy bụng dạ có hẹp hòi đố kỵ... Ta tin rằng, Minh Mạng sẽ trả thù ta, nhưng với phu nhân chắc là không. Bởi, Minh Mạng thừa biết ta với nàng chỉ là phu thê trên danh nghĩa.

Mưa không ngớt! Hạt mưa kéo lê thê khắp chốn kinh thành...

*

Nắm tay Lão Đệ, bàn tay không còn đủ ấm, cũng không còn đủ sức siết chặt nhau như thuở nào đây uy lực của một võ tướng và đôi chân của Thượng Công lạnh dần theo tiếng mưa rơi!

- Khi ta nhắm mắt xuôi tay, lão mau kíp rời khỏi chốn này. Đừng chần chừ bịn rịn và đừng thủ lễ tiễn ta bởi, đó là cái bẫy của bọn nịnh và loạn thần hợp cùng Minh Mạng trả thù ta, truy bức người thân tín của ta.

Tiếng Thượng Công thều thào, khó thở!

Trống thành Gia Định điểm sang canh!

Lão Đệ vẫn còn quỳ và gục đầu bên Thượng Công. Chợt, Thượng Công nói khẽ khàng:

- Sớm mai, lão thả tất cả gà ra khỏi trường gà, trả chúng trở về ruộng đồng, thôn xóm. Ta giao lão Kê Kinh, nhớ rằng ý nguyện của ta không phải dùng Kê Kinh để chọn lựa chiến kê đưa vào đấu trường mà là, dùng Kê Kinh chọn nhân tài giúp dân cứu nước. Nó không hẳn là thú chơi, nó vượt lên tầm thú chơi của người Gia Định.

Có tiếng nấc của phu nhân Đỗ Thị bên khuê phòng!

- Bẩm...

Lão Đệ chưa kịp bẩm, đã nghe Thượng Công đọc Kê Kinh dứt quãng.

- *“Đừng cho thất hậu bản lườn/ Riêng hai thứ đó kiên cường phải sâu”*

Lão Đệ nghiệm ra và sực nhớ Thượng Công đã dạy:
- “Vảy tiền hư còn có thể gỡ gạc, chớ vảy hậu hư thì không thể...”. Có lẽ, Thượng Công bảo ta bỏ cái trước mắt...chăng?

*

Gà Gia Định gáy rộ canh năm, trời rặng sáng!
Vĩnh biệt người bạn cùng làng, Lão Đệ lạy Tổng trấn Gia Định thành Tả quân Lê Văn Duyệt trước lúc mang theo Kê Kinh rời chốn kinh kỳ đi “mai danh ẩn tích”!

CHÂU ĐÔNG THƠ

(1) Lần thứ hai lãnh chức Tổng trấn thành Gia Định (1820 - 1832), Tả quân Lê Văn Duyệt cho lập hai cơ quan: Một là, Anh Hải - nơi rèn luyện võ thuật cho trẻ thích nghiệp kiếm cung. Hai là, Giáo Dưỡng - nơi dạy trẻ (không thích nghiệp kiếm cung) và quả phụ học văn chương, học nghề.

(2) Ngũ hổ tướng: Lê Văn Duyệt, Nguyễn Văn Trương, Nguyễn Văn Nhơn, Nguyễn Huỳnh Đức, Trương Tấn Bửu.

(3) Vua Gia Long gả cung nhân Đổ Thị Phấn cho Tả quân Duyệt.

(4) Bào đệ thứ ba của Tả quân Lê Văn Duyệt là Lê Văn Phong, được vua Gia Long tin dùng và giao chức Chưởng tả dinh (phần mộ còn ở Sài Gòn, theo “Gia Định Xưa”, trang 65)

(5) Gà “Tứ linh” là gà được nuôi trên 4 cồn: Cồn Long tức cù lao Tân Long, cồn gọi cồn Rồng (nằm trên sông Mỹ Tho, nay thuộc Phường Tân Long, TP. Mỹ Tho). Cồn Lân tức cù lao Thới Sơn (nay thuộc xã Thới Sơn, TP. Mỹ Tho). Cồn Phụng, nổi giữa sông Mỹ Tho (Đạo Dừa, nay thuộc xã Tân Thạch, Châu Thành, Bến Tre). Cồn Quy tức là cồn Biện Quy (thuộc 2 xã Tân Thạch và Quới Sơn, Châu Thành Bến Tre). Trấn Giang tức là Cần Thơ.

Miên Đức Thắng



Miên Đức Thắng tuổi con khỉ.

Sinh ra và đi học tại Huế: Cựu sinh viên Đại học Khoa học Sài Gòn, Cao học Vạn Hạnh, Cao học Đà Lạt. Sống và làm việc tại TP. Hồ Chí Minh, CHLB Đức.

Là nhạc sĩ duy nhất trên thế giới bị tù khổ sai vì những 10 bài hát phản chiến của mình trước năm 1975 tại Sài Gòn, đã sáng tác trên 100 ca khúc (sáng tác và trình diễn)

Tác giả của hơn 100 bức tranh sơn dầu (được giải hội Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh), sáng tạo hơn 100 tác phẩm nghệ thuật men sứ.

Nghiên cứu và giảng dạy trong điều trị y học: Âm nhạc liệu pháp.

Với hơn trăm bài thơ...

Tôi tâm liệt tôi

*Tôi tâm liệt tôi
để đánh thức gió dậy
đánh thức điệu hành vân mềm mại
đánh thức nụ cười mãi che giấu
đánh thức bình minh trên nghịệt ngã phận người*

*Tôi tâm liệt tôi
một đoạn đời hờ hững
nụ trái vô ưu và những nốt nhạc thơm lành
để đánh thức chung quanh
để không còn ai lam lũ
trên luống cày vô hạn tàn phai*

*Tôi tâm liệt tôi
như đi gieo hạt nảy mầm
đoạn tuyệt với hư vô
đoạn tuyệt với bến bờ tuyệt vọng*

*Tôi tâm liệt tôi
cùng quan tài chữ nghĩa héo khô
khi nhận biết mình sắp chết
là lúc hương thơm hạnh phúc bao quanh
tâm chuyển trục là lúc vô thường lên tiếng
Cuộc sống thiêng liêng...*

*Sài Gòn .Oct 14.2015
Miên Đức Thắng*

Tiếng mõ tâm

*Đội kinh lên chùa
Những chiếc lá khô cười hương sắc mộc
Tiếng mõ tâm.*

Nhật tuổi khô

*Ở cái tuổi chóng vánh khô cần
Tìm ai nền lựa mong manh
Ngày anh nhật tuổi khô
Đắp lên nụ cười khổ hạnh
Khi đám tang qua làng trẻ nhỏ hò reo
Thế kỷ sống chết như ruồi như muỗi
Vội và sự bạc bẽo vây quanh tiền, quyền và ma túy
Được ném xuống huyết sâu
Làn lượt phiên anh mãn hạn cuộc sống đời
Những cơn mưa đá thế hệ sau mong không quá
nhiều thừa thãi
Ném vào trang sử gây đây nhục nhã trăm năm
Thôi đừng hẹn với mùa hoang ảo
Coi như không còn thời để nhật tuổi khô.*

Sài Gòn 03/6/2015

Tôi Là Em: Hiện Tại

Chiều hái, gặt bóng cây
chất đầy đêm tĩnh, lặng
như tôi gửi bàn tay
trên ngực người xa, vắng.

Sáng bước ra vườn sau
lá từng ngày thay, đổi.
tôi có em dài, lâu
tự phút đầu bối rối.

Tôi gieo hạt tương tư
trên lòng người biển, hiện;
tôi nhìn tôi khổ, đau:
- xiết bao tình thân, thiện.

Chim thâu ngắn đường bay:
- trao tặng đời tiếng hát.
tôi thu nhỏ hồn tôi:
- gửi cho người khuất mặt.

Sợi tóc như rừng cây
sông chảy /cùng/ trí nhớ
em buồn, vui như mây
tôi trôi /cùng/ gió nổi.

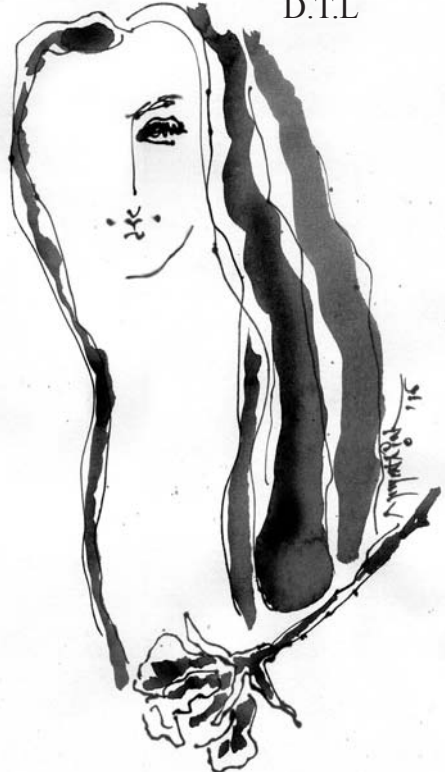
Quá khứ như tương lai:
em đã từng ở đây.
chúng ta đâu phải hai.
tôi là em: Hiện tại!

Địa ngục: Trong lòng ta.
Niết Bàn: Tâm phẳng, lặng.
không điều nào mất đi
từ tình tôi hiến tặng.

Hãy cảm ơn khổ, đau,
như điều em giữ lại.
hãy cảm ơn đời sau,
như điều ta đã nói.

Ta gieo, gặt chính ta
tự cánh đồng nghiệp, ngã.

D.T.L



Đến Để Sẻ Chia

(THĂM ĐỒNG BÀO VÙNG LŨ LỤT TUYÊN HÓA - QUẢNG BÌNH)



Với ước muốn đi đến tận nơi để cảm nhận và chia sẻ nỗi cơ cực của đồng bào vùng lũ lụt, trong hai ngày 7&8/11/2016 các tu huynh La San và một số thân hữu đã đến thăm vài xã thuộc huyện Tuyên Hóa - tỉnh Quảng Bình.

Từ mấy tuần trước, tu huynh niên trưởng Nhật Nhật Tân, cùng các tu huynh khác đã vận động, liên lạc và tổ chức chuyến đi thật chu đáo.

- Ngày 6/11/2016 , từ nhiều địa phương, các thành viên tề tụ về Huế.

- Ngày 7/11/2016, mới hơn 4 giờ sáng, xe chở đoàn đã chờ sẵn trước nhà thờ Phú

Cam và 5 giờ xe đã xuất phát về hướng Đồng Hới - Quảng Bình.

Trời vẫn mưa và đêm chưa kịp sáng. Nhờ ánh đèn xe, mọi người nhận ra nhau, chào nhau, làm quen nhau... Đoàn đi có 4 frères, 2 soeurs và gần 10 anh chị em đến từ Sài Gòn, Đồng Nai, Nha Trang, Huế. Từng nhóm thân quen ngồi kề cận nhau, nói cười vui vẻ trong không gian rộng rãi của chiếc xe 29 chỗ ngồi...

Theo gợi ý của tu huynh Hoa Hạ, một soeur đã xướng kinh ban mai cho mọi người cùng đọc theo... Các soeurs thật là chu đáo, chỉ ít phút sau lời kinh, đã phân phát cho mỗi người hai cái bánh ú, khăn giấy và nước uống. Hai cái bánh ú của ma soeur, tuy nhỏ nhưng thật ngon, giúp mọi người lót dạ chờ bữa ăn sáng khi đến nơi... Khoảng 8 giờ sáng xe dừng lại nơi cầu Hiền Lương, sông Bến Hải cho đoàn nghỉ ngơi, tham quan cây cầu và dòng sông của một thời chia cắt đôi bờ...

Tiếp tục cuộc hành trình đoàn đã đến Giáo xứ Minh Cầm là điểm “hò hẹn” đầu tiên của chuyến đi. Cha chánh xứ đã tìm hiểu và cử người hướng dẫn chúng tôi đến đúng những nơi thật sự cần đến... Sau bữa ăn sáng, từng nhóm ba người, mặc áo mưa, mang dép nhựa, rời nhà xứ... Theo chân người hướng dẫn, chúng tôi bắt đầu đi vào các thôn xóm xa xôi để đến với những gia đình nghèo khó, không phân biệt dân tộc hay tôn giáo.

Vì là một vùng bán sơn bán địa nên mọi người phải đội mưa, bỏ dép, lội sinh, lên dốc xuống đồi để đến thăm từng nhà. Nhưng sự vất vả của người đến thăm chẳng là gì so với nỗi cơ cực từng ngày của người dân sống trong vùng lũ lụt.

Đơn độc trong một căn nhà không đủ che mưa, người đàn ông bị liệt đôi chân, không thể đứng dậy để chào khách (*hình 1*). Nhưng vì khả năng sinh tồn, ông đã kịp thời bò lên gác tránh lũ khi nước tràn vào nhà... Cùng sống sót qua cơn lũ, một bà cụ 93 tuổi, nằm liệt giường, chỉ đủ sức thều thào lời cảm ơn, khi nhận được chút quà từ cháu sinh viên... Không thông báo trước, từng nhóm nhỏ, chúng tôi len lỏi từ nhà này đến nhà khác để ân cần thăm hỏi và trao quà. Nhưng chúng tôi biết, từ một khung cửa hẹp nào đó, có một cụ già,



một cháu nhỏ đang chờ đợi chúng tôi... và thật bất ngờ, khi băng qua một ngôi vườn vắng, một người phụ nữ, lam lũ phủ che tuổi đời, đã đứng đợi chúng tôi, trên tay bà là một cái khay nhỏ với 6 tách trà nóng... Không gì ấm lòng hơn!

Bằng hình ảnh và bài viết “*Hành trình chia sẻ cùng đồng bào lũ lụt Quảng Bình*” (lsvn.info), tu huynh Hoa Hạ đã ghi lại thật đầy đủ, như thể đếm từng bước chân đi, hai ngày hoạt động của đoàn. Đặc biệt, tu huynh đã gợi mở thêm một chiều kích mới của chuyến đi: “*Niềm vui truyền giáo*”! Thật vậy, không một ai “cả gan” dám nghĩ rằng tôi đến với đồng bào vùng lũ lụt là để ban phát, để truyền giáo... nhưng cứ hồn nhiên bước đi, đi để cảm nhận và chia sẻ, chia sẻ niềm vui và truyền cho nhau đạo giáo của Đấng Ngàn Đồi Yêu Thương. Cuộc “xuất hành và quà tặng” mang lại cho chúng ta nhiều niềm vui vì được dẫn thân, được đồng hành, được cho và được nhận. Như lời của Chúa: “***Cho thì có phúc hơn***” (cv 20:35) và trong Tông Huấn *Niềm Vui và Tin Mừng*, Đức Thánh Cha Phanxicô cũng nhắc nhở chúng ta: “*Cuộc sống sẽ gia tăng nếu được trao ban...*”

Hành trình kết thúc, về lại nhà với những lo toan đời thường của mình, nhưng tâm tư chúng tôi hình như vẫn còn nấn ná ở lại với nhau và với bà con vùng lũ lụt... Xin cảm ơn sự quý mến và lời chỉ dạy của bà con về sự nhẫn nại trong nghịch cảnh của đời người...

NGUYỄN ĐỒNG HOANG

Bãi Tình Xuân

*mây trắng ngập ngừng không muốn bay
tình em mềm mại cánh chim trời
anh quên phiêu lãng dừng chân nghỉ
giữa bãi tình non xanh cỏ tươi.*

Lý Do

*em thở ấy tóc mềm như cỏ dại
che bờ vai giấu nửa cánh môi cười
anh chợt thấy lần đầu mình e ngại
ngắm người yêu lộng lẫy giữa xuân tươi.*

Khiêm

*cúi đầu thấp hơn cho vừa tủi nhục
tim không dung mắt ý nghĩa phụng thờ
hồn sỏi đá quay cuồng trong mộ địa
đốt hết tin yêu tìm lại tuổi thơ.*

L.V.K

Mộng

*Cõi phù vân - cõi phù vân
thoáng say cơn mộng
mộ phần thi ca.*

*Em là Phật hay là ma?
thì ra thị hiện
một tòa chơn như.*

*Em đó ư
mộng tàn dư
bảy mươi năm thiếu
ta chừ... còn mê*

*Đường xưa mây trắng bay về
bầy con chim - có một bề thong dong
ơi người giặt áo bên sông
có khi mô?
nước sông Vân gợn buồn*

Thôi em, một chút tình sông!

Phong Nguyệt Hữu

*Đến Cư M'gar chiều phố núi
Về đây như về lại quê nhà
Qua Thạch Vân Kiều reo suối hát
Ngát vườn hương lạ cỏ hoa ca*

*Quá tuyệt quanh thêm Phong Nguyệt Hữu
Trăng kê gió cận rất an nhiên
Nắng mưa tự tại cười vô ngại
Hồn nhiên trút sạch hết ưu phiền*

*Biết rõ do mình không trói cột
Nên nhẹ ngồi chơi với bạn bè
Với em gái núi truyền tâm cảm
Nguồn thơ suối nhạc... lắng hồn nghe*

*Nghe giữa rừng cao trầm vang dội
Tiếng em đồng vọng khắp hư không
Chén trà hòa khúc cùng tất cả
Ta uống huyền âm thấm tận lòng.*

(Cư M'gar 30/9/2016)

KHẢO LUẬN VỀ SỰ LUYỆN TẬP THÁI CỰC QUYỀN
VỚI CÁI NHÌN KHOA HỌC HIỆN ĐẠI

Tinh Hoa Thái Cực Quyền

BS. LÊ HÀNH

Tại sao bị thất bại hoặc không đạt kết quả khi tập Thái Cực Quyền?

Nói đến Thái cực quyền là nói đến một bài khí công thiên động cao cấp rất có lợi cho sức khỏe, được sáng tác từ hơn 500 năm nay tại Trần Gia Câu, Trung Quốc. Được tập luyện và nghiên cứu rộng rãi, Thái cực quyền phát triển thành nhiều hệ phái như Thái cực quyền của họ Trần, Dương, Ngô, Tôn, Võ... Nhưng dù họ nào, phái nào đi nữa Thái cực quyền cũng vẫn giữ được bản sắc nguyên thủy về mặt khí công kiện thân dưỡng sinh.

Trải qua hàng trăm năm, biết bao thế hệ đã luyện tập Thái cực quyền ở khắp nơi trên thế giới. Trong số họ, có người thành công, có người thất bại, có người càng tập càng bệnh, không đạt được sự trường thọ tráng kiện như mong muốn.



Tại sao vậy? Tập sai chăng? Sai ở đâu? Sai ở cái hình, sai ở nguyên lý, nguyên tắc mà Thái cực quyền đã giáo điều đưa ra từ ngàn xưa? Ta hãy phân tích vài điểm mấu chốt sau đây, tưởng chừng như đơn giản nhưng thật ra quan trọng vô cùng để có thể thành công.

NGUYÊN TẮC VÀ GIÁO ĐIỀU

Thái cực quyền dưỡng sinh phổ cập nhất hiện nay là Thái cực quyền dòng Dương gia do đặc điểm nhẹ nhàng uyển chuyển và qua thực tế, đã chứng minh là có ích lợi cho sức khỏe. Người sáng tác là Dương Trừng Phủ đời nhà Thanh, Trung Quốc. Thụ giáo Thái cực quyền Trần gia ở Trần Gia Câu, họ Dương đã sắp xếp lại để đưa ra 10 nguyên tắc trong luyện tập kết hợp với hơi thở bụng.

Những nguyên tắc chính của Thái cực quyền

Thái cực quyền nói chung chủ trương múa quyền thật chậm và thở thật chậm, càng chậm càng tốt. Nhiều thế hệ đã luyện tập theo nguyên tắc ấy một cách giáo điều tuyệt đối như một sự tuân thủ có tính tôn giáo.

Thái cực quyền là một kiểu Thiền động. Trong khi luyện tập, ý - khí - hình hòa hợp, hơi thở thông nhất với động tác để hành giả được ở trong một trạng thái an lạc, sung mãn, không vướng bận ngoại giới.

Sự trống không trong tư tưởng giúp trí não được nghỉ ngơi, giúp hệ thần kinh bình lặng và những hoạt động bù đắp, sửa chữa trong toàn cơ thể được tiến hành, những kích thích tố có lợi được tiết ra.

Sự buông lỏng tối đa cơ bắp làm mạch máu giãn nở, bạch mạch được khơi thông, tăng lượng máu đến từng tế bào, tế bào được cung cấp oxy dồi dào, các hao tổn được hồi phục và các chất cặn bã của biến dưỡng được đào thải.

Kiểm soát động tác thở là cách duy nhất để có thể tác động đến hệ thần kinh tự động (huyết áp, nhịp tim, biến dưỡng, hệ

miễn dịch, hệ nội tiết) một cách tích cực nhằm bình ổn hệ thống này.

Hô hấp chậm sâu, có tiết luật, đồng bộ với động tác đưa lượng oxy cao nhất vào phổi, tạo sự trao đổi khí oxy - carbonic tối ưu ở phổi và đảm bảo sự bảo hòa oxy trong các hồng cầu để đem đến làm tươi nhuận các tế bào của cơ thể.

Hô hấp đầy đủ hay không tùy thuộc vào hai yếu tố chính: dung lượng khí của phổi và nhịp thở. Phổi nở càng to, nhịp thở càng nhanh thì lượng khí đưa vào cơ thể để trao đổi càng nhiều.

Trong Thái cực quyền, nguyên tắc là phải thi triển chậm. Thậm chí càng chậm càng tốt. Nhịp độ bài quyền càng chậm thì càng tỏ rõ sự thư thái, nhẹ nhàng và từ đó tính “thiền” của người tập càng cao. Chính việc phải múa chậm này là vấn đề cần quan tâm vì từ đó có thể dẫn đến thất bại hay thành công, Thái cực quyền đem lại ích lợi hay gây hại!

Điểm cốt tử trong Thái cực quyền là ở chỗ người tập khi thi triển bài quyền thì phải cảm thấy sung mãn, sinh lực tràn đầy, sắc diện hồng hào, tinh thần hoan lạc.

Muốn vậy, điều chính yếu là cơ thể phải được cung cấp oxy đầy đủ. Hô hấp phải đầy đủ, hiệu quả!

Thái cực quyền có nhiều phiên bản: 08 thức, 13 thức, 24 thức, 84 thức...

Khi thi triển Thái cực quyền, khởi đầu mỗi thức quyền cũng là lúc bắt đầu hít vào từ từ cho đến khi khí tràn đầy phổi, không nín, nén hơi, lại từ từ thở ra cho đến vị trí hình kết thúc thức quyền.

Trong thực tiễn, có hai trường hợp xấu có thể xảy ra khi tập:

- Thở quá nhanh: Sẽ không có sự đồng bộ giữa hơi thở và động tác, nếu nhịp thở nhanh cùng động tác nhanh sẽ làm tăng mức độ tiêu thụ oxy của cơ thể, hậu quả là oxy trong máu sẽ giảm và lúc đó, không còn là Thái cực quyền nữa!



- Thở quá chậm: Không đủ oxy để cung cấp cho cơ thể, oxy trong máu cũng giảm.

Người tập Thái cực quyền thường rơi vào tình trạng thiếu oxy khi cố gắng múa chậm, bắt ép nhịp thở phải chậm theo động tác.

Một chuyên gia về Thái cực quyền đã viết trong sách của mình: *“Khi tập xong bài Thái cực quyền, nhất thiết phải thở xả thật tốt để trả nợ oxy cho cơ thể”*. Tại sao lại có nợ oxy? Cái nợ oxy này chính là hậu quả của việc

ép buộc hơi thở theo nhịp chậm cố ý của bài quyền. Không ít người mặt mày xanh tái, thở dốc sau khi đi xong một bài Thái cực quyền. Kéo dài kiểu tập luyện này sẽ dẫn đến những tác hại chắc chắn cho sức khỏe và tuổi thọ.

Hiện nay, có đủ máy móc để đo lường lượng oxygen trong cơ thể chúng ta một cách chính xác. Có thể đo trong lúc nghỉ ngơi hoặc lúc hoạt động, tập luyện. Đơn giản nhất là dùng dụng cụ nhỏ bé đeo ở ngón tay để đo lượng oxygen hòa tan trong máu.

Những thí nghiệm dùng oxy kế để đo lượng oxy trong máu người tập Thái cực quyền cho thấy:

- Khó mà đạt độ bão hòa oxy cao (thường chỉ khoảng 94-97%) trong khi tập chạy, tập tạ, tập các bài tập nặng...
- Độ bão hòa oxy đạt 99-100% khi tập Thái cực quyền đạt

mức thăng hoa, có sự hài hòa của nhịp thở và động tác phù hợp với tình trạng của cơ thể.

• Độ bảo hòa của oxy sẽ giảm ngay khi người tập Thái cực quyền cố gắng ép động tác chậm lại hay tăng tốc độ lên.

Trong quá khứ các tổ sư Thái cực quyền truyền cho môn đệ từ đời này sang đời khác với những nguyên tắc bất di bất dịch về kỹ thuật múa thật đúng, thật chậm rãi, thở bụng rất chậm theo động tác. Để rồi những đời sau theo đó mà tập một cách cứng nhắc giáo điều.

Một số lại tập Thái cực quyền mà không quan tâm đến thở: Hậu quả là hạ thấp giá trị của bài Thái cực quyền giống như một bài thể dục mà thôi, không có tác dụng khí công dưỡng sinh như mong muốn.

Thái cực quyền, như đã nói ở trên, là một kiểu thiền “động” vì vậy yêu cầu chung là động tác thi triển phải chậm rãi, thư thả, như “nước chảy mây trôi”. Đó là mục đích phải nhắm đến.

Tuy nhiên “chậm” bao nhiêu thì phải tùy từng người. Vấn đề là phải đưa được oxy vào cơ thể dồi dào trong khi tập – và *trong khi thi triển Thái cực quyền thì oxy trong cơ thể phải nhiều nhất, đó là đặc điểm, tinh hoa và là bí quyết để chữa bệnh, để trường thọ của Thái cực quyền!!!*

Những hành giả Thái cực quyền đã dày công luyện tập thường có kỹ thuật hô hấp đạt hiệu suất rất cao. Từ đó họ có thể múa quyền chậm hay rất chậm mà cơ thể vẫn đầy đủ oxy, thần sắc không thay đổi, nhịp tim vẫn chậm rãi, điều hòa.

Phải tập sao cho cơ thể *cảm thấy hưng phấn, an lạc, hạnh phúc, nhẹ nhàng. Da dẻ hồng hào tươi tắn, thần thái sáng khoái, nhanh nhẹn, yêu đời....*

Những người mới tập thì phải nương theo khả năng của cơ thể để chọn một độ “chậm” thích hợp. Không tập theo nhịp của người khác. Không tập theo nhạc - đây là một sai lầm lớn - vì tiết điệu của mỗi người khác nhau!!!

Vậy, khi luyện tập Thái cực quyền cần phải chú ý lắng nghe cơ thể sau mỗi lần tập để có thể tự điều chỉnh. Dùng máy đo oxy là rất tốt nhưng vẫn có thể cảm nhận chủ quan những dấu hiệu, triệu chứng của cơ thể để điều hòa cách tập, nhịp điệu của mình cho hợp với thể tạng hầu đạt đến thành công.

Mọi sự tập luyện không đúng đắn – không chỉ trong Thái cực quyền - lâu ngày sẽ sinh nhiều bệnh và tổn thọ.

Tóm lại trong luyện tập Thái cực quyền, chúng ta không cần thi triển thật chậm như lý thuyết xưa để lại mà phải có **kỹ thuật hô hấp đúng kết hợp với động tác đúng**, đồng thời **chọn tốc độ đi quyền vừa phải và biết lắng nghe cơ thể để điều chỉnh cho phù hợp**.

Vài điều tâm huyết, xin chia sẻ cùng các đồng đạo, chúc mọi người luôn mạnh khỏe, an lạc và thành công.

BS. LÊ HÀNH



Hẹn

*Lại nữa... xuân về vọng cố hương
Vẫn xa lãng lác vạn cung đường
Thèm đêm Trừ tịch lòng quê mẹ
Và nhớ lửa cười sáng bếp thương*

*Đôi đũa đôi câu dán cột nhà
Nghiên thơm mực xạ bút đơm hoa
Tung tăng con chạy sang hàng xóm
Rủ bạn qua nhà – xin chữ cha*

*Năm, tháng thân tiên đã vội qua
Ruổi dong chân đất lạnh phồn hoa
Quê hương khuất nẻo mờ sương khói
Vọng tiếng à ơi quận nổi nhà*

*Lạc loài chung một phận tha phương
Đất khách tìm nhau bởi cảm thương
Ước hẹn diu nhau về cố quận
Mời nhau ngọm nước giữa dòng Hương*

N.G.T.C

Lữ Hành

*Ta được sống - hoang sơ như thảo mộc
Ta biết thêm - quãng ngắn của thế gian
Ta biết yêu - cái chết đến vô vàn
Tha nhân đó - vẫn ngàn trùng xa cách
Thế gian đời - loài người luôn bí mật
Độc thoại này - hờ hững đến ngàn sau.
(Trích Trường ca “Muộn Giữa Thu Vàng” - P.V.S)*



Xa Lạ Với Chính Mình

Ça revient au même! - Thì cũng thế thôi!
(L'étranger - Albert Camus)



Quán cà phê đông khách... Tôi thận trọng khóa xe trên lề đường. Tìm một góc khuất, có chậu trúc che... Phóng tầm mắt ra phía đường phố sầm uất, nhìn xe cộ qua lại. Chiếc loa trong góc phòng vọng lại bản nhạc “Lệ đá” của Trần Trịnh do Khánh Ly ca. Hồn tôi thanh thản lạ... Gọi ly cà phê đen. Cô gái đến bên tôi như mọi ngày. Cười... Anh đi một mình? Tôi ngược nhìn lên... Nhếch mép.

Ngày ra trường, tôi về bên cha mẹ ở một tỉnh lẻ. Vốn kiến thức Anh ngữ ở nhà trường chỉ để cho tôi diu dặt các em học sinh, chứ không thể tiến thân trên con đường kinh doanh hoặc làm việc tại các công ty. Tôi mang hồ sơ có mảnh bằng đại học hệ chính quy đi xin việc. Đến một trường cấp 2-3 thuộc huyện. Mặc dầu đã

hỏi kỹ các đồng nghiệp tại trường là đang thiếu giáo viên Anh ngữ trầm trọng. Nhưng khi tôi đến thì Hiệu trưởng tiếp tôi với thái độ hững hờ; chỉ ốm ở sau các câu hỏi xã giao. Tôi cũng nhận ra rằng trong lời nói xa xôi ấy và được sự cung cấp của giáo viên thuộc trường (những anh chị về trước) là “thủ tục đầu tiên”.

Vốn khi chọn ngành Sư phạm, tôi đã biết gia đình mình nghèo, ra trường lấy gì chạy chọt đây? Nhưng ba tôi, một giáo viên nghèo, vì cuộc sống phải bỏ nghề! Về phụ việc với má tôi buôn bán loạch xoạch qua ngày! Nhưng trong lương tâm ông vẫn mong cho tôi vào ngành giáo dục. Ông thường an ủi tôi mà như nói cho chính mình – giá trị đạo đức rất quan trọng trong cuộc đời làm người! Ba chỉ mong con làm đúng nghĩa của nó...

Đến khi ôm mảnh bằng đi xin việc mới thấy điều suy nghĩ của tôi và một số giáo sư lớn tuổi trong những giờ lên lớp là “Công bằng – Lương tâm – Trách nhiệm”... Là một sự khôi hài!

Rồi sáng nay, trước khi rời nhà. Thăng bạn cùng khóa ghé lại thăm. Sau khi uống với nhau ly nước sôi để nguội. Hấn bộp bạch – Mặc dầu đơn vị có hứa nhận, nhưng theo bản tin là phải có 50 triệu! Tôi trố mắt – Năm mươi triệu lá khoai hay lá mít? – Nhưng mây khói lo... Tao phải tìm cách ăn cắp hoặc bắt nạt học sinh phải nôn ra cho tao, để tao nạp cho thủ trưởng chứ mậy! – Thật quý hóa phải không mậy? – Lương tâm – Đạo đức – Trách nhiệm... là phải trả như vậy đó! Tôi cười – Mây chỉ ăn cắp bụi phấn và giấy làm bài tập; bắt nạt học sinh thì còn lâu! Ba mẹ chúng bắt mây phải cúi đầu nhận lỗi khi con họ không học được hoặc ham chơi nữa mậy ạ! Xã hội tiền bạc và thế lực là thế đấy! Hấn trầm ngâm giây lát – Biết vậy thì học làm quái gì cho tốn cơm áo, sách vở của cha mẹ, ở nhà phụ giúp cha mẹ làm ít sào cà phê hoặc ruộng có lý hơn đấy! Tôi phì cười – Thì cũng tại mây xin ở mấy cái huyện gần nhà, chứ mây xin vào huyện nắng chết cây, mưa lầy đất thì đâu đến nỗi?! – Vào đó lấy gì mà sống? Ra trường thăng nào cũng nhờ bám vào gia đình, chứ tiền lương thì vừa đủ

Người đời nay chết non, là do đời trước hay sát sanh.
Người đời nay giàu to là đời trước hay làm hạnh bố thí.
Người đời nay có xe ngựa, là do đời trước cúng dường Tam Bảo bằng xe ngựa.
Người đời nay thông minh, là do đời trước ham học và tụng kinh.
Người đời nay ám độn, là do đời trước làm súc sanh.
Người đời nay làm tội đời, là do đời trước nghèo mà tham chức dẫu.

(KINH THIỆN ÁC NHÂN QUẢ)

cà phê sáng để làm quen lấy lòng đồng nghiệp và các khoảng chi phí linh tinh... Đó là chưa kể đến sinh nhật, cưới hỏi con cháu, họ hàng của cấp trên – Rồi còn đồng nghiệp nữa chứ mây, chắc phải gặm củ mì để sống qua ngày thôi! - Ồi, có người có ta hơi đầu lo cho ốm xác! – Nếu còn ngon thì đói cứ đắp chăn nằm ngủ, cần gì phải đến lớp, kiểm tra, chỉ bảo học sinh. Cứ viết báo cáo bệnh là xong; đũa nào biết thì sống, bồng thì chết! – Cuối năm, cuối cấp... Cũng có đũa lo lắng, học hành tốt mà đó là thành phần con nhà nghèo... Nhưng cũng không ít những đũa cha mẹ chức quyền, giàu có thì khi chúng đi thi đã có cha mẹ thi giúp bằng điện thoại, thư tay, phong bì... lẽ dĩ nhiên đậu tât! – Mây là giáo viên quèn thì làm gì được nào? – Có đôi lúc tao nghĩ đến lời ba tao: “Con phải có nhân cách sống”... Nhưng tao cũng thắc mắc: Sao ông lại bỏ nghề về phụ việc, chăn gà, heo... Ông lại an ủi tao – Thế hệ sau này biết đâu khác ông!

Ngồi thẩn thờ với các ý nghĩ cuộn vòng trong trí... Hớp giọt cà phê cảm thấy đắng chát chạy dần vào cổ họng, nhìn những bàn chân bước vội vã trên đường phố... Tôi thấy mình xa lạ với chính mình!

DZA LỬ KIỀU



THƯ PHÁP SONG NGUYÊN

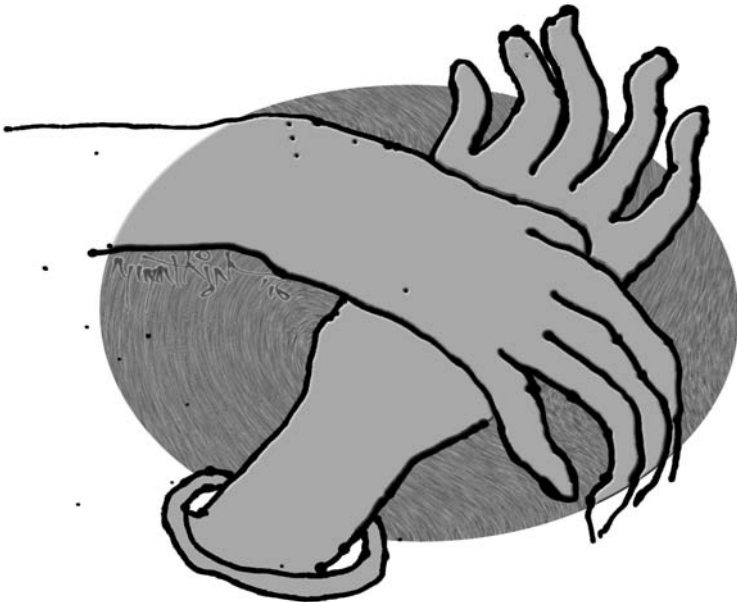
Xuân Yêu

*Hẹn hò chỉ một đêm xuân
Để nghe xao xuyến trong từng nhịp tim*

*Lặng ngời hóa đá bên em
Lời thương giấu kín nỗi niềm chưa trao*

*Vụng về tay nắm tay nhau
Cứ băng khuôn, cứ lao xao sóng tình*

*Kìa xuân đến thật yên bình
Mặc ai trầy hội riêng mình... cứ yêu!*



Lại Xuân Đến

*Lại đến một mùa xuân
Thời gian trôi nhanh như dòng nước cuốn
Anh lọt thỏm
giữa những tiếng ồn
của Sài Gòn thân thuộc
Tình tựa riết thành quen*

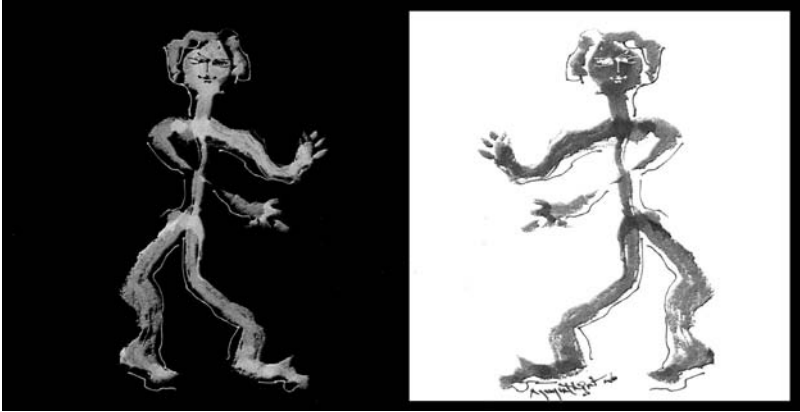
*Mạnh tay ném những muông phiến
lấn quẩn trong tâm
Anh nhạt nhạch chút niềm vui
ẩn hiện trên hè phố
trên vòm trời nắng tươi
từ màu xanh cây cỏ
từ ngọn gió thơm
dăm phút ghé thăm*

*Gạt đi những lo toan
những bộn bề
những đũa chen
giật giành cuộc sống
Anh mở rộng con tim
hồn nhiên - khai phóng
Dang rộng cánh tay
đón chào bình minh của đời mình*

Lại đến một mùa xuân...

NGUYỄN HẢI THẢO

Buông Xả Hay Chạy Trốn?



Khi gặp muộn phiền, muốn mình được bình thân tâm. Tôi thường tự khuyên nhủ mình hãy tháo gỡ, buông bỏ, hỷ xả, quên hết mọi thứ cầu mong bình an sẽ đến với mình. Thật ra đó chỉ là suy nghĩ cứu cánh trong lúc bế tắc, đuối, mệt mỏi.

Giữa buông xả và chạy trốn được nguy trang lẫn vào nhau rất khéo khiến ta lầm tưởng. Tôi từng nghĩ cách buông xả tốt nhất là sự lãng quên xem như nó từng tồn tại, nhưng không tôi đã lầm tưởng giữa buông xả và chạy trốn. Tôi hiểu thì ra bấy lâu nay tôi chạy theo cuộc đua marathon đường dài với chính tôi, tôi cứ chạy, chạy cắm đầu cắm cổ. Tôi muốn quên cái này, muốn tẩy cái kia, muốn xóa cái nọ... Dùng gôm tẩy xóa tưởng như liều thuốc kháng sinh chữa lành vết thương. Nhưng sự thật vẫn là sự thật, vết thương lành mà không lặn, sẹo vẫn hằn sâu!

Và cuối cùng, tôi cũng ngộ ra buông xả là gì? Lần này cũng lại là từ “quên”, khổ thay trí còn sáng, tuệ còn thông, ấy mà cứ triệt buộc nó phải quên cái này vui cái nọ. Thế thì có làm khổ nhau không? Tôi nghĩ là không! Tôi với vết sẹo đời quéo chai, vết thương lòng tươm chảy. Bấy nhiêu đó thôi cũng đủ để tôi tích

cóp một ít vốn liếng kinh nghiệm cho chính mình, tôi quyết định trị thương liền cả sọ.

Trước khi điều trị cho thân tâm được an lạc, con người ta ngụp lặn, quần quai, đau thương, đôi khi chết đi sống lại biết bao lần. Một trái tim bị tổn thương, một tâm hồn rách nát, muốn khâu vá đâu phải là một chuyện dễ. Sau một đêm trần trọc, suy tư, mất ngủ, nghiền ngẫm tôi ngộ ra rằng: “Nhân chi sơ, tính bản thiện”, hãy quay về với chính mình, tìm về bản thiện tô màu lòng bao dung, vị tha, độ lượng, chấp cánh cho hỷ xả được tung bay. Máu chốt chính trong vấn đề để tháo gỡ sự chấp ngã trong ta, đó là sự “lãng quên”, nhưng phải nhớ rằng: Quên tận cội nguồn lòng mới không còn vương vịn, đa mang. Thế mới thật sự cắt đứt được dây mơ rễ má với nàng chấp ngã.

Giờ phút này đây, câu kinh Bát nhã ba-la-mật là điều vi diệu nhất: “*Sắc tức thị không, không tức thị sắc*”, chuyện dữ hóa lành. Lành dữ là do ý khởi, ý trong - tâm sáng, tâm sáng - dạ an. Bỏ đi những suy nghĩ đại khờ lập lờ giữa trắng và đen, bạn có biết vì sao không? Vì sự thật luôn chát, đắng, trần trụi, gai góc, khó nghe, khó nhìn nên sự thật luôn đứng một mình co ro cô độc, buồn đau, ảo não... Nhưng sự thật một đời không thay đổi. Sự thật là sự thật... Vĩnh cửu!

Đặc biệt sự dối trá lại đa sắc màu không khác gì chú tắc kè hoa, nguy trang rất giỏi rất khéo, dễ đánh lừa. Một điều nghiệt ngã nhất mà ta thường thấy, dối trá luôn thắng, sự thật lại bị bẻ cong (tạm thời). Nhìn trăng biết ngày, nhìn trời biết tháng, chuyện gì đến sẽ đến, đi phải đi, quan trọng là còn gì đọng lại? Không nên vì đó mà trăn trở muộn phiền.

Nói buông không phải là chạy trốn, cũng không phải là lạnh nhạt, ơ hờ, vô cảm với cuộc sống. Mà là để trong mắt mình có ánh nhìn về cuộc sống nhẹ nhàng, nhân ái, bao dung và độ lượng hơn. Để làm gì? Để dễ dàng chấp nhận...

CÁNH CHIM TRỜI

Trả Nợ Tình Dầu



*Cho ta vay những dấu chân kỷ niệm
Bước bên em ngày hè ấy khắp sân trường
Ta sẽ trả bằng muôn ngàn cánh phượng
Có tiếng ve nào ngân khúc buồn thương*

*Cho ta vay một dòng thư tình cũ
Nét run run e ấp chữ yêu đầu
Ta sẽ trả bằng một thiên tình sử
Bằng vạn lần thiên hạ yêu nhau*

*Cho ta vay một lần em bắt chọt
Đến thăm ta, bờ ngõ buổi chiều nào
Ta sẽ trả bằng bao đêm nhung nhớ
Thuở nghìn trùng hai đũa cách xa nhau*

*Cho ta vay buổi chia tay ngày ấy
Con tim dại khờ không dám tỏ nụ hôn
Gom góp hết những mùa trăng ly biệt
Cả tiếng đàn, trả lại tuổi ngây thơ*

*Cho ta vay ngày Sài Gòn hỗn loạn
Virt bút nghiên, ta bỏ phố về đồng
Những lá thư em theo võ về ta mấy bận
Trả lại đời những ngày tháng long đong*

*Cho ta vay chút hương nồng ly hợp cần
Em thẹn thùng uống hết giọt giao bôi
Ta đã trả bằng chuyện tình lận đận
Cuộc trăm năm, vẫn chưa hết nợ nần!*

C.T



BS. Trần Nguyên Hà
- Một Trái Tim Nhân Hậu!

NT. CAM THẢO

Hôm nay mới là thứ Hai đầu tuần. Vậy là còn những 72 giờ nữa mới được gặp bạn bè. Nỗi chờ mong làm cho ngày dài lê thê...

Ngày thứ Năm của những cái dang tay ôm nhau thật chặt. Thứ Năm với trên dưới 30 trong tổng số hơn 400 “đồng bình tương lân” CLB 4T (*) như bầy ong vỡ tổ. Chém gió như thánh. Vui đùa như trẻ con, đầu đa số tóc đã ngả màu sương. Ngày thứ Năm ở Viện Y Dược học Dân tộc TP.HCM không biết tự bao giờ đã trở nên đông đúc và ồn ào đến vậy. Như nước chảy về chỗ trũng, chúng tôi tìm đến nhau, tựa vào nhau, cùng diu bước đi trên con đường gập ghềnh.

Với tôi, đó là những ngày hạnh phúc nhất kể từ khi các bác sĩ phát hiện tôi bị hai bệnh K cùng một lúc. Kết quả chụp MRI của tôi cho biết “*K gan đa ổ trên nền gan rướm máu*”. Đó là khoảng thời gian tôi như đi trên dây tử thần. Thật sự chông chênh, chơi với...

“Ngọt bùi nhớ lúc đắng cay/ Ra sông nhớ suối, có ngày nhớ đêm”.

Vùng cát trắng miền Trung quê tôi thường thấy mọc hoang các bụi gai lưỡn hùm (có nơi gọi gai lưỡn long). Hình dáng nó như cái lưỡn to, tua tủa hai bên là gai nhọn, dài như cây kim mẹ tôi vẫn thường vá áo quần. Chỉ sơ ý giẫm chân vào nó là nhức buốt mấy ngày. Vậy mà đã có lúc tôi nghe như cả thân mình nằm trên bụi gai ấy. Các toa hóa trị giày vò cơ thể tôi. Đau đớn kéo dài mấy tháng liền. Có người bảo con người ta sống kiếp này là để “trả nợ” cho kiếp trước? Lúc niềm tin lung lay dữ dội, tôi nghĩ hay là tiền kiếp mình đã phạm lỗi lầm gì. Nào tôi có biết?

Có lúc, tôi thấy mình như đang đứng trên triền núi, phía trước thăm thẳm vực sâu. Tôi đã nghĩ đến điều tồi tệ nhất. Giữa lúc tuyệt vọng, chợt có cánh tay nắm lấy tay tôi kéo ngược về phía sau... Tôi đã gặp bác sĩ Trần Nguyên Hà - chiếc phao cứu sinh của tôi và rất nhiều bệnh nhân K khác, trong hoàn cảnh như vậy.

Có lẽ nói những điều tốt đẹp về “bác Hà” (từ tôi vẫn hay xưng hô thân mật với BS. Hà) là hơi thừa. Bác vẫn sống như thế, luôn vì người bệnh.

Tháng trước, khoảng 20 chị em tôi rủ nhau xuống quán chay Hoan Hỉ tán dóc. Ai cũng nói về bác. Tôi có mời bác từ hôm trước.

Quý bác thì mời vậy thôi, chứ bận trăm công nghìn việc như bác, không chắc bác đến được. Nhưng thật bất ngờ. Không chỉ đến, bác còn vui vẻ hát tặng chị em tôi: *“Sống trong đời sống cần có một tấm lòng/ Để làm gì em biết không?/ Để gió... cuốn đi”*. Vâng! Để cho lòng nhân ái trải rộng nơi nơi. Để vỗ về cho vơi bớt những niềm đau nhân thế.

Tôi “thâm niên” bệnh tật nên tôi biết không ít bác sĩ đã tận dụng ngoài thời gian làm việc tại bệnh viện, về nhà mở phòng mạch riêng. Mỗi tháng có người kiếm 70 - 100 triệu là thường. Đường đường là bác sĩ chuyên khoa 2, lại là Trưởng khoa một bệnh viện lớn (khoa nội 4 BV Ung Bướu TP.HCM) tiếng tăm lẫy lừng như bác sĩ Hà, vậy mà không có phòng mạch riêng. Thật lạ đời! Còn nhớ, hôm dự thính buổi nói chuyện chuyên đề của bác về bệnh ung thư tại Trung tâm tuyên truyền sức khỏe TP.HCM. Trình bày xong, người ta tặng hoa cho bác. Bác mang hoa tặng lại cho bệnh nhân của mình. Điện thoại của bác luôn ở chế độ hoạt động 24/24 để lắng nghe và chủ động gọi đi tư vấn, động viên người bệnh. Bác thường nói với tôi: *“Trong quá trình điều trị, tinh thần bệnh nhân quyết định 50%, bác sĩ chỉ 20%, còn lại là thuốc”*. Bác luôn như vậy với mọi người.

Tôi từng sụt mướt về truyện ngắn *“Chiếc lá cuối cùng”* của nhà văn Mỹ O. Henry. Chuyện kể về cô gái trẻ Johnsy mắc bệnh rất nặng. Vào một đêm mưa gió, cô ngồi nhìn ra vườn thấy trên cành cây thường xuân chỉ còn một chiếc lá lắt lay trước gió. Johnsy nghĩ rằng, khi chiếc lá cuối cùng rơi xuống, cô sẽ chết. Nhưng cả đêm đông lạnh giá ấy, mưa gió bão bùng, chiếc lá vẫn không rơi. Một niềm tin vô hình đã vực dậy tinh thần cô gái. Và, cô đã vượt qua được căn bệnh hiểm nghèo.

Sau đó ít lâu, cô bạn thân của Johnsy tiết lộ rằng *“chiếc lá cuối cùng”* ấy là do cụ Behrman - họa sĩ, người hàng xóm rất quý mến Johnsy, đã thức suốt đêm gió mưa ngồi vẽ chiếc lá trên tường nơi Johnsy hay nhìn ra. Chiếc lá cuối cùng ấy đã không rơi. Nhưng cụ Behrman thì đã qua đời sau cái đêm định mệnh ấy!



CẦU LẠC BỘ 4T SÀI GÒN - KỶ NIỆM 06 NĂM THÀNH LẬP

Bác sĩ Trần Nguyên Hà bằng tấm lòng nhân ái, đã từng “vẽ” những chiếc lá như thế với người bệnh.

Buổi sáng, những tia nắng ấm xuyên qua cành lá. Cây chuối ngọc trước sân nhà tôi đã chớm những nụ hoa e ấp, báo hiệu mùa xuân sắp về.

Con gió đông cuối mùa thổi qua thổi mạnh. Nụ hoa Linh sâm màu tím tím yêu quý của tôi tả tơi mấy cánh. Nhưng nó vẫn vươn về phía mặt trời tìm sinh lực, gắng khoe sắc với đời. Tôi bước ra sân hít thở khí trời với một niềm tin rằng đâu đó vẫn có những điều kỳ diệu./.

N T. CAM THẢO

.....
(*) CLB 4T có nghĩa: Tinh thần, Thể dục thể thao, Thực phẩm và Thuốc (một phương pháp chữa bệnh của Viện Y Dược học dân tộc).

Chào Xuân

*Cành xanh môn môn lá
Đàn chim ríu rít chào
Én về từ muôn ngả
Cho mùa xuân xôn xao*

*Triền cỏ non biêng biếc
Rộn ràng bên nắng mai
Đào Lan Hồng Mai Cúc
Cột đũa bên hiên ngoài*

*Mây vờn trên vòm cao
Chuông chùa vang tiếng đổ
Gió thênh thang lưng trời
Cùng nàng xuân hạnh ngộ*

*Trắng lên rừng xuống bể
Gom từng chút nắng vàng
Tặng bao miền bão tố
Ấm lòng đón xuân sang.*



***Chỉ Có Em
Tình Nồng Thắm Chân Thành***

*Thôi em ạ có gì đâu nuôi tiếc
Bởi vàng son nhan sắc chẳng bền lâu
Khi sợi tóc trên đầu mơ hóa kiếp
Thì làn da đã mưa nắng dãi dầu.*

*Anh vẫn biết có một thời hương mật
Có niềm vui tràn trên mắt trên môi
Tin lời Phật anh tin điều còn mắt
Như đôi ta sớm muộn cũng luân hồi.*

*Anh nông nổi quăng đời mình theo sóng
Tưởng bờ kia là hoa bướm thiên đường
Khi tỉnh giấc thấy đời không như mộng
Anh bàng hoàng rồi gấp gáp yêu thương.*

*Anh yêu hết những người anh bắt gặp
Trở trêu thay chẳng ai nhớ thương mình
Anh gắng hỏi lòng anh bèn chân thật:
Có một người từ lâu lắm yêu anh.*

*Nào đâu Phượng, Lan, Hồng, Mai với Cúc
Những nụ hoa từng rướm máu tim em
Giờ còn lại nữa đời như củi mục
Chỉ có em, tình nồng thắm chân thành.*

Nhật Ký Tháng Giêng



Có những lúc thấy lòng trống vắng, thừa thãi đến vô cùng, tưởng chừng như mình đang lạc vào vùng hoang mạc mênh mông khô cằn, chỉ có bão cát và nắng gió, không định vị được phương để đi, hướng để về...

Có những lúc thấy mình lẻ loi đến không tưởng, trí óc mù mịt, ngác ngơ không nhớ nổi một cái tên của ai đó, không nhớ nổi một số điện thoại của ai đó, không nhớ nổi một dòng địa chỉ của ai đó để gửi gắm nguồn cơn tâm sự đầy ngổn ngang đang chờ trữu trong trái tim...

Có những lúc trái gió trở trời, đầu nóng chân lạnh sao mà thêm một bàn tay ân cần vuốt tóc, thêm nghe một giọng nói nhẹ nhàng chia sẻ: “Em mau hết bệnh nhé”...

Có những lúc trong bữa cơm muộn màng giờ giấc, một mình cùng bát đũa mờ mờ, cứ nghe miệng đắng lưỡi chát, nghẹn nghẹn nổi niềm riêng không thể giải thích được bằng lời...

Có những lúc đêm trong căn phòng trống, nhìn bóng mình xác xơ, loang lổ in trên vách tường rồi nghe lòng chùng xuống như đáy vực sâu khi nghe gổ chẵn cô đơn lên tiếng, chỉ thế thôi mà nước mắt rung rung...

Có những lúc chờ nổi buồn dạo chơi, rong ruổi lang thang qua những cung đường, khúc quanh, góc phố để nghe cái lẻ loi cô độc xâm thực vào mọi giác quan hồn xác, tưởng như mình đang lên cơn đau phiêu linh tận cùng trời đất...

Có những lúc là người trong men rượu, cứ thấy mình lạ lùng, chùng chình, mê mải giữa say và tỉnh, rồi hát vu vơ một mình, rồi cười ngu ngơ một mình giống như người đàn bà khinh khinh chẳng hiểu nổi mình mong gì, muốn gì, nghĩ gì...

Đã từng có những khi như thế... Đã từng có những lần như thế... Đã từng có những đêm như thế... Đã từng có những ngày như thế... Nhưng may mắn quá khi thấy cuối cùng mình vẫn ổn... Ủ! Thì vẫn cứ một mình, vẫn cứ cô đơn, vẫn cứ sống, vẫn cứ thờ... Chỉ vậy thôi... Có sao đâu... Có chết ai đâu! Ồ... yeeee...

Sài Gòn những ngày đầu năm trời lạnh lạnh của chút hương thừa mùa đông còn sót lại... mênh mang sương mù buổi sáng, ẩm áp giọt nắng buổi trưa, lãng đãng mây bay buổi chiều, bàng bạc vàng trắng buổi tối... Không khí, đất trời, con người... Tất cả như đang cất tiếng hát thái hòa, như đang mở lòng ra để dang tay đón chào tháng Giêng mang mùa xuân mới sửa soạn quay về... Và thêm rêu của tôi ơi... có cô đơn đâu... khi kẻ bên vẫn còn có chiếc bóng làm bạn cùng...

H.C.Đ

Tháng Giêng



*Em về
cồng nằng trên vai
Mùa xuân nỡn
em hái đầy lộc tươi
Tháng Giêng
áo lụa ai phơi
Cỏ non
nghe ướt
nắng ơi! hanh giùm*

*Em về
trời có mưa phùn
Hồn nhiên hôn tóc
môi đừng ghen... xa
Vời mây
nắng trợ
hiên nhà
Vời em
tim nhỏ thật thà ngu ngơ*

*Em về
lục bát vu vơ
Tháng Giêng
xuống núi
câu thơ vỡ òa
Mùa Xuân đến
tháng Giêng xa
Chờ tôi nhé
bước thướt tha
em về ...*

Mẹ

*Tóc con đã điểm bạc rồi
Mẹ ơi! Tay mẹ đôi môi thêm không?
Đời con vẫn mãi long đong
Vần thơ đâu đủ ấm lòng mẹ yêu!*

*Hoàng hôn phủ bóng cô liêu
Thương về dáng mẹ khi chiều gió lên
Mẹ ngồi nắng úa kê bên
Mắt nhìn xa ngái gọi tên con mình*

*Đêm mờ vọng tiếng cầu kinh
Cầu cho con được an bình phương xa
Con tìm hư ảo... phồn hoa
Đường quê rợp bóng tre già mẹ đi*

*Buồn lòng... quên mẹ đôi khi
Vui cao ngất ngưỡng cũng vì lợi-danh
Cuộc đời cho giọt lệ xanh
Mẹ cho tất cả ngọt lành bao la!*

Xuân Đến Khế Khàng...



Buổi sáng sớm - nhìn qua khung cửa sổ hướng ra khu vườn như mọi ngày để nhận biết ngày mới đã đến - một ngày nữa sẽ trôi qua trong đời để bước dần về phía xế chiều của đời người; nhưng sáng nay tôi bỗng nhận ra một điều gì khang khác?

Trước tiên là màu nắng. Nắng trong, hanh vàng, rất lạ! Sắc nắng tươi nguyên như có sức tỏa hơi ấm cho dầu cái se lạnh của những ngày gần cuối năm vẫn rần rật quanh đây! Nắng chiếu trên những tán lá màu xanh đậm làm cho nó long lanh, như mỏng ra, và dịu dàng hơn trong hơi gió thoảng. Nắng tràn đầy trong khu vườn, trên từng khóm hoa, lối sỏi quanh co một cách hồn nhiên như mời gọi...

Tôi bước ra sân - ngược nhìn lên bầu trời: Một màu xanh

nhạt. Màu xanh của nền trời như cũng được ánh nắng trong trẻo tươi nguyên kia làm cho mỏng đi, bàng bạc, vời vời - có sức hấp dẫn lạ kỳ! Đó là một màu nắng dịu dịu tinh khôi, quyến rũ - gọi nhớ bao kỷ niệm xa xưa, êm đềm! Tôi tự hỏi: Cái nền trời âm u, xám ngoắt của tháng ngày mưa dầm gió giạt mấy hôm trước đây đã biến đi đâu rồi?

Hướng tia nhìn xa ra ngoài cánh đồng phía trước: Một màu lúa non xanh mơn mớn, một màu nắng mới to vàng, một màu trắng nõn của đàn cò, một mảnh trời trong xanh yên vắng, một vài cánh én chao nghiêng đưa thoi - tôi chợt nhận ra là mùa Xuân đang khẽ khàng đến... Xuân đang đến - từng bước, từng bước nhẹ nhàng, như bước chân lặng lẽ của thời gian đều đều gõ nhịp tích tắc nơi chiếc đồng hồ Telda cũ càng đã được mẹ tôi treo nơi vách đã bao năm!

Tôi cảm thấy lòng mình như cũng được sắc nắng Xuân chiếu rọi, sưởi ấm, vỗ về. Một sự chuyển hóa thật màu nhiệm khiến lòng tôi cũng nao nao, xao xuyến. Tâm hồn tôi như cũng đang được đổi mới cùng đất trời dầm thấm bao dung kia. Mùa đông buốt giá bão bùng đang dần lui xa - trả lại cho vạn vật một sức sống mới. Tôi ngồi lặng yên ở chiếc ghế mây cũ bên hiên nhà - thầm nhớ lại hơn sáu mươi mùa xuân đã đi qua đời mình - bao thăng trầm biến đổi, bao khổ đau hệ lụy đời thường - và tôi chợt mỉm cười với mình trong niềm an vui ấm áp của tuổi đời còn lại...

Cùng lúc - tôi chiêm nghiệm về những bước chân thông dong, êm ái của mùa xuân mà nhận ra ở đời mình hiếm khi được có những bước chân an nhiên vững chãi như thế. Tôi đã vội vã. Đã rộn ràng. Đã chen lấn. Và những bước chân lặn độn ấy đã dẫn dắt tôi lao đao suốt mấy chục năm trời!

Tôi luôn mơ ước có được “*một ngày không vội vã*” để nhìn kỹ từng bước chân đi, nhìn từng xao xuyến gợn lên từ đáy hồn mình để nhìn thấy rõ hơn bao điều diệu kỳ của đời sống! Chỉ mong một tuần, có được “*một ngày không vội vã*” thôi mà vẫn

“... Người học Đạo hẳn có một niệm vọng tâm là xa Đạo, ấy là điều tối kỵ. Hết thầy mọi niệm đều vô tướng, đều vô vi, tức là Phật. Người học Đạo nếu muốn thành Phật thì hết thầy Phật pháp đều không cần phải học, **chỉ cần học cái không mong cầu, không chấp trước là đủ. Không mong cầu thì tâm không sinh, không chấp trước thì tâm không diệt.**

Tám vạn bốn ngàn pháp môn là chỉ đối trị với tám vạn bốn ngàn phiền não, đây chỉ là Pháp môn giáo hóa tiếp dẫn. Vốn không có pháp nào, **sự lìa bỏ chính là Pháp, người biết lìa bỏ chính là Phật.** Chỉ cần lìa bỏ mọi phiền não thì không còn pháp gì để chứng đắc cả...

(HOÀNG BÁ THIÊN SƯ PHÁP NGŨ)

chưa làm được? Suốt bao năm dài, tôi đã đánh mất những ngày “*không vội vã*” quý giá ấy mà mãi mê đuổi bắt ảo ảnh hão huyền ngày càng xa mờ...

Lặng nhìn từng bước đi của mùa xuân đang đến quanh tôi - tôi thầm ước, làm sao có được những bước chân khẽ khàng mà vô cùng thiêng liêng như mùa xuân bây giờ?

Tôi nghĩ - khi tâm hồn đã tươi mới trong trẻo như nắng xuân. Cuộc sống đã rộng mở bao dung như trời xuân. Suy tưởng an nhiên mát lạnh như gió xuân - thì lúc đó, từng bước chân ta đi vào đời sẽ thông dong vô ngại biết bao! Sẽ nhiệm màu an vui và hạnh phúc biết bao!

Tôi chợt nhớ đến hai câu kệ của **Thiền sư Hoàng Bá**: “(…) *Bất thị nhất phiến hàn triệt cốt/ Tranh đắc mai hoa phốc tử hương*” (*Chẳng phải một phen xương buốt lạnh/ Hoa mai đâu dễ ngát mùi hương*) - như mùa xuân đã bị vùi dập qua bao tháng ngày bão táp đen tối - cho đến sáng hôm nay đang trở dậy, đang cựa mình vươn lên, để hiến dâng cho đời bao niềm hy vọng...

MANG VIÊN LONG

Nhịp Thiên

*Chim xưa hót tiếng cội nguồn
Đánh rơi hạt ngọc trên đường thiên di
Vỡ thành muôn mảnh li ti
Rơi vào một cõi biên thùi mệnh mang*

*Trăm năm lệ đá hoe vàng
Viễn phương liệu có địa đàng không em?
Cội xưa nguồn cũ xa miền
Để ta bắc một... nhịp thiên bước qua*

Tình xa... tóc cũng... phôi pha!

Mộng Phù Vân Bay...

*Soi gương phản chiếu ánh hình
Sao không giống thuở xưa mình bánh trai
Thời gian méo mó hình hài
Dung nhan nhiều vết nhăn dài quanh mi*

*Đưa tay vuốt trán phẳng lì
Tóc tai vắng nửa xuân thì rụng rơi
Hoàng hôn lặn phía chân trời
Tuổi ta lẳng lẳng sắp rời cuộc chơi*

*Bình minh đi quá nửa đời
Đường trăm năm đợi một lời thiên thu
Đêm khuya dỗ giấc sương mù
Nghe trong bờ cõi mộng phù vân bay*

*Mảnh trăng lấp ló hiên ngoài
Hình như cũng đã mệt nhòaí tám thân
Đứng lên ném cái phong trần
Chưa qua cửa sổ thở gần huyệt hơi!*

Một Nửa

*Ngày mắt đi một nửa
Hoa buổi sáng sắp tàn
Nắng trải vàng trước cửa
Con mèo ngủ mơ màng*

*Chiếc lá vàng một nửa
Nửa kia còn gượng xanh
Đong đưa cùng gió thổi
Vẫn vui khi lìa cành*

*Tóc đen còn một nửa
Nửa kia bạc trắng rồi
Vuốt nhẹ sợi tóc rụng
Ai hay ta ngậm ngùi!*

*Trăng mắt đi một nửa
Nửa kia trôi về đâu?
Rượu còn trong bầu chứa
Ta mời trăng bên lầu*

*Đời mắt đi một nửa
Trôi qua trong muện phiền
Bao năm ta mở cửa
Đợi Xuân về bên hiên!*



Ngũ Yên tên thật Nguyễn Quốc Đông, sinh trưởng ở Tây Ninh, vốn là một nhà giáo. Anh là hội viên Hội Nhạc sĩ Việt Nam. Ngoài sáng tác ca khúc, anh còn viết truyện ngắn, bài phê bình âm nhạc với các bút danh Ngũ Yên, Nguyễn Duyên.

“Điện thoại của mẹ” đoạt giải thưởng cuộc thi truyện ngắn “Quà tặng cuộc sống” do Công ty truyền thông Sunrise Media tổ chức năm 2016 và được chọn đăng trong

Tuyển Văn Tây Ninh (1975-2015) của Hội Văn học Nghệ thuật Tây Ninh xuất bản năm 2016.

Điện Thoại Của Mẹ

(Kính dâng lên hương hồn mẹ thân yêu)

Suốt ngày ở nhà hiu quạnh một mình nên mẹ tôi rất thèm tiếng người, hề nghe tiếng của ai ở phía trước là bà lọ mọ đi lên, dù quen hay lạ: Một người hàng xóm, một bà lão bán vé số, một người đi đường dừng lại. Bà hỏi chuyện đủ thứ, chuyện đâu không, mà khi hỏi là hỏi cho tới cùng, từ gia đình, con cái, quê quán, nhà cửa, làm ăn... làm nhiều người lúng ta lúng túng. Nhưng không ai giận cả, rất vui vẻ trả lời bà già.

Chúng tôi đi làm, bà ở nhà, điện thoại reo bà nằm nghe, tôi về bà nói lại:

- Tao đếm chuông reo mười ba lần.

Tôi phì cười:

- Hơi đâu mà mẹ nghe cho mệt, chắc là bạn bè con.

Một bữa đi làm về, tôi lui cui dọn cơm bà kêu lại nói:

- Hồi sáng con vừa đi chuông reo hai mươi lần, chắc ai gọi có chuyện cần.

Tôi nói qua loa:

- Không có gì cả mẹ, đừng quan tâm. Mẹ cao huyết áp cứ nằm nghe rồi bệnh nặng.

Nói thế tôi lên phòng nằm nghỉ, bỗng chuông điện thoại reo lên, tôi xuống nghe, một người bạn hỏi chuyện cơ quan, tôi vừa định đi lên bà kêu lại.

- Gì thế mẹ ? - Tôi hỏi.

- Ai gọi con thế?

- Người bạn gọi mẹ ơi!

- Gọi làm gì?

- Chuyện cơ quan ấy mà - Tôi bỗng cáu gắt: - Mà mẹ hỏi vợ vẫn làm gì cho mệt.

Bà im lặng, tôi cảm thấy hối hận vì to tiếng với mẹ, một lúc bà lại nói trống:

- Chuông reo có bốn lần chắc bạn con có chuyện không quan trọng.

Tôi cười khì:

- Mẹ ơi! Quan trọng hay không do cuộc gọi, mẹ đoán già đoán non làm sao mà trúng, tại vì không ai bắt nó reo hoài khi bắt thì nó im.

Nói là vậy nhưng bà vẫn nghĩ theo cách của bà.

Thường chúng tôi hay giấu những câu chuyện không vui, gây xúc động cho bà. Nhưng có một đêm, bà chợt nghe tiếng cầu

kinh gõ mõ vọng lại bèn hỏi:

- Đám ma ở đâu vậy tui bây?

Tôi ra đầu bọn trẻ im lặng và nói:

- Xa lắm, đầu xóm trên mẹ ơi!

Bà không chịu:

- Gần lắm, tao nghe như trước cửa nhà mình.

Chúng tôi im lặng tản hàng sợ bà hỏi thêm thì nguy thật, vì bà Tám lảng giềng bạn của bà đã mất đêm qua, chúng tôi đều dặn nhau giấu kín bà. Thời gian sau bà nói:

- Sao lâu quá không thấy bà Tám sang chơi vậy tui bây?

Tôi vội đỡ lời:

- Lúc này bà Tám bệnh thường xuyên ít đi đứng mẹ ạ!

Bà liền nói:

- Bệnh gì bất tử vậy? Bệnh cũng có người báo, đấng này biệt tằm chắc chết rồi.

- Sao mẹ biết? - Tự dung tôi bị hớ lời.

- Vậy là bà chết thiệt rồi, mọi lần sáng nào không qua xin trầu tao, mấy tuần nay không qua là có chuyện rồi. Tao nghi bữa nghe tụng kinh là bà mất nhưng tui bây giấu tao.

Đúng là khi chúng tôi đi làm, nhà vắng vẻ, bà Tám thường qua chơi xin trầu ăn, hai bà tâm sự như một cái lệ, bây giờ tự nhiên đột biến ắt là có chuyện phải rồi. Tôi ngồi lặng thinh, còn bà nằm thở dài thườn thượt... Người ta nói thật đúng: Người già có tánh linh, chuyện gì cũng biết.

Có bữa bà đếm hai ba cái điện thoại reo, tôi về bà báo lại:

- Tao đếm nhà mình tới mười lăm lần chắc là chuyện cần gấp lắm, còn nhà con Út (em gái phía sau nhà tôi) kêu lớn lắm, rất nhiều, tới hai mươi bốn lần, không biết có chuyện gì không mà qua hỏi thử xem sao?

- Trời ơi! Hơi đâu mà mẹ lo, người ta làm ăn buôn bán điện thoại, điện không được thì người ta điện qua di động của nó, dân làm ăn nhau mà, sợ gì.

Câu chuyện thường ngày như thế, tôi đã quá quen với kiểu nói của bà nên không cúi gắt, không bình luận gì cả chỉ đi nghỉ. Vậy mà một bữa tôi dọn cơm lên, bà vừa ăn vừa nói:

- Đứa nào mới điện bên nhà con Út hai ba lần rồi tất chắc là chuyện thường, điện làm gì!

Tôi lại bực mình:

- Đã dặn rồi, bác sĩ không cho suy nghĩ, cứ nằm đó đếm đếm có ngày lên máu chết.

Tự dưng tôi bật cười nghĩ bà có thể là một điện thoại viên độ đáo nhất cả nước, nghe tiếng chuông mà biết được câu chuyện? Có lẽ tiếng chuông điện thoại mang cho bà một niềm vui nào đó, một cách thư giãn của bà chăng?

Tình hình kéo dài như thế, vợ tôi bàn:

- Hay là mình bỏ điện thoại bàn cho mẹ đỡ lo, anh sắm một cái di động có tiện hơn không?

Nhưng tôi cứ lưỡng lự hoài, hình như tôi muốn để cái điện thoại bàn làm niềm vui cho mẹ, tôi nghĩ nếu bỏ đi bà buồn bệnh sẽ nặng hơn. Tôi chợt nhớ câu chuyện “Chiếc lá cuối cùng” của O’Henry, một cô gái bệnh hoạn nhìn chiếc lá qua ô cửa sổ rơi rơi cứ phập phồng lo sợ chiếc lá cuối cùng rớt xuống, nàng sẽ chết mất... Câu chuyện thật cảm động. Còn âm vang tiếng điện thoại này, nếu mất đi chuyện gì sẽ xảy ra, ai biết được?

- Thôi cứ để vậy biết đâu mẹ sẽ vui! - Tôi nói đại với vợ.

Và lại nhờ có điện thoại mà tôi gấn bó, có dịp trò chuyện với bà đủ thứ chuyện:

- Mày điện xem dì mày đã hết bệnh chưa?

- Mày điện coi mấy đứa nhỏ đi cúng ở Châu Đốc về chưa?

- Điện cho cậu Năm mày nói kỳ này tao đi Thủ Dầu Một ăn đám giỗ bà ngoại.

Cứ những câu hỏi như thế hằng ngày tôi phải nghe và phải trả lời cho vui lòng bà. Mỗi lần bắt máy tôi đưa tận tai cho bà nghe, tuy nói lấp bắp không ra lời nhưng bà rất vui, hình như

những người thân, con cháu đã về tề tựu đông đủ cả.

* * *

Từ ngày mẹ mất, gia đình càng thêm vắng vẻ buồn thiu. Ai đi làm về cũng lui thủi vào phòng lặng thinh, ít ai trò chuyện với ai. Căn nhà dưới nơi chỗ mẹ nằm đã được dọn dẹp trống trải càng thêm cô quạnh. Tôi về nhà buổi trưa, theo thói quen nằm vông kê bên giường mẹ, bỗng dưng chợt thấy như thiếu thiếu một cái gì: Thuốc lá chãng, cà phê, tờ báo như thường lệ? Suy nghĩ hoài không biết, thì ra thiếu tiếng nói của mẹ về chuông điện thoại, còn ai nói chuyện với tôi, còn ai nhắc chuông reo mấy hồi...

Một hôm đang nằm đọc báo, chuông điện thoại vang lên, tôi giật mình ngỡ ngác lắng nghe, bỗng lên tiếng:

- Em ơi! Chuông reo mười lần rồi, không ai bắt máy chắc bà con gọi đó.

Vợ tôi cần nhần:

- Sao anh biết, chuông reo không nghe mà ngồi đó đếm đếm, bộ nhiễm bệnh của mẹ rồi sao?

Tôi hết hồn, chợt nhận ra mình đã nhiễm thói quen của mẹ hồi nào không hay.

Sau này khi nghe chuông reo, tôi định lại cầm máy, nhưng cũng phải thần thừ ngồi nghe một lúc. Vợ tôi thấy nhiều lần như thế nên nhắc nhở:

- Anh như người bệnh thần kinh, chuông reo thì đến nghe, làm gì ngồi thừ ra mà đếm.

Hay tôi bị bệnh thần kinh từ hồi nào mà không biết nữa, tôi cố bỏ nhưng lâu lâu cũng vấp phải.

Những lúc nhà vắng lặng, tôi nằm nghe tiếng chuông điện thoại reo, reo mãi... Chùng như âm vang của nó có linh hồn, có tiếng nói, có hình bóng của mẹ hiện về...

NGŨ YÊN

Tương Tư Tháng Giêng

*Em có từng thương nhớ tháng Giêng
Thả lá tương tư xuống môi hiền
Thả xuân xanh qua mùa mê hoặc
Thả tình tôi lạc dấu chim quỳên.*

*Tóc em thơm một rừng mai trắng
Chiều vàng nghiêng cánh nhớ mùa xưa
Hôn lên bờ vai em thấp nắng
Ngọt ngào hương cốm lá ngày mưa.*

*Cỏ xanh mướt trải bao đồng bãi
Đề áo em hồng dáng lụa thơm
Ngày xuân nghe tiếng ai gõ cửa
Lại ngỡ em về bên kia sông.*

*Tháng Giêng còn cả mùa trăng cũ
Chập chờn mắt đóm đợi sao khuya
Tình xuân chưa hết mùa hoa nở
Mà trái tương tư rụng bao giờ?*

Nhà Minh

*rồi khi mặt trời nghiêng qua mái hiên sáng
những búp mai non nở khê khàng trong gió mát
con về nhà mình bằng nụ cười chờ sẵn của mẹ đêm qua*

*mưa bão đã qua
luống cải rực bông vàng đang rủ rê lũ bướm
khói bếp hăng hăng mùi củ dĩa khô thánng Chạp
bánh trắng phơi hai hàng
bánh phồng thơm nếp mới
cuối góc vườn bông mận trắng đợi người xa*

*áo thêu nắng mới như vạn thọ mùa Tết
mẹ đứng chờ con dưới hàng sấu đầu trâm bông giọng chim
lặng lẽ ngắm ao nhà đầy sen hồng ngát hương
guơng sen non xanh xanh như ngày con mới lớn*

*sáng mừng một còn thơm khói ba mươi
chờ mong đêm qua còn nóng lửa
mẹ khoe cây măng cầu tơ vừa có trái
chờ con hái quả đầu tiên*

*con về nhà mình ấm áp yêu thương
no giấc trưa trên võng đay bông ô môi tím
ba ngày Tết mẹ cười vui tíu tíu
trẻ thơ xưa phút chốc kéo về*

*sáng nay khi mặt trời xiên qua hàng hiên nhỏ
bông sống đời nhà mẹ đỏ góc mùa xuân.*

Mẹ Quê

*quê mùa
mẹ chẳng biết thơ
ru con bằng những âu ơ ruộng vườn
nắng mưa vông nặng lòng nương
bốn mùa
bông súng phủ hương ao bùn*

*đêm dài trăng trở thất ngôn
ai rơi sáu tám vàng đường chiều thu
mẹ tôi ngồi vá lời ru
một thời con gái xa mù tí xa
ngày xưa xưa thật rồi mà
có sao áo cũ chưa phai pha tình*

*đôi khi thấy mẹ một mình
ngẩn ngơ nhìn cụm lục bình ngẩn ngơ...
nghe con rao bán câu thơ
mẹ về lượm nắng be bờ ngũ ngôn
se se cỏ úa cuối vườn
hiên sau
lạnh
một bóng chuồn mùa đông*

*giờ thì trời sắp sang xuân
áo nâu phơi giữa nắng hồng sáng nay
thơ tôi lem luốc tỉnh say
câu à ơi mẹ
treo đầy giấc mơ*

Sài Gòn – Nỗi Nhớ



Có lần, một anh bạn nhà thơ quê ở Đà Nẵng tâm sự với tôi rằng, sau khi đã tới Sài Gòn, anh không thể rời xa khỏi nó được, dù anh cũng đã từng sống ở nhiều nơi khác.

Anh kể về những ngày sống ở Huế, ở Hà Nội. Những con phố nhỏ. Những hàng cây im nhớ gió. Những người con gái đẹp mà anh đã lặng thầm thương nhớ, hoặc đã lặng thầm nhớ thương anh. Và cả những cái gì đó bàng bạc mơ hồ trong tâm tưởng, khó tả thành lời. Hình như đó là mùi hoa sữa nồng nàn; là một cơn gió heo may đầu thu Hà Nội; là những tối mùa đông ngồi cùng đôi ba người bạn uống rượu khê trong một cái quán nghèo đầu phố... Hình như đó là những tà áo dài, những chiếc nón bài thơ chập chờn trên cầu Trường Tiền như những cánh bướm trắng dịu dàng mỗi chiều giờ tan học; là những cơn mưa miền Trung lê thê buồn, những lời ru con ngậm ngùi lan trải trên mấy con đò dọc sông Hương... Tất cả đã đan dệt thành cái mà người ta gọi là kỷ niệm. Của riêng anh.

Nhưng tất cả những cái đó đều trở nên phai nhạt khi anh vào Sài Gòn, sống với nó suốt mười mấy năm qua. Sài Gòn vừa như một chàng lãng tử hào hoa, sẵn sàng chơi hết mình vì bè bạn, một gã Lệnh Hồ Xung hào phóng dễ tin người, sẵn sàng kết giao với mọi giang hồ bằng hữu, không phân biệt chính tà, miễn là có lòng chân thành và khảng khái; lại vừa như một nàng thiếu nữ xinh đẹp và nhí nhảnh, mà muốn chinh phục được, đòi hỏi người ta phải bộc lộ mọi khả năng trời phú, phải mướt mồ hôi để tự khẳng định mình... Vậy đó, Sài Gòn đã đón anh với vòng tay mở rộng, và không biết từ lúc nào, anh đã tự xem mình là một cư dân Sài Gòn “thứ thiệt”.

Tôi khác anh. Tôi sinh ra, lớn lên, và sống hầu hết cuộc đời cho tới lúc này của mình ở Sài Gòn, nhưng tôi không biết thật ra mình yêu hay ghét nó. Tôi chán đó người cái cảnh sáng trưa chiều tối, lộ mặt ra đường là lại phải bon chen trong những lũ lượt chen chúc toàn là người ngọm, xe cộ, bụi bặm, tiếng ồn. Tôi mệt mỏi vì nhịp sống quay cuồng với một tốc độ nhanh đến chóng mặt. Tôi nổi quạu vì ở Sài Gòn khó mà tìm được một chỗ vừa bình dân ít tốn tiền vừa yên tĩnh, không có ai làm phiền đến mình,

để tìm lại cảm giác hoàn toàn an bình trong giây phút. Sài Gòn lúc nào cũng ồn ào, huyên náo, lúc nào cũng đông đảo những người vì sinh kế đã biến thành những kẻ quấy rầy (những cô bé, chú bé, những anh chị, chú bác, thím bà... đánh giày, bán vé số, bán nem chả, đậu phộng linh tinh...). Đặc biệt, tôi thật sự phát khùng vì con gái Sài Gòn ngày càng xinh đẹp, mà tôi thì mỗi ngày lại thấy mình khô cằn già cỗi thêm một chút, ươn hèn nhút nhát thêm một chút. Thời oanh liệt của tôi đã qua lâu rồi, mà sao mấy nàng con gái lại cứ mơn mớn đáng yêu thế kia chứ, hở Trời già?!

Nói thì nói thế, chứ mỗi lần xa Sài Gòn, tôi cũng nhớ nó ghê lắm. Mấy năm chiến đấu xa nhà, hay sau này có những bận đi xa, tôi vẫn thường hay nằm chiêm bao thấy mình đang ở Sài Gòn, đi la cà bù khú cà phê cà pháo với đám bạn bè. Nhớ những con đường nhỏ mà tôi hay đạp xe lang thang mỗi tối trong những mùa hè nóng bức. Nhớ hàng cây phượng vĩ dọc con đường đến ngôi trường trung học. Nhớ đám bạn học toàn những tay đầu têu nghịch ngợm như quỷ sứ thiên lôi. Nhớ những cô em học trò xinh xắn. Ôi, những mối tình học trò ngây thơ, dễ thương chết được. Những Hoàng Thị Ngọc của một thời, mà ngày nào, nắng cũng như mưa, tôi cũng vẫn: “*Em tan trường về... Anh theo Ngọc về...*”⁽¹⁾

“*Ai mang bụi đờ*” đi mất từ lúc nào không rõ, ký ức tôi khi nhớ về Sài Gòn không thể thiếu những dáng Kiều gầy, những “*Ngọc*” của một thời áo trắng nhọc nhằn thiếu ăn thiếu mặc.

Nhưng nhớ nhất là mẹ của tôi. Hồi ở nhà, tôi luôn làm Người buồn phiền vì ham chơi hơn ham học, tối ngày cứ trốn học rong chơi. Thế nhưng nổi nhớ mẹ khó tả được nên lời. Cũng như làm thơ vậy. Tôi đã làm biết bao nhiêu thơ, tặng cho biết bao nhiêu cô nàng trái tim gỗ đá – thơ thì nhận mà tình tôi thì cứ phớt lờ, nhưng cho mẹ tôi, tôi đã làm được mấy bài thơ!?...

Vậy đó. Tôi nhớ đủ thứ. Cả những cái không thể định hình, những cái thật mơ hồ, như là mùi rêu ẩm thoáng nhẹ nhàng trên một bức vách tường loang lổ ở một cái quán nhỏ thân quen.

BÙI GIÁNG

Ăn Mặc Nâu Sồng

*Thấy nàng ăn mặc nâu sồng
Bỗng mơ tưởng tới ruộng đồng hoang liêu
Lầu xanh dứt nhịp phù kiều
Tà xiêm bạo động tư triều giậy cơn
Nâu sồng ăn mặc sớm hôm
Đêm nằm ngó nguyệt sáng dòm song the.*

Như một giọng rao “*Ai chè đậu đen nước đường cát trắng?*” ngọt lịm người của một cô nàng bán dạo mà hỏi đó tôi rất thích – có lẽ là thâm yêu nữa cũng nên. (Gọi là “cô nàng”, chứ chị lớn hơn tôi khoảng ba bốn tuổi. Hồi đó, tôi mới có mười bốn mười lăm tuổi. Về sau này, tôi không còn được thấy hình ảnh những cô gái gánh chè đi bán dạo của thời niên thiếu. Cả “cô nàng” mà tôi vừa nhắc, vài năm sau đó cũng biến mất tiêu, chắc là đã nghỉ bán lấy chồng. Ôi, những dáng mềm xưa quang gánh, nay đã về đâu?...)

Đại loại là những thứ như vậy. Những thứ đã bám sâu vào ký ức. Những thứ mà dù bạn có già khú đế, có giàu lên hay nghèo đi, miễn là còn sống, chúng vẫn sẽ còn sống mãi ở đáy lòng. Và khi xa Sài Gòn, bạn sẽ thấy nhớ chúng vô cùng, nhớ không tài nào chịu nổi. Vậy thì, thâm yêu hay ghét Sài Gòn, bạn nhỉ?!

NGUYỄN THÀNH NHÂN

*⁽¹⁾ Bài hát *Ngày xưa Hoàng Thị* của nhạc sĩ Phạm Duy, lời thơ của thi sĩ Phạm Thiên Thư.

Mùa Xoan Bỏ Lại

*Hoa xoan đã nở rụng tím chiều
mà em chưa dám
ngỏ lời yêu
hương xoan vẫn quyến làn sương phủ
trong rét nàng Bân
trở gió
... nhiều.*

*Chị gánh mùa xuân trên đôi vai
nồng mùi
cỏ úa
trong giếng hai
chị về, tay dắt theo đàn bướm
chao lòng
con nắng cũng
nghiêng say.*

*Em đứng trên đê
nhìn theo chị
chị vẫn hồn nhiên chả biết gì...
Ừ thôi,
em mãi là cậu bé
giữ lại
riêng mình... trái tim si.*

*Ngày chị theo chồng
lên phố xa*

*bỏ em, bỏ lại
nắng tháng Ba
nghe gót nàng Bân đang dậm bước
em đứng trông theo
... khóc bên nhà.*

*Cái tuổi mười lăm chị biết không
si mê...
theo chị buổi ra đồng
ngơ ngẩn
ngực đôi vương vít gió
lưng ong, tha thướt
... chị chưa chồng.*

*Chị bỏ mùa hoa xoan tháng Ba
hàng cau lặng gió
trước thềm nhà
cánh xoan tím rụng trên hồ nước
em buồn không dirt
buổi chia xa.*



Thấy, Nghe Và Nghĩ



1. Có hôm vào một nhà hàng cà phê, tôi liếc nhìn bàn bên trái thấy hai vợ chồng đang ăn uống, trò chuyện và cậu con trai tầm 18 - 20 tuổi đang đeo tai nghe, một tay lướt iPad, một tay vuốt màn hình chiếc điện thoại thông minh. Đôi mắt của cậu đảo qua, đảo lại giữa hai thiết bị được cho là không thể thiếu của thời đại Internet, của thế giới mạng toàn cầu. Thân thể cậu lắc lư theo điệu nhạc đang phát trực tiếp vào tai mình qua hai tai nghe. Cậu đang sống trong thế giới riêng của mình. Có lẽ, cậu ta là con trai một.

Tôi đã thấy cảnh tương tự như thế này nhiều lần ở nhiều nơi khác nhau khắp đất nước mình và rất sợ khi nghĩ đến một ngày con trai mình cũng sẽ là một trong những phiên bản như vậy.

iPad, tivi, điện thoại và đồ chơi gắn mác thông minh... , tôi cũng sẵn sàng mua cho con, nhưng cả hai vợ chồng thống nhất hạn chế tối đa thời gian tiếp xúc với thiết bị giải trí điện tử và Internet. Cả cha và mẹ, đặc biệt là mẹ, rất ý thức về tác hại của iPad và tầm quan trọng của thời gian bên nhau, cộng thêm sự vâng lời của con nên đến giờ này cả nhà tôi vẫn ổn. Để làm được vậy, mỗi khi đi chơi hay ở nhà, hai vợ chồng đều dành thời gian chơi với con, bày ra đủ thứ trò để được gần con hơn. Tôi ý thức rằng, khó lắm, nhưng nếu không làm vậy thì thời gian dành cho nhau là rất ít, trong khi con trẻ đang trưởng thành từng ngày theo thời gian, rất nhanh. Mỗi sáng đưa con đến trường, trước khi theo mẹ lên lớp, hai vợ chồng tôi đều nhắc con: “*Hôn tạm biệt ba, mẹ đi con!*”. Khi rước con, tôi cố gắng không quên nhắc con lên, ôm hôn con, bởi tôi biết, thêm vài năm nữa chưa chắc tôi đã nhắc nổi con và chưa chắc con đã cho tôi ôm một cách tự nhiên như bây giờ.

Có một sự thật rằng: ***Tuổi thơ trôi qua rồi, sau này có trả bằng kim cương cũng không mua lại được. Mà đa số chúng ta, là cha mẹ, thường vô tình hay cố ý quên điều đó.***

Đời sống càng ngày càng khá hơn, cứ cho là vậy, nhưng chúng ta mất nhiều hơn là được, nhất là những giá trị cốt lõi của cuộc sống, mà lớn nhất là giá trị gia đình.

Nói mãi chẳng thừa rằng cha mẹ cứ nghĩ rằng mình phải kiếm cho thật nhiều tiền để cho con có điều kiện tốt nhất, nhưng cuối cùng tiền có mua được giá trị tinh thần và kỷ niệm theo thời gian đâu. Hãy hỏi con cái, xem tụi nó cần gì ở cha mẹ, và đừng bao giờ nghĩ rằng mình có quyền quyết định cách chăm sóc con thế nào.

2. Trong một lần lên lớp, tôi hỏi học trò mình: “Trong cuộc sống và công việc, bạn có chịu nhiều áp lực không, và áp lực đó là gì?”

- Áp lực vì phải luôn đứng đầu, phải giỏi hơn bạn bè trong lớp học, trong cơ quan.

- Áp lực vì phải bảo đảm các mối quan hệ tốt đẹp.
- Áp lực vì công việc trong tương lai, kế hoạch chu toàn cuộc sống ở môi trường mới.
- Áp lực vì phải làm theo lời cha mẹ.
- Áp lực vì A, B, C...

Rồi tôi hỏi: “Các bạn thường làm gì để giảm áp lực từ cuộc sống và công việc?”

- Phải đối mặt với chính áp lực đó và tìm cách giải quyết từng bước một. Mọi thứ rồi sẽ đâu vào đó. Vấn đề nào cũng có cách giải quyết.

- Đi mua sắm những thứ mình thích và mua cho mình để quên đi áp lực.

- Ngủ cũng là cách tạm thời giảm áp lực. Ngủ một giấc dậy sẽ có năng lượng trở lại để đối mặt với áp lực.

- Du lịch để đầu óc thanh thản.

Còn nhiều cách khác nữa để vượt qua bức thành mang tên “áp lực”.

Tôi cũng như tất cả các bạn, cũng sống dưới nhiều áp lực mỗi ngày. Tôi cũng chọn cho mình những cách đối phó với áp lực như vậy. Tôi chọn cách suy nghĩ tích cực, rằng: *Cuộc sống chắc chắn có vui - buồn, sướng - khổ...* Quan trọng là tập đẹp qua một bên tất cả những gì mình thấy không cần thiết, không quan trọng; tập quên nhanh những chuyện không đáng nhớ; tập sống không thù dai, không phiền não hơn 24 giờ. Nói thì dễ, làm mới khó, nhưng không tập thì không bao giờ làm được.

Đời người rất ngắn, ai cũng biết, nên sống vui vẻ, sống tích cực được ngày nào hay ngày ấy. Thích điều gì thì làm ngay khi có thể, đừng hẹn, miễn là điều đó không hại đến ai.

3. Tôi đang đứng chờ bà xã và con trai hôm thứ Bảy rồi ở ngoài chợ Nguyễn Tri Phương, quận 10 thì nghe tiếng sáo vọng lại từ phía sau. Ngoảnh lại nhìn, tôi thấy một ông già mù, tay cầm gậy, vai đeo túi xách đựng nhang, miệng thổi sáo tre, chân bước

Do hết thấy chúng sanh có tâm tưởng khác nhau, nên nghiệp tạo ra cũng khác. Bởi vậy cho nên họ phải luân chuyển trong các nẻo.

Này Long Vương! Ông có thấy đạị chúng ở Pháp hội này với chúng sanh trong biển lớn khác nhau về hình sắc và chủng loại chăng? Muôn sự khác biệt như thế đều là do tâm. Nó khởi sanh thiện hay bất thiện của thân nghiệp, khẩu nghiệp, và ý nghiệp. Thế nhưng tâm không có hình sắc, không thể thấy, và không thể nắm bắt. Chỉ là do hư vọng mà các pháp tụ tập và sanh khởi.

Nó cứu cánh chẳng có chủ tể, không có ngã và ngã sở. Mặc dầu tùy theo mỗi nghiệp mà sở hiện bất đồng, nhưng thật sự nó không có người sáng tác. **Cho nên, tự tánh của tất cả pháp đều như huyễn và chẳng thể nghĩ bàn.**

(KINH “THẬP THIỆN NGHIỆP ĐẠO”)

chậm rãi dọc theo đường vào chợ.

Như thói quen, tôi lấy ít tiền nhét vào túi xách của ông và nói: “*Con gửi bác*”. Hai thanh niên gần đó cũng làm theo, nhưng ông không nhận. Ông nói: - “*Không, tui bán nhang, chứ không xin tiền.*”

Rồi ông chụp lấy tay tôi, trả tiền lại. Tôi vội gửi lại ông và nói đó không phải là tiền của tôi. Tôi bắt đầu thấy ngại.

Ông lại chụp tay anh kia để trả lại tiền. Anh kia cũng nói như tôi. Đi vài bước, ông lấy hết tiền lúc nãy và đặt xuống đất. Thấy vậy, anh kia lượm lên và cố đưa cho ông lần nữa. Ông nhận và nhét vào túi quần, như thể miễn cưỡng. Tôi biết, ông nhận nhưng sẽ giữ lại để cho người khác.

Một lát sau, tôi chạy theo ông và mua hai bó nhang. Tôi đưa đúng số tiền, nhưng ông hỏi lại có đưa thừa tiền không. Tôi nói không thừa. Ông cảm ơn bằng bốn chữ “A Di Đà Phật!”

Chuyện chỉ đơn giản vậy, nhưng nghiệm ra không ít điều hay.

TÔN THẤT HÒA

Bình An Đáo

SÂN SI hai chữ liền kề
SI còn mê muội, SÂN thê thủy chung
Sân si muốn thuở tỵ trùng
Làm sao để tránh tiến cung tâm hồn?

THAM còn bước dập bước dồn
Mây mù chưa vén, đại khôn lạc lằm
Định thần quán chiếu thân tâm
Hơn, thua, được, mất cũng mâm phù du

Sống nơi nước trũng ao tù
Người phàm mắt thịt mộng du bao lần
Đong đưa cây nhánh cong quắn
Tưởng đâu hồn lạc tám tầng thiên cung

Thì ra anh LƯỢNG bao dung
ĐỘ cho chấp ngã vượt trùng đại dương
NHU buồn nằm tử tử rương
Để cho CUÔNG thắng thỏa ương bướng gàn

Một bước đi, một cuộc tàn
Lật trang quá khứ có bàng hoàng đau
Mực lem giấy cũng nhũn nhàu
HOÀN tìm bờ giác, LƯƠNG bào mòn SI

Tô màu hai chữ TỪ BI
Thấy nàng HỖ XÁ niu ghì chào thua
Bảo BUÔNG cho XÁ được mùa
Cho BÌNH AN đáo, cho BÙA hiển linh.

Xuân Về Ru Nửa Giấc Mơ

*Chiều thương ai... gió nhớ ai?
Phải chăng giọt nắng trang đài xuân qua
Mùa xưa vóc ngọc mượn mà
Nhân gian say tỉnh la đà dáng xuân.*

*Mùa đi... mùa đến bao lần
Tuổi bao nhiêu tuổi... giai nhân vẫn ngồi
Gót hài nhẹ gót chơi vơi
Giấc xuân... nửa giấc ru đời thênh thang.*

*Xuân về ngủ giữa địa đàng
Đình phong vãn ấy ngỡ ngàng đêm mơ
Xuân về thả mấy đường tơ?
Mà sao nhân thế mong chờ trăm năm.*

*Xuân ơi... mượn chút hương thầm
Cùng đêm tuế nguyệt hồn lần lựa say
Yêu xuân... yêu cả hình hài
Từ trong vạn kiếp miệt mài luyến thương.*

*Ngọt ngào rót mật yêu đương
Cho ta... cho cả thiên đường... mộng xuân.*

Tôi Ăn Tết

Khi hiệp định Genève ký kết năm 1954, chiến tranh Việt – Pháp đã chấm dứt. Năm sau, ngoại tôi quyết định trả nhà thuê mượn lại cho chủ. Cả nhà dọn về chỗ cũ để sẵn dịp ăn Tết luôn, tôi còn nhớ hôm ấy là ngày 29 tháng chạp âm lịch.

Một ngôi nhà ba gian nửa kim nửa cổ được quét dọn lau rửa sạch sẽ, Khang trang đối diện với đường ray xe lửa Sài Gòn - Lộc Ninh. Cả nhà chuẩn bị khiêng vào hai bộ ván gỗ đang để tạm ngoài sân, trong khi chờ đợi ngoại tôi để hai “con ngựa” gỗ nằm song song, giữa là hàng hoa cúc vạn thọ mới vào chậu; sợ nắng héo ba tôi lấy chiếu phủ lên cho mát.

Tôi rất thích cưỡi ngựa. Tôi tưởng tượng rằng hai con ngựa gỗ kia như xe song mã, mình có thể ngồi lên cầm roi điều khiển. Tính toán xong, tôi thót lên một “con ngựa” lại còn bắt chước ông xà ích hét lên: “Họ... rì...”, chưa kịp “tắc” thì không ngờ... một tiếng “ầm... cẳng cẳng...” , nguyên con ngựa gỗ đổ ngã nhào mang theo cả tôi vào hàng chậu cảnh. Tôi chỉ hét được một tiếng: “Á!” và sau đó ngất luôn!

Những gì tiếp theo tôi không biết được nữa, chỉ còn nghe người lớn kể lại hôm đó ba tôi đưa vào bệnh viện nhưng lúc đó chưa có bác sĩ chuyên khoa, thế là ba tôi mượn một cỗ xe trục chỉ xuống Chợ Rẫy. Bà ngoại tôi khóc kể:

- Trời đất ơi!... Thăng Sáu gãy mất chum rồi... mai một nó lớn lên làm sao mà đi lính tráng được (?)... Dẹp hết! Hồng ăn Tết nhưt gì nữa! Hu hu hu...

Một tháng trời, tôi ở Chợ Lớn. Anh tôi đang học tại trường Pétrus Ký đến chăm sóc buổi tối, còn ban ngày thì má tôi trông nom. Hi hi... đến giờ này hai chân bằng nhau, không bị què thọt cũng may mắn nhỉ?

Một năm sau....

Ông ngoại tôi ra lệnh:

- Cấm không được leo trèo, chỉ được ngồi trên ghế mà thôi!
Leo cao bị té nữa là lần này sẽ cưa chun luôn!

Ngày mừng bốn Tết...

Một đài ngũ quả để trên cao. Những người cao giò đi ngang có thể nhảy một cái là vói lấy được ngay trái này quả nọ, còn mình là con nít thấp chũm! Tôi làm thí nghiệm như sau:

*Lần 1: Dùng một ghế tựa ở bàn tiếp khách, đứng lên và nhảy xuống sàn nhà. Kết quả: an toàn, không bị té, nhưng chưa vói tới được!

*Lần 2: Để lên trên ghế tựa là một chiếc ghế lùn nhỏ của riêng tôi. Tôi đứng lên chiếc ghế nhỏ này mà vói vẫn chưa tới, thử nhảy xuống đất vẫn bình yên, không bị té.

* Lần 3: Tôi cầm thêm cây chổi lông gà (dùng quét ván), đứng lên chiếc ghế nhỏ dùng cây chổi lông “xìa” vào trái quít thấy gân tới, chỉ cần nhảy bỗng lên và “chĩa” vào “vít” ra sẽ thành công.

Vừa tính toán xong, tôi nhắm ngay đích là trái quít màu vàng, chĩa chổi hướng vào đấy và... một, hai, ba.. nhảy...

- Âm... rồn rồn...

Ôi thôi, trên sàn nhà, ngoài trái quít ra thì đủ thứ trái gì cũng có, kèm theo là cái đế ba chân và chiếc đĩa quả tử men lam to tướng đã bể nát!!

Má tôi nổi xung thiên quát lên:

- Thằng Bé Sáu phải không?

Thế là má tôi nắm cổ tôi đè xuống ván, sẵn có cây chổi lông gà quét tui bụi.

Một trận đòn kinh hồn mừng bốn Tết năm đó tới giờ tôi vẫn còn nhớ tường tận, không sao quên...

P.T.D

Có Thế

*Khi xe ta lao nhanh trên đường
gió nói gì
mà gào thét ngang tai?*

*Dòng sông đời quanh năm cuộn chảy
ngày xuôi đêm ngược – dọc ngang mặt đất
nhiệm mầu*

*Những dòng người chảy dài như sông
những dòng sông người
chìm nổi*

*Có thể
gió nói về
hư không?*

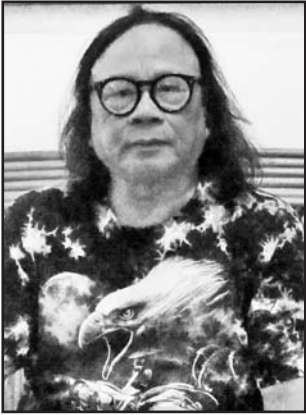
Xuân Muộn

*Xuân về phố cũ. Em về muộn
Con én bên trời lạc tiếng kêu
Con én lạc bầy trong mây cuốn
Em lạc tình anh giữa phố nghèo*

*Anh đi. Xa vắng như là gió
Em về hơi lạnh vẫn còn vương
Mùa xuân hoa nở đầy trời đất
Em nở mình em một đóa buồn!*

*Xuân về phố nhỏ. Em về muộn
Đi xuống đi lên có một mình
Con én tụ bầy trên cao thẳm
Em biết bao giờ mới gặp anh?*





Nghệ sĩ Bảo Cường, sinh trưởng tại Thừa Thiên – Huế. Hiện sống và làm việc ở Sài Gòn. Anh là Hội viên Hội Nhà văn Thừa Thiên – Huế, hội viên CLB Ca Huế Phú Xuân (thuộc Trung tâm Văn Hóa TP.Hồ Chí Minh). Ngoài tài ngâm thơ, thổi sáo... Bảo Cường còn làm thơ, viết văn. Anh đã xuất bản trên 30 tác phẩm gồm: Thơ, Tiểu thuyết, Truyện ký, Tạp văn, Tản văn, Truyện ngắn... và góp mặt trên 150 tuyển thơ

trong nước và nước ngoài.

Xuân Đình Dậu (2017), Bảo Cường sẽ “trình làng” cùng lúc 03 tác phẩm do NXB Hội Nhà Văn xuất bản:

* “Bảo Cường cuộc đời và tác phẩm”, Tạp văn dày trên 1.000 trang.

* “Sợi chỉ ước mơ”. Tập thơ và văn viết về ngành tranh thêu truyền thống Việt Nam (XQ Đà Lạt sử quán).

* “Chữ Duyên đưa lối”, Bút ký dày trên 400 trang.

Hương Thiên xin trân trọng giới thiệu một chùm thơ của anh.

Sắt Sơn

*Dòng sông nước chảy đá mòn
Đá xanh có nhạt lòng son nặng thề
Ngàn năm nước cũng xuôi về
Nước trôi đi mãi câu thề còn in...*

Cuối Trời Mờ Swong

*Một chiều về lại chốn xưa
Dòng sông xanh ngắt đò thưa vắng người
Chiều xuân dâng sóng bồi hồi
Nhớ ai khuất néo cuối trời mờ swong.*

Nghe Tiếng Kinh Thiên

*Con đi giữa cõi hồng trần
Bên đời, bên đạo tàn ngàn chiếc thân
Từ con hóa kiếp xuống trần
Bao năm khổ ải nợ nần tiên khiên
Về chùa nghe tiếng kinh thiên
Trở về nhẹ bớt ưu phiền đôi vai.*

Mùa Xuân Mãi Xa

*Anh mãi tìm em giữa nắng xuân
Tình xanh khoảnh khắc đến bao lần
Để mong gặp lại dù em đã
Xa cách đôi bờ một nhánh sông*

*Mùa xuân lại đến trời se lạnh
Phố xá tung bừng anh quần quanh
Tình yêu tìm chẳng bao giờ gặp
Bóng hình hạnh phúc thật mong manh*

*Thì cứ nghĩ đời còn tươi thắm
Nuối tiếc chi tình cũ đã xa
Xuân đến én bay tìm dư mộng
Một mình chẳng níu được xuân qua.*

Hai Góc Trời Xuân

*Ta với em hai góc trời xuân
Em bên kia biển xa muôn trùng
Ta bên này nắng chiều hiu quạnh
Lê gót chân buồn thương nhớ thương*

*Xuân đã về đây trên nhánh mai
Đợi em hay đợi nét tàn phai
Của bàn chân lạnh đi lưng gió
Của tóc mây bay sợi vấn dài*

*Xuân đã về trên phố đợi chờ
Như câu kinh niệm chôn hư vô
Ôm em ôm cả thời yêu dấu
Trên lòng tay gầy khô héo khô*

*Sông núi mịt mù em ở đâu
Còn đây trinh tiết nụ hôn đầu
Thơm như thánh nữ đêm trăng tận
Lâm lỡ một đời bao đón đau*

*Xuân sẽ dần tàn trên thịt da
Rời ta đi biệt một phương xa
Giữa mùa giông tố tim thoi thóp
Đâu bến sông quê sợi khói nhà!*

Vô Thường Mây Trắng Bay

*Em đến từ nơi xa rất xa
Như vì tinh tú giữa thiên hà
Phải xưa lỗi hẹn nên đời muộn
Để tóc bây giờ sương muối pha*

*Em đến đời ta lại lỗi lầm
Từ trong hơi thở chậm bao năm
Bỗng cơn tâm sóng như bùng dậy
Mạch trở ngàn phương khao khát thắm*

*Em đến hôn ta hóa đại khờ
Tìm căn rạo rục lẫn hồn mơ
Bàn tay run rẩy nay thêm lớn
Xóa vết chim di cánh bụi mờ*

*Em đến từ bi cõi nhiệm màu
Tràn hương tinh khiết rục canh trâu
Cạn đêm giấc ngộ hôn ta thức
Chợt thấy ăn năn giữa nát nhàu*

*Em đến rồi đi xa rất xa
Ngũ quan y ảnh hóa mù lòà
Khai tâm tà niệm qua vô ngã
Ta thấy vô thường mây trắng bay.*

Nội, Cổng Tam Quan Và Hoa Đai

Mỗi lần đi chùa về, em lại nhớ đến bà nội. Có lẽ vì nhớ nhiều mà đêm qua em lại mơ đến bà. Bà cũng thật lạ, lần nào gặp em, cũng đều xa xôi như thế, xa như cái dáng bà ngồi trong ảnh thờ, xa từ đôi mắt xa vắng, tia nhìn xa xăm, dưới khăn choàng đầu màu xám.

Em nhớ lần cuối cùng em đứng kéo nước cạnh giếng trước nhà, khi đó bà đã yếu lắm rồi, ba phải đưa bà từ chùa Dược Sư về nhà để chăm sóc. Đang kéo gàu nước đến lưng chừng giếng, em còn nhìn thấy rõ khuôn mặt mình nhìn nghiêng dưới mặt giếng vừa tròn vừa trắng. Bất chợt em nghe tiếng bà gọi, yếu ớt lạ lùng:

- Nhiên à, Nhiên!

Tuột tay, em đánh rơi cả gàu và dây xuống giếng. Em không còn kịp nhìn vào đôi mắt màu xám của bà lần nào nữa! Có phải vì thế mà sau này em luôn mơ thấy chỉ đôi mắt màu xám của bà hay không?

Em nhớ cả những lần theo ba lên chùa Dược sư thăm bà. Chùa Dược Sư nằm trên núi, đi quá cầu Xóm Bóng một đoạn, nhưng chưa đến hòn Chồng, hòn Vợt. Em còn nhớ đường vào cổng tam quan có hai hàng hoa đai.

Sau này, em còn gặp lại cổng tam quan ở rất nhiều ngôi chùa khắp nơi trên đất nước Việt Nam, nhưng không có cổng chùa nào đem lại cảm giác bình an lạ lùng như cổng chùa Dược Sư xưa hình vòm tròn bằng gạch cổ loang lổ rêu xanh, có lát mè sành màu xanh đủ thứ chuyện cổ tích, có hai hàng hoa đai trắng chạy dài. Em hỏi bà:

- Vì sao phải xây cổng tam quan hả bà?

- Tam quan là tam môn, ba cánh cửa tam giải thoát môn để đi vào Niết bàn, là cửa ải giữa hai thế giới thánh phàm, tịnh nhiễm,

là nơi người ta được dọn lòng thanh tịnh trước khi vào lễ Phật.

Sau đó là hàng cây hoa đại trắng xát ướp thứ mật hoa đậm đặc lờ đờ vào không gian. Bà nói hoa đại chính là nhan sắc đã tàn của những mỹ nhân một thời lừng lẫy, nay chấp tay, thành khăn vụn vẹo xếp hàng trước cổng chùa nghe kinh. Và không ngôi chùa nào mà không trồng một hàng hoa đại từ cổng tam quan chạy dài vào đến sân chính điện.

Vì thế mẹ nói, em đừng ngắm hoa đại, hương hoa ấy có thể làm mê muội lòng người. Bà thì nói buổi chiều đừng lang thang dưới hàng hoa đại, vì chiều là giờ cho những áo khăn trắng như lụa ấy lờn vờn, lũ lượt bay về khóc than nước nở nuôi tiết thời oanh liệt ngày xưa. Chiều cũng chính là giờ cho những tinh hoa u uất phát tiết lần sau cuối, thoát ra từ thân cây sứt sẹo, vụn vẹo, ần ần và cam khổ che giấu tinh thần phóng lãng, ngang ngược, lừng lẫy của nhan sắc một thời, như tiếng thờ dài ảo não cuối cùng...

Những năm học đại học, em hay lần dò tìm đến những ngôi chùa trong thành phố, để mong tìm lại được không gian thanh tịnh, bình lặng xưa mà ôn bài thi, nhưng chỉ gặp nổi thất vọng. Các ngôi chùa hiện đại tranh thủ xây xi măng từng vòng đất trống, cổng tam quan là chỗ để dân thường chọn chỗ bán nhang, bán vé số. Thay vào hàng hoa đại hay bụi hoa trang là rất nhiều tháp chuông xây cao ngê.

Chẳng biết bao giờ em mới tìm lại được cảm giác nhẹ nhõm thanh thản khi bước qua cánh cổng vòm nhỏ bé vừa bằng một người lớn cúi đầu, vì bà nói cúi đầu khi qua cổng tam quan để con người biết tự nhìn lại mình, trước khi vào cõi Phật!

Chẳng biết bao giờ em còn thấy lại được hàng hoa đại trắng xát mênh mông, trắng đến rờn rợn từng chùm trên thân cây vụn vẹo như những bàn tay tàn héo chấp vào nhau thành khăn cúi đầu nghe kinh chiều...

Mùa Xuân - Anh Và Em

*Anh đến với em như tia nắng xuân
Giữa những ngày mây giăng tím ngắt
Gió se lạnh mỗi ngày mỗi thấm
Xuân đến đi, nắng đẹp lắm, xuân ơi!*

*Anh đến với em - ngọn gió mát tròng khơi
Xua tan đi nỗi buồn em miên viễn
Cõi lòng em một thời ôm giá rét
Nắng xuân về sưởi ấm mảnh tim cô!*

*Anh đến với em - lửa thấp sáng cuộc đời
Cho em thấy tin yêu ngời sáng mắt
Đêm sắp qua và bình minh nắng ấm
Hạnh phúc rất gần mà cứ ngỡ đâu xa*

*Anh đến với em cho tình tự thắm hoa
Cho đêm đêm tim không còn thốn thức
Khi quanh em kỷ niệm hoài day dứt
Hoa hồng đâu sao chỉ thấy ti-gôn?!*

*Anh đến với em như máu trở lại tim
Như đông qua và mùa xuân lại đến
Xua tan đi những muộn phiền, cay đắng
Mình cùng nắm tay hạnh phúc bên nhau...*

Gió Xuân

Thổi nữa đi

Gió..!

Cho thân ta mê muội

Lạnh cóng chân tay, da thịt khô gầy

Cho ta thêm được thấy tóc em bay

Mây vàng quá hay tóc em óng ả?

*

Thổi nữa đi

Gió..!

Cho mây về phiêu lãng

Én từng đàn chao liệng báo mùa xuân

Nghe rộn rã chân ai ngoài đầu phố?

Khẽ thổi nào, nàng xuân của lòng ta.

*

Thổi nữa đi

Gió..!

Cho mùa vui trở lại

Cho mắt em xanh, cho má em hồng

Cho phơi phới, cành non đậm lộc biếc

Áo mới may, nàng xuân đẹp lạ thường!

*

Thổi nữa đi

Gió..!

Cho áo em tha thướt

Phố trăm hoa, em dạo gót ngọc ngà

Lung linh nắng, tan dần sương buổi sớm

Đẹp tuyệt vời, xuân ngự trị khắp nhân gian.

Tặng

*Tôi mơ trông một vườn hồng,
Ngày xuân vạn đóa thơm nồng ngát ngây.*

*Hồng đỏ tôi tặng riêng ai,
Thương yêu nuôi dưỡng mẹ ngày tuổi cao!
Hồng trắng nồng ấm thương trao,
Ai vừa mất mẹ ghen ngào tâm cang!
Bạn tri âm tặng hồng vàng,
Tình trong sáng đẹp ngập tràn nghĩa nhân!
Còn riêng những đóa hồng xanh,
Tình yêu bất diệt xin dành núi sông!
Hồng tím tặng kẻ một lòng,
Yêu ai yêu mãi thủy chung trọn đời!*

*Và xin tặng cả mọi người,
Hoa sala đỏ một đời vô ưu...*

Đừng Nhìn Em Như Thế

*Đừng nhìn em như thế
Cháy lòng em còn gì
Sự nồng nàn của bề
Cuốn mắt hồn em đi*

*Đừng nhìn em như thế
Khắc giờ thành thiên thu
Mắc nợ đời dâu bể
Mắc nợ đời thơ si*

*Em đành làm chim nhỏ
Đứng hót chơi trong chiều
Thả đôi lời hoa cỏ
Cho đời bớt tịch liêu*

*Bởi tình yêu có thật
Vĩnh cửu trong cuộc đời
Bởi ghen tuông có thật
Xuống mồ biết có thôi*

*Đừng nhìn em như thế
Sự dịu dàng nhường kia
Sẽ làm em chết ngạt
Hết một đời thơ si.*

Xuyên Chi Hoa

*Em về xuyên áo lung linh mộng
Mảnh mai nắng, uyển uyển chi hoa.*



TƠ NHỆN GỌI SẮC TRẮNG BAY

Sớm Tam Đảo chập chùng sương. Phố núi tựa mình ngái ngủ trong cái lạnh trời đông xứ Bắc. Sương như tấm chăn bông, như mây trời gom nắng, ủ mộng lung, phủ trắng núi rừng, giăng ngập triền đồi, và long lanh ngọc đọng giọt trên màn tơ nhện, nở đóa xuyên chi.

Xuyên chi nở trong sương, phủ triền đồi, bồi hồi trắng. Màu trắng của sự giản đơn, gắn liền với ánh sáng, sự cân bằng và là biểu tượng của sự khởi đầu. Xuyên chi là sự khởi đầu ấy trong cái ranh giới mong manh giữa trời và đất, cái khoảng cách mơ hồ hư thực nối liền giữa hoài niệm và thực tại, giữa tàn phai và tái sinh, giữa đêm và ngày.

Đêm u ản màu đen – biểu trưng cho sự thâm u huyền bí, của cái kỳ, cái hư, vô minh ảo thức, biểu tượng cho thời gian hay những ản mật nội tâm sâu kín. Ngày chiếu dung màu trắng – màu của sự khai minh, thức ngộ, biểu tượng cho cái phi thời gian hay những hiển lộ tâm tư, khai triển. Màu đen là môi trường của mọi mầm mống – như C.G. Jung đã nhiều lần nhấn mạnh – nơi đó dung chứa những sự khởi thủy chờ ngày bùng nổ khai sinh tiến về ánh sáng của màu trắng – màu của ánh sáng mặt trời để lại trên nền đất, ám chỉ bình minh trong văn hóa của người Navaho.

Xuyên chi trắng - trắng màu của đất¹, màu huyền bí tâm linh và ảo mộng. Xuyên chi sớm nở tối tàn chớp mắt như một giấc mộng, giấc mộng điều linh minh mộ khởi phát triêu nhan. Sớm sáng trắng bảng lảng mây trời. Chiều khép mắt thâm trầm đất. Sinh từ đất, trắng huyền hồ, tròn giấc trở về đất, xuyên chi kiến tạo một vòng trắng bắt tử theo thời gian, có mặt trên khắp mọi miền từ sơn cùng hiểm trở đến bình nguyên đồng cỏ hay triền lộ dọc dài, cả phương Tây và phương Đông. Sắc trắng lạng lẽ cùng mưa gió tháng năm. Lấy dưỡng chất từ đất và nước, thu linh khí từ trời, hoa kết tinh hình hải vũ trụ – đài hoa như chiếc cốc có chân, *ơi tiếp nhận hoạt động của trời*, ngậm sương, phơi nắng, đón mưa. Giữa phở núi này, đồi tiếp đồi, xuyên chi trải trắng kết thành một thiên đường hoa trong *trạng thái yên lặng tuyệt đối* – “một dạng hư vô đi trước mọi sự đời, trước mọi cuộc khởi thủy”.

Là điểm kết của cuộc sống thường nhật, của vũ trụ bao la vô cùng vô tận, đồng thời cũng là điểm khánh chung của thế giới – điểm chuyển tiếp giữa cái hữu hình và cái vô hình, màu trắng được cho là “màu của phương Đông và phương Tây, tức là của hai đầu mút huyền bí, nơi mặt trời, thiên thể của tư duy thuộc ban ngày, mọc lên và lặn đi (coi như sinh ra và chết đi) hằng ngày”².

Đêm, màu trắng bàng bạc rơi giữa núi rừng điểm nguyệt dạ hương sương. Ươm đọt nắng, xuyên chi là nắng, là sương mà cũng là nguyệt. Bóng nguyệt lạnh mơ hồ. Bồng bênh uyên chi mộng, mà

xao xuyên bóng nguyệt mờ. Cái ảo mờ mơ hồ của gió. Cái mơ hồ của mây, của vụn trùng thanh lai, của sắc điệp hoa ngọc gác giữa rừng xưa hoang dại gọi về sắc đông trắng lạnh – màu trắng trên cánh xuyên chi khởi cuộc tái sinh từ nắng. Hoa uơm màu nắng. Nắng như hoa... ngậm hàm tiếu – rung rinh cười, ửng vành môi – nơi bắt đầu và cũng là đích đến của bao khát khao cho một tình yêu toàn bích mà con người hướng tìm về nhau trong cuộc hiện sinh này, trong hành trình khước vọng tương cầu Chân (真) – Thiện (善) – Mỹ (美).

Màu trắng là Chân. Cái giản chân của sự tinh khiết, trinh nguyên. Trắng là màu vô sắc (giá trị sắc màu bằng 0) nhưng gồm thâm trong nó toàn bộ sắc màu của phổ quang. Là vô nhưng thực còn hơn cái thực, cái hiện hữu của muôn màu quang phổ khác.

Bạch Từ ư chí thiện. Thoát thai từ một tấm lòng Từ (慈), màu trắng — bản chất của sự trong sạch, là cái trắng của một tấm lòng hiền lương làm nên giá trị cái Thiện.

Cái thiện của xuyên chi trước hết ở tính được bình đạm, thanh nhiệt, giải độc, khu phong, hoạt huyết, tan máu tụ; cho nên, xuyên chi được xem như một thứ kim đơn thần dược cứu người. Và những cái tên Đơn kim thảo, Cương hoa thảo, Tiểu quý châm, Thích châm thảo hay Quý châm thảo được đặt cho xuyên chi là vì vậy. Cái Thiện của xuyên chi còn ở sắc trắng lặng thẳm không kiêu sa như các loài mai, lan, hồng, huệ, không rực rỡ như đào, phô sắc như ly. Xuyên chi trắng bằng lặng thẳm tan trong sắc nắng, hòa vào màu mây, cùng tuyết và sương giá thu về trong vụn mắt biếc thơ ngây — cái đẹp nguyên sơ giữa núi rừng Tam Đảo còn vương sương giắc tinh đêm thu lạnh.

ĐÊM NỮ TRẮNG SƯƠNG

Lạnh cái lạnh trong bạt ngàn gió lay, trong mệnh mang sương khói núi rừng, xuyên chi kết bụi, thân nổi thân, cành nổi cành, hoa nổi hoa. Cánh hoa xâu chuỗi thành đóa trên đài. Mỗi cánh hoa cứ “như những tia sáng phát ra từ một tâm, biến hoa này chủ yếu thành biểu tượng của mặt trời, liên kết từ đó với những ý niệm về sự trường

thọ và thậm chí sự bất tử”, lãng lẽ tồn sinh “vô vi nhi vô bất vi” (無為而無不為) — sinh sinh diệt diệt trong trạng thái im lặng nội tâm. Không xen vào mọi sự của đời, mà lại có mặt ở khắp nơi, hòa lòng vào vũ trụ, đơm hoa, kết lá, trải sắc bốn mùa, để rồi từ đó người đời biết đến xuyên chi là Hàm Phong Thảo (咸豐草) — trong văn hóa người Hoa — loài cỏ quanh năm tốt tươi với dáng hình tỏa thành nhiều tia như tia sáng của ngọn cây làm cho “nó giao tiếp với mọi giá trị khác, thông qua sự liên hệ với sự tỏa tia của ánh sáng”, của mặt trời, mặt trăng, của người và muôn vi tinh tú. Trăng sao là tinh tú của trời. Xuyên chi là tinh tú của đất. Mỗi đóa hoa là mỗi ánh-mắt-nhấp-nháy biết cười, mắt-ướt hát khúc hoan ca, lãng thấp nguồn vui cho hàng triệu giọt sáng giữa trời. Đêm qua đêm, ngày qua ngày, mê mãi thì thâm giai điệu sao sương.

“Có một nhà thơ – của Trái Đất – Đó là tôi – Những điệu Ly tao của Đất – Vọng vào ống sáo tôi chơi” (thơ Tagore) – đó là xuyên chi (串芝), loài hoa cỏ khiêm nhường, là thảo (草 – cỏ), mà cũng là chi (芝 – cỏ thơm), giản dị, gần gũi với đất, gắn liền với sự sống. Lá xanh hoa trắng. Màu xanh của lá làm nền cho màu trắng của hoa bước vào – đó là hình dung đích thực mà đất trời bao dung ban cho loài hoa bé nhỏ sắc màu chân thực về cái vô cùng.

Hoa thuộc họ cúc dại (aster) — loài hoa biểu trưng của mùa thu — mùa thanh bình, là một chi thực vật có hoa trong họ Cúc (asteraceae). Aster trong tiếng Latin mang hàm nghĩa loài hoa thuộc thể sao, thể sao không nhiễm sắc, chỉ trắng một màu tinh khôi. Mỗi đóa hoa nhỏ thấp lên trong gió những đợt nắng, những nụ cười trắng huyền thoại của nữ thần Muse lộng lẫy. Màu trắng vang động những thanh âm vọng từ cõi lặng, như sự thình lặng hốt nhiên bùng nổ — “*White resonates, like a silence that can suddenly be understood.*” (Wassily Kandinsky, 1866 - 1944) — giá trị làm nên sự bất tử của bức tranh *White on white* của Kazimir Severinovich Malevich (1878 – 1935) với tuyên ngôn: “Tôi đã tóm được lớp vải lót của thiên đường, tôi đã kéo nó xuống, xé toang ra, biến nó thành chiếc túi,

đựng màu sắc vào trong đó, buộc nó lại. Nào, bay thôi! Màu trắng, hổ thảm tự do, cái vô cùng trước mắt ta đó.”³

White on white của Malevich trong hội họa như là sự đối ngẫu trong chiếu với *Eye for eye* — tuyên ngôn thơ cụ thể, trong tác phẩm *Olho por Olho (Eye for Eye, 1964)* của Augusto de Campos (sinh năm 1931). Nhưng dù là **white on white** hay **eye for eye** thì đó đều là sự dụng công đầy chủ đích của nhà nghệ sĩ nhằm phụng sự cho cái đẹp. Nó gắn với ý thức cá nhân và những mong muốn chủ quan của con người, những hỷ-nộ-ái-ố..., những tham-sân-si... Tuy nhiên, với sự dụng công này, dù sắc màu của **white on white** có được đẩy đến tuyệt đích hay sự tiếp xúc với thế giới giữa người và người, giữa người và vũ trụ qua lăng kính **eye for eye** có đạt đến đỉnh điểm của sự thăng hoa thì tất cả cũng không nằm ngoài tâm thức hướng về cái đẹp tự nhiên, cố gắng thoát khỏi những ràng buộc cố hữu, trả cái đẹp về với bản chất *tự-nó-là, như-nó-là*.

Xuyên chi chân như mà đa hợp, sắc đơn nhưng không đơn điệu, đẹp khiêm cung “hữu xạ tự nhiên hương” thanh thoát **ẩn — tú** (隱 — 秀) — “ngâm không nhả, nhả không lộ”, như lời Chu Đôn Hy rằng “giữa muôn hoa có một loài hoa ẩn mình lẩn tránh thế gian”.

Sự ẩn mình của xuyên chi chính ở sự xuất hiện khắp nơi trong cuộc sống của người. Quá gần gũi và quá quen thuộc, quen thuộc đến nỗi xuyên chi vô hình trung trở thành xa lạ trong mắt những người lại qua. Xa lạ để có thể níu giữ những cái nhìn băng quơ. Xa lạ để đón bao thị phi rơi rớt. Vẫn mỉm cười — những nụ cười đầy màu xanh và sắc trắng thả bay theo gió cùng bụi thời gian, tự nhiên như nhiên, xuyên chi nhận rỗng để mà đầy (empty to full) chọn cho mình một thế giới riêng giữa bao la hoang dại — “một cõi không vô hạn, tuyệt đối tĩnh lặng” — bên lề cuộc sống vật chất đầy xô bồ tấp nập của người với bao “sự chuyển động, hình và sắc”...

Xuyên chi là hình mà cũng là sắc. Hình và Sắc được gọi lên ngay ở tên khoa học của nó là **Bidens pilosa**. Bidens là hình. Pilosa

là sắc. Xuyên chi hoa thuộc họ “**lá răng kếp**”. Truy nguyên về nguồn gốc tiếng Latin của tên gọi này, ta thấy **bidens pilosa** gồm 2 bộ: **bidens** và **pilosa**. Trong đó **bidens** xuất phát từ gốc **Bis** nghĩa là **Two** (số 2), **double** (kếp) và **Dens** nghĩa là **Tooth** (răng). Còn **Pilosa** là một hình dung từ có nghĩa là **softly hairy** (giống tóc/lông nhẹ). Điều đó cho thấy cánh hoa xuyên chi nhỏ mịn màng nhẹ như tóc bay. Nhưng hơn cả nét nghĩa này, **pilosa** còn ngụ ý diễn tả nét mong manh, **tính hư sắc** của màu trắng. Pilosa không phải là sắc trắng đơn điệu của white mà đậm chất nữ tính đầy mê hoặc, trắng mi mảnh và buông lơi, tinh khiết và trong suốt đến vô ngần. Pilosa, đó chỉ có thể là **transparency**, là **Blanco** — trong bản trường ca *Màu trắng* của Octavio Paz (1957 - 1987): “transparency is all that remains” — sự tinh khiết là tất cả những gì còn lại “more than air/ more than water/ more than lips/ Lighter lighter”²⁴ — hơn cả không khí / hơn cả nước / hơn cả làn môi / nhẹ tênh nhẹ tênh.

Màu trắng với điệp khúc lặp khởi nguyên - *more than* - đầy ám thị thể hiện sự tiếp nối tăng cấp nhưng hết sức tự nhiên đi từ cái vô cùng - *air, water* - đến cái cụ thể - *lips* trong trạng thái *lighter - nhẹ tênh* trôi bồng bềnh trong cảm giác mà cảm giác, như lời Octavio Paz, là sự hoài thai: *Perception is conception*. Khi ta đang thụ cảm cái gì thì cũng có nghĩa là đang hoài thai sinh tạo ảnh tượng của cái đó trong tâm trí của mình, mà đồng thời ảnh tượng của chính ta cũng đang được sinh ra trong chiều ngược lại, hay nói khác hơn *Ta là sự*



sáng tạo của chính cái ta ngắm nhìn — I am the creation of what I see. Cho nên, giữa tiết trời sương giá, trên đỉnh Rừng Rinh, trong khoảng khắc đất trời giao thoa giữa đêm và ngày, giữa ánh sáng và bóng tối, người và xuyên chi ngơ ngẩn ngắm nhìn nhau [như một lần Thôi Hộ chiêm ngắm “*nhân diện đào hoa tương ánh hồng* - 人面桃花相映紅⁵], quên đi cái lạnh đang ngấm vào từng thớ thịt, nằm trải mình trên hoa. Người và hoa cùng ngửa mắt nhìn trời.

ĐÓN NGÀY ĐƠM NẮNG

Trời buông lụa, từng sợi vàng điểm đóa xuyên chi.

Sắc đông bở ngờ... thu về trên màn tơ nhện. Một chú nhện nhỏ bé cô liêu đang tròn xoe đôi mắt. Chú như một dấu nổi thời gian đầy chên vênh giữa mệnh mông đất trời. Tầm thân gầy đung đưa búng mình trong gió miệt mài đan tơ, khơi bình minh đánh thức màn đêm trở giấc.

Đêm lạnh, bừng mở mắt, run run ngày mới..., tỉnh khô và mơ màng mộng — thực. Tơ nhỏ mảnh mai, không ngừng đung đưa trong gió và lặng thềm đọng sương, như xuyên chi, *tự mình biết riêng mình* — giữa càn khôn — thao tiết nhân duyên mà ngộ nhập tương cầu cùng hoa giữ màu cho nắng. Từng sợi tơ bạc đan trên những cánh hoa dẹt thảm trắng phủ đỉnh Rừng Rinh. Kỳ lạ thay, đỉnh núi tên Rừng Rinh! Nghe tên cơ hồ như núi cũng biết xao động trước hoa mà rừng rinh, tựa mình lắng nghe làn hơi thanh khiết ban mai mà lả lơi buông bỏ *hồn hoa phi hoa - hoành chi thiên nha...*

Lạc vào thế giới của tinh sương, thời gian không gian như chùng lại. Phố núi Tam Đảo như thể khép mình nhỏ lại để nhường thế giới cho muôn loài hoa dại và sương mai rủ bỏ xiêm y còn vương giọt đêm tinh, gọi nhau bừng mở mắt, hé môi đón nắng. Bẽn lẽn trắng. Màu trắng cứ bay bay — phi hoa phi điệp lạc. Từng dải nghiêng đầu hướng về phía bình minh đung đưa thụ hưởng hơi ấm của nắng, sinh tạo nắng và bao sắc phổ trắng long lanh trong thế giới của hoa và cỏ dại — một thế giới của cảm giác tan trong nhục cảm khát khao hoang lạc, thế giới của cái nhìn, của sự chiêm ngắm. Ở

nơi đó, chảy trên những lối đi đầy đá nhọn, từng bước chân cứ tan ra trong hư không theo sương rơi từ hoa hòa vào lòng đất.

Trong dòng chảy vô thường, đời trôi, hoa rơi — nước chảy, *vạn sự thủy lưu thủy*, tay người khép mở, để ngửa lòng nâng cánh xuyên chỉ đang bung chồi đơm lộc biếc, nghe *không trung dâng vũ điệu vô hình - Những giọt nắng lung linh màu sắc*.

Vén rèm mi nhìn xuống lòng thung. Từng cánh bướm tung tăng bay lên hoa. Hoa bay lên cùng bướm. Gió rung rung nhịp thở, chợt nhận ra bao điều trong *một sớm bỗng nhiên...*

NGUYỄN HỮU TÌNH

CHÚ THÍCH

1. **Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới**, Nxb Đà Nẵng; 2002: “Theo Philon ở Alexandria, bốn màu tiêu biểu của bốn nguyên tố cấu thành: đất – trắng; nước – xanh; không khí – tím; lửa đỏ.” ; Tr. 563.

2. **Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới**, Nxb Đà Nẵng; 2002; Tr.942.

3. **Twentieth – Century Artists on Arts**, ed.by Dore Ashton, NY: Pantheon Books, 1985, trang 36-38

4. **Blanco** là danh từ trong tiếng Tây Ban Nha đồng nghĩa với từ **white** trong tiếng Anh, có nghĩa là **màu trắng**. Đây là tên của một bài thơ của nhà thơ Octavio Paz (Tây Ban Nha, 1957 - 1987).

5. Một câu trong bài thơ **Đề đô thành Nam Trang** của **Thôi Hộ**. Dưới đây là Nguyên tác bằng chữ Hán:

題都城南莊
去年今日此門中，
人面桃花相映紅。
人面不知何處去？
桃花依舊笑東風。

ĐỀ ĐÔ THÀNH NAM TRANG
Khứ niên kim nhật thử môn trung,
Nhân diện đào hoa tương ánh hồng.
Nhân diện bất tri hà xứ khứ,
Đào hoa y cựu tiếu đông phong.

A black and white close-up portrait of Marguerite Duras. She has dark, wavy hair and is looking slightly upwards and to the right with a thoughtful expression. The lighting is soft, highlighting her facial features.

Marguerite Duras

Marguerite Duras (1914-1996) sinh ở Gia Định, miền Nam Việt Nam, tên thật là Marguerite Donnadiou. Cha mẹ của bà đều là giáo viên sang làm ăn ở Đông Dương vào những năm Đông Dương đang nằm dưới ách đô hộ của thực dân Pháp. Bà là con thứ ba trong gia đình, có hai người anh và một em trai. Bố mất năm bà lên bốn, nên ký ức của bà về bố rất nhạt nhòa. Năm 1930, bà học ở trường trung học Chasseloup-Laubat, Sài Gòn và sống ở ký túc xá Lyautey. Năm mười tám tuổi học xong Tú tài, bà về Paris và sống hẳn ở đó...

Viết

(*Marguerite Duras*)

Được đánh giá là một trong những gương mặt văn xuôi nổi bật của Pháp ở thế kỷ XX, Marguerite Duras là một nhà văn nữ có số lượng tác phẩm từng một thời đã đạt đến kỷ lục về số lượng xuất bản cũng như số lần dịch tại nước ngoài. Bà đã trở thành thần tượng của giới trẻ với hàng loạt tiểu thuyết ví như *Người tình Hoa Bắc*, *Mười rưỡi đêm hè*, *Người tình*, *Mắt biếc tóc huyền*... Tác phẩm của bà lôi cuốn không chỉ giới trí thức, học giả và sinh viên mà còn đối với công chúng bình dân và trở thành đề tài của hàng trăm luận án gắn liền với tên tuổi của bà trên khắp các lĩnh vực: *Văn học*, *Phân tâm học*, *Điện ảnh*...

Trong số các tác phẩm để lại cho đời, nếu *Người tình* được đọc giả trong và ngoài nước quan tâm và yêu thích bởi sức hấp dẫn của đề tài và giá trị nhân bản cũng như sự đổi mới táo bạo về phương diện nghệ thuật của thể loại tiểu thuyết; *Mắt biếc tóc huyền* với yếu tố lạ về cấu trúc, lạ về cốt truyện, lạ về cách xây dựng nhân vật, không gian thời gian... được cho là “một tiểu thuyết kỳ lạ”, thì *Viết*^(*) là sự cách tân nghệ thuật tiểu thuyết đầy ấn tượng với lối viết đan xen giữa văn xuôi với kịch bản điện ảnh - một *thể nghiệm về ngôn ngữ* của Duras.

Duras dường như muốn trình diễn cho độc giả thấy rằng tác phẩm của bà được viết ra chủ yếu là để phục vụ cho người làm phim bởi lẽ ngoài những đoạn hội thoại giữa các nhân vật ra, phần

còn lại chỉ là những câu viết rất ngắn như những lời chỉ dẫn mang tính định hướng cho người dựng cảnh và đạo diễn trong một kịch bản phim vậy. Ngoài ra, trong *Viết*, Duras đã tỏ rõ quan niệm của bà về văn chương. Văn chương, theo bà, phải là “*văn chương của cái-không-viết-ra*” - một thứ văn chương hướng tìm đến cái mới, cái lạ và khai tử cái nhàm chán quen thuộc, sáo rỗng: “*Có một thứ văn chương của cái-không-viết-ra. Một ngày nào đó nó sẽ đến. Một thứ văn chương ngắn gọn, không ngữ pháp, một thứ văn chương chỉ toàn các từ. Những từ không có ngữ pháp làm nền tảng. Lạc lối. Đó, những tác phẩm.*” Tác phẩm là tập hợp những câu chuyện kể với các đoạn văn tách rời nhau một cách lỏng lẻo ngỡ như rời rạc nhưng được xâu chuỗi bởi một mạch ngầm các chủ đề tiếp nối nhau. Điều đó đòi hỏi người đọc phải vận động tư duy, vật lộn với ngôn từ của *Viết* trong quá trình thưởng thức tác phẩm chứ không phải nhàn rỗi thả mình trượt dài trên câu chữ từ đầu đến cuối như cách đọc một tiểu thuyết truyền thống.

Thêm vào đó, ngoài một cuốn tiểu thuyết, *Viết* là bản ghi chép lại từ cuộc trò chuyện có ghi hình về nghề viết văn giữa Duras với đạo diễn Benoît Jacquot. Những kỷ niệm và ý tưởng chợt đến chợt đi được thể hiện thông qua lời nói một cách tự nhiên mà không tuân thủ theo bất cứ một trật tự cứng nhắc nào của nghề viết tiểu thuyết định hình từ bao thế kỷ trước. Sống trong một thế giới của vô vàn những đối kháng và mâu thuẫn, mỗi người chúng ta đã có lúc là một tinh cầu cô đơn. Có lẽ đã hơn một lần trong đời mình, chúng ta trượt qua nhau hay thậm chí chạm vào nhau mà không nhận ra nhau. Chúng ta tự ngăn cách mình bằng những bến bờ tạp niệm và vô hình trung tự trói mình trong những nỗi cô đơn. Và do vậy, có thể nói hơn cả một cuốn sách về văn chương, *Viết* còn là một cuốn sách về nỗi cô đơn - bức chúc thư của Duras để lại cho người trên cõi nhân gian.

NGUYỄN HỮU TÌNH

⁽¹⁾ Nhân đọc *Viết*, tiểu thuyết của Marguerite Duras (Dịch giả Trần Văn Công), NXB.Văn học.

Tôi Là...

*Tôi là một cánh bướm
hút những giấc mơ người
trang trải nhụy ham muốn
nhắm nháp sương pha phôi.*

*Tôi là một con thuyền
đắm trăm năm đáy biển
không đi và không đến
không thời tiết nhân duyên.*

*Tôi là một cái rìu
đốn cây xưa trên phố
hạ bóng tình tan tác
ngả toi tả hồn yêu.*

*Tôi là một bóng ma
đi tìm một thân xác
hay là một thân xác
đi tìm một bóng ma.*

(Trích “Tôi Là Một Kẻ Khác” - NXB Văn hóa - Văn nghệ 2015)

Nói Bến Bờ

*Câu chuyện ngày xưa... Dã Tràng xe cát
Muốn lấp biển sâu... không lượng sức mình
Không biết biển sâu, dài, rộng dường nào
Muốn lấp biển để bến bờ thêm xa rộng.*

*Thân Dã Tràng ngày ngày không mệt mỏi
Biển cứ mãi sâu thêm dài rộng ngút ngàn
Đến một ngày quy ngã giữa bờ xa
Sóng vô tình mang Dã Tràng ra biển lớn.*

*Đời vô thường... thân xác ta cũng thế
Bến bờ xa chìm lấp một linh hồn
Chỉ mong sao sóng trọn kiếp con người
Hãy yêu thương, chân tình cùng nhau nhé.*

*Biển vô tình thành yêu thương vô tận
Nói bến bờ xa qua biển rộng của bao dung.*

23/10/2016

Đón Xuân

*Nắng ấm bừng lên ngày sáng rồi
Hoa cỏ vươn mình dậy đi thôi
Tôi thêm sắc thắm cho đời mới
Lá vàng rơi xuống nước cuốn trôi.*

*Ngước mặt trông lên trời lấp lánh
Cỏ đơn cánh én khẽ chao rơi
Dừng chân lặng ngắm trời, mây, nước
Thâm nhắc nàng Xuân mau đến nơi.*

NHỊP CẦU NỐI NHỮNG BỜ VUI



CÁC THÀNH VIÊN VÀ NHÀ HẢO TÂM CỦA HỘI TỪ THIỆN HOA SEN

Phát huy tinh thần thiện nguyện của Hội từ thiện Hoa Sen trong những năm qua, được sự ủng hộ nhiệt tình của các nhà hảo tâm cùng quý Mạnh Thường Quân, trong năm 2016, Hội đứng ra tài trợ xây dựng một cây cầu bê tông thay thế chiếc cầu gỗ cũ đã hư hỏng nặng nề tại ấp 3, xã Vĩnh Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. Thời gian thi công từ tháng 7 đến tháng 9 năm 2016.

Ngày 25/9/2016 dưới sự chứng kiến của ông Lê Hoàng Nhân - Chủ tịch UBND xã Vĩnh Trung và chính quyền, đoàn thể địa phương, lễ khánh thành và bàn giao cây cầu bê tông đã diễn ra trong không khí phấn khởi vui mừng của nhân dân ấp 3, cũng là niềm vui và hạnh phúc của Hội từ thiện Hoa Sen và các nhà hảo tâm. Tổng trị giá cây cầu là 94 triệu đồng, đồng thời Hội cũng đã tặng 140 phần quà, mỗi phần gồm 10kg gạo và 01 thùng mì

tôm. Các nhà hảo tâm còn phát quà và bánh trung thu cho 90 em thiếu nhi tại buổi lễ.

Từ đầu năm đến nay, Hội thường xuyên tổ chức cùng phối hợp các nhà hảo tâm, các vị Mạnh Thường Quân đi các địa phương tặng quà cho các hộ nghèo khó, các cụ già neo đơn trong vùng sâu vùng xa thuộc tỉnh Bình Phước. Tổng cộng đến tháng 11/2016 Hội từ thiện Hoa Sen đã trao gần 800 phần quà, ước tính trên 180 triệu đồng. Hội cũng đã tổ chức vui Tết Trung Thu 2016 cho 500 trẻ em và tặng 300 phần quà Trung thu cho các em nghèo hiếu học trị giá 18 triệu đồng.

Với những nỗ lực phát huy tinh thần “lá lành đùm lá rách”, Hội từ thiện Hoa Sen mong mỗi các nhà hảo tâm cùng quý quý Mạnh Thường Quân luôn đồng hành cùng Hội trên con đường dài thiện nguyện, cùng nhau chia sẻ khó khăn những mảnh đời bất hạnh.

N.L.X



CÔ NGÔ THANH BÌNH, NHÀ TÀI TRỢ CHÍNH CỦA CHƯƠNG TRÌNH
XÂY CẦU BÊ TÔNG TẠI XÃ VĨNH TRUNG ĐANG PHÁT QUÀ TỪ THIỆN

Trả Nghiệp

*Cầu thân tâm bất động.
Bồ đề tâm kiên cố.
Trả nghiệp chôn Ta bà
Xa bể khổ nguồn mê.*

*Cùng pháp giới chúng sanh
Chóng quay về bờ giác
Trời cao biển rộng mệnh mông
Biển hồ lai láng sánh đồng Thái sơn!*

Câu Thơ
Xuống Núi Ngòi Thiên

Một đôi cao
Một thung sâu
Đà Lạt nghiêng
Đền bạc đầu
Còn nghiêng!

Câu thơ
Xuống núi
Ngòi thiên
Em qua áo mỏng ...
Chiều nghiêng
Nghiêng chiều!
Tiếng chim
Thánh thót
Lời yêu
Kính tương tư
Rụng
Ngang chiều
Thôi miên...

Câu thơ
Xuống núi
Ngòi thiên
Khai tâm
Vạt nắng nhân duyên
Cuối ngày.



Vào Chùa

Theo em
xuống núi
vào chùa
Ăn chay
niệm Phật
bốn mùa tịnh tâm
Câu thơ đặc đạo...
“nhảy đầm”
Làm rơi ...
sắc sắc không không...
vàng chùa!

KHÓA TU BÁ NHẬT TRÌ DANH (LẦN THỨ 51)

(tiếp theo bài 2)

Ngày 18/12/2016 (tức 16/11/Bính Thân), Nhứt Nguyên Bửu Tự (xã Vĩnh Phú, huyện Thuận An, Bình Dương) đã làm lễ bế mạc khóa niệm Phật Bách Nhật Trì Danh lần thứ 51.

Chứng minh buổi lễ có Thượng tọa Thích Huệ Thông (Ủy viên Thư ký, Phó Văn phòng II/TU. HĐTS Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Trường Ban Trị sự PG tỉnh Bình Dương), quang lâm tham dự có Ni trưởng Thích Nữ Huệ Giác (Tổng trưởng Liên tông Tịnh độ Non bông), Hòa thượng Thích Huệ Hải (Trụ trì chùa Tịnh độ), Hòa thượng Thích Giác Quang (Thường trực Hội đồng Tông phong), chư Tôn Đức Tăng Ni trong Liên tông và gần 1.000 thiện nam, tín nữ Phật tử về tham dự.

Theo Thượng tọa Thích Thiện Hỷ, Trụ trì Nhứt Nguyên Bửu Tự thì khóa Niệm Phật năm nay đạt được thành tựu viên mãn do sự quan tâm chỉ đạo của Ban Tổ chức và các công tác phục vụ hậu cần như: nhà bếp, hành đường, lao tác, hương đăng, giữ xe, trật tự,... được tổ chức chu đáo để phục vụ cho Tăng Ni và Phật tử thường xuyên thay phiên nhau niệm Phật suốt ngày đêm. Ngoài ra, vào các ngày cuối tuần còn có các đoàn Phật tử trong Tông môn về tham dự niệm Phật, cũng là một sinh hoạt góp phần tạo thêm năng lượng cho khóa tu.

Được biết khóa tu Bách Nhật Trì Danh này do Hòa thượng Thích Thiện Phước (1924 - 1986) khai sáng vào năm 1966 với mục đích cầu quốc thái dân an, chiến sĩ trận vong và đồng bào tử nạn được siêu sanh Tịnh Độ. Từ đó đến nay, trải qua 51 năm, hàng năm đều đặn, Bách Nhật Trì Danh được khai khóa vào ngày mùng 8 tháng 8 âm lịch và kết khóa vào đêm 16 tháng 11 âm lịch, trọn 100 ngày đêm không dứt tiếng niệm “Nam Mô A Di Đà Phật” nơi ngôi Nhứt Nguyên Bửu Tự này.

Khóa tu đã góp phần tích cực vào việc nâng cao chất lượng tịnh hóa thân tâm cho những hành giả trong tông phong muốn chuyển hóa thực sự tâm thức trên con đường tìm cầu giải thoát.

MAI PHÚC CHÂU

CHÙA LINH SƠN (Q.1)



ĐD. THÍCH PHƯỚC TỪ VÀ CÁC LÃNH ĐẠO HỘI CỰU CHIẾN BINH Q.1 TẠI TRỤ SỞ HỘI NGÀY 29/01/2015.

Từ năm 2.000 Đại đức Thích Phước Từ (chùa Linh Sơn, Q.1) là một trong những thành viên sáng lập Ban Từ thiện, trực thuộc Hội Cựu chiến binh phường Phạm Ngũ Lão, Q.1. Đến năm 2005, Ban Từ thiện chính thức được Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh phường Phạm Ngũ Lão ra quyết định thành lập và quản lý hoạt động cho đến ngày nay.

Đại đức Thích Phước Từ là người có công trong việc vận động quyên góp từ các nhà hảo tâm, các Mạnh Thường Quân trong và ngoài Quận 1 để có kinh phí tặng quà, nhà tình nghĩa, nhà tình thương, mái ấm tình đồng đội cho các hội viên cựu chiến binh và dân nghèo, nạn nhân nhiễm chất độc da cam... đang gặp khó khăn.

Riêng trong hai năm 2015 và 2016, Đại đức Thích Phước Từ đã trực tiếp đóng góp và vận động được 168 triệu đồng để xây dựng 04 căn nhà “mái ấm tình đồng đội” cho các hội viên cựu chiến binh nhiễm chất độc da cam dioxin ở tỉnh Cà Mau.

VÂN THANH



Mai Kia Lòng Độ Lượng

◇ Nhạc và lời: **Miên Đức Thắng**

Rubato... ♩ = 65

Mai kia lòng độ lượng chảy về những bến sông. Mai
kia lòng độ lượng thu về chốn hư không. Một đời ai tìm
ai, quanh co màu chiến trận. Một đời không tìm ai, bão
tố cứ vây quanh. Một đời không tìm ai sống chết cứ mong
manh. Mai kia lòng độ lượng đất nuôi ấm mẹ
lành. Cứ như lòng độ lượng, đất đá nắm mồ xanh.
Mai kia lòng độ lượng chảy về cõi mong manh. Hôm
nay lòng độ lượng ngời lại trên bến sông nhẹ nhàng.

Mùa Xuân Lớn Từ Đây

◊ Nhạc: Nguyễn Đình Trung

Lời: Trần Đức Tâm

_ 1976 _

Vừa phải



Mênh mông xanh lúa trái xanh, đó bởi công
Quê ta trên khắp nẻo xa, đến rẻo cao



anh, sức chị em mình khuya sớm cần lao. Biết
cao, nắng tỏa đón chào lớp lớp đàn em, áo



mấy tự hào cùng xây đắp tương lai. Gió thổi đạt
mới tới trường rộn chân sáo vui sao, thấm đở khăn



dào màu xanh thấm ngày mai.
quàng càng rực sáng trời ...

Quê ...

2.

... Đông. Hôm nay dựng nhà

máy, thi đua xây nông trường, xây mái nhà lớp

học, cho tối tâm tan dần. Mọi người vui trong cuộc

sống, ước mơ muôn đời đẹp tựa bài thơ.

Non sông tươi thắm bởi ai? Có phải tay

anh, có phải tay chị đã vẽ nên mùa xuân? Hay

mỗi chúng mình là một đóa tươi xinh, tô điểm quê

mình bằng hương sắc tình yêu. Với nghĩa đồng

bào mùa xuân lớn từ đây. Với đây.

1. 2.

Khung Trời Cũ

◊ Thơ: **Tuệ Sĩ**

◊ Nhạc: **Hồ Đăng Tín**

Slowly

The piano introduction is in 4/4 time and B-flat major. It consists of four measures. The right hand plays a melodic line with eighth and sixteenth notes, while the left hand provides a simple harmonic accompaniment with quarter notes.

The vocal line and piano accompaniment for the first line of lyrics. The key signature is B-flat major and the time signature is 4/4. The tempo is marked 'Slowly'. The lyrics are: "Đôi mắt ướt tuổi vàng khung trời hội cũ Áo màu". The piano accompaniment features a triplet of eighth notes in the first measure and a sixteenth-note triplet in the second measure. Chord symbols F, B \flat , B \flat m, and F are placed above the vocal line. A double bar line with repeat dots is used after the first two measures. A fermata is placed over the final note of the vocal line.

Gm⁷ G⁷ Am⁷ C⁷ F B^bmaj⁷

xanh không xanh mãi trên đồi hoang Phút vội vã bỗng thấy mình du

Bm⁷(⁶5) G⁷ C C⁷ F^{sus}⁴ F

thủ Tháp đèn khuya ngời kể chuyện trăng tàn Từ núi

Am D⁷sus⁴ Gm C⁷ G G⁷

lạnh đến biển im muôn thuở Đỉnh đá này và hạt muối độ chưa

C^{sus}⁴ C⁷ Dm⁷ Gm Bm⁷(⁶5) G⁷

tan Cười với nắng một ngày sao chóng thế Nay mùa

Gm⁷ C⁷ Fsus⁴ F B^b *piu mosso* F

mf

đông mai mùa hạ buồn chẳng? Đêm tóc bạc

B^bm F B^b Gm

tuổi đời chưa đủ Bụi đường dài gót mỗi đi quanh

Am Gm F G⁷sus⁴ *rit.* C⁷(^b9) F C⁷

Giờ ngó lại bốn vách tường ủ rũ Suối rừng xa ngược nước xuôi

1. F 2. F Gm⁷(^b5) D^b F⁶/⁹

ngàn. Đôi mắt... .. ngàn.

Niệm Phật

◇ Nhạc và lời: **Giác An**

Chậm rãi như ngâm thơ



Niệm Phật khi giàu có, muốn mua được từ



bi. Niệm Phật khi nghèo khó, muốn xin được bình



tâm. Niệm Phật khi đậm ấm, muốn chan hòa nồng



nàn. Niệm Phật khi lạnh giá, muốn tìm được an nhiên.



Niệm Phật khi bình minh, chợt thấy đất trời cao

rộng. Niệm Phật khi hoàng hôn, vội biết kiếp người mỏng
 manh. Niệm Phật khi về khuya, tâm thức đi vào lắng
 sâu. Niệm Phật khi trời mưa, ngã nước mắt muôn
 loài. Niệm Phật khi trời gió, thấy cơn lốc luân
 hồi, Niệm Phật khi trời trong, bỗng không màng thấy,
 nghe. Niệm Phật khi vào Xuân, đóa Vô Ưu rụng
 ngời. Niệm Phật khi Hè sang, quán sân hận chói
 chang Niệm Phật khi vào Thu, là ưu phiền rơi



roi. Niệm Phật khi lập Đông, giá băng sâu thế



nhân. Niệm Phật bên tuổi thơ, chợt biết nâng niu cuộc



dời. Niệm Phật bên già nua, chợt xót thương thân phận



người. Niệm Phật bên người đau, ngao ngán trăm ngàn nỗi



đau. Niệm Phật bên người chết, thấy sinh tử vô



thường. Niệm Phật bên người sống, thấy nhân duyên chập



chùng. Đời là hư, là thật. Niệm Phật bên



vị Phật. Niệm Phật, quên niệm Phật, lúc Ta về với Ta ...

Xuân Xa Mẹ

◊ Thơ: **Huyền Lan**

Nhạc: **Quý Luân**

Dân ca - Tha thiết

The musical score is written on a single staff in G major (one sharp) and 4/4 time. It begins with a treble clef, a key signature of one sharp (F#), and a 4/4 time signature. The melody is simple and folk-like, with many triplet markings. The lyrics are in Vietnamese and describe the feelings of missing home and mother during the Lunar New Year. The score ends with a double bar line and a 'Fine' marking.

Chiều cuối năm vắng nhà, xuân đầu tiên xa
mẹ. Lòng buồn nên thở than Tái tê vì nhớ
quê ... Đêm giao thừa mình con, nhìn người vui đón Xuân.
Âm thầm bên khung cửa, đời sinh viên đón
Xuân, đứa nào cũng nhớ quá, một chút nắng quê nhà.
Mẹ ơi! Mẹ gọi con bánh tét, nếp dẻo tình quê
hương. Bánh thơm xanh màu lá, gói trọn tình quê
xa. Mẹ ơi! Tết năm nay. Cội mai của ba
trông. Con không về thấy lá, chắc mai buồn ít bông.

Vui Đón Ngày Dũng

◇ Tâm Vương

Mạnh mẽ



Ngày Dũng đã đến rồi! Ngày Dũng đã đến
... Dũng đã đến rồi! Trại Dũng đã đến



rồi! Các bạn ơi mau hãy về đây tay siết chặt
rồi! Các bạn ơi ta hãy về đây trao những cuộc



tay. Dù có nắng nóng đốt da người. Dù có
vui. Kia sức sống của mỗi gia đình. Lòng khắng



gió táp với bão bùng cũng vẫn không
khít với những chân tình. Đã đến với ...



lung lòng trai. Trại nhau chan hòa

HƯƠNG THIÊN 01/2017 (39)

NHIỀU TÁC GIẢ

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - VĂN NGHỆ TP.HCM

Hochiminh City Culture-Literature and Arts Publishing House

88 - 90 Kỳ Con, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp.HCM

ĐT: (08) 38216009 - 39142419. Fax: (08) 39142890

Email: nxbvhvn@nxbvanhovannghe.org.vn

nxbvanhovannghe@yahoo.com.vn

Website và bán hàng trực tuyến: nxbvanhovannghe.org.vn

Cửa hàng sách: 310 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP.HCM

Gian hàng 03 Đường sách TP.HCM, đường Nguyễn Văn Bình, Quận 1, TP.HCM

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Huỳnh Thị Xuân Hạnh

Biên tập: Vương Hoài Lâm

Sửa bản in: Xuân Tiến

Trình bày: Phương Nhất Điền

Bìa: Mai Phúc Châu

Liên kết xuất bản: Hương Thiên Books

304 Bông Sao, P.5, Q.8, TP.Hồ Chí Minh.

E-mail: phancattuong@gmail.com

ĐT: 0932 064 021 - 0913 724 043

In lần thứ nhất. Số lượng 1.000 cuốn khổ 14 x 20 cm

Tại: Công ty TNHH Xuất nhập khẩu In Sài Gòn

Số đăng ký KHXB: 4324-2016/CXBIPH/15-173/VNTPHCM

QĐXB số: 514-QĐ/NXBVHVN ngày 7/12/2016

ISBN: 978-604-68-3318-5

In xong và nộp lưu chiểu quý 01 năm 2017

Đi Lễ Đầu Xuân

◊ Nhạc và lời: Nguyễn Khải Hoàn

Mùng một ngày Tết,
(Mùi hương tỏa ngát,)

Em cùng mẹ đi lễ chùa
Em cùng mẹ dâng lễ quỳ

Bướm hoa reo mừng
Dưới chân Phật đài

Chim én bay la - đà
Em chấp tay nguyện cầu

Khắp nơi tung bừng
thế gian yên bình ...

Người người vui đón xuân sang

Mùi hương tỏa ngát ...

... Nhà nhà hạnh phúc an khang ...

Chợt nhớ năm xưa,
Tóc mẹ đen huyền,

cũng dưới chân Phật đài,
Dáng mẹ thanh thanh da mẹ hồng hào ...

Mà nay,
da mẹ đôi môi

Dáng mẹ run

run

Tóc mẹ bạc phơ như mây trắng lững lơ ...

Coda

Phật Phật ơi! Sao Phật không già?

Cúi xin Phật hiển hòa

cho mẹ con không già để mẹ sống mãi ... cùng với con.



01/2017 (39)

01. BS. ĐỖ HỒNG NGỌC - NGUYỄN HIỆU TRUNG -
PHẠM THIÊN THƯ - NGUYỄN HIỆU TÍN - MINH ĐỨC
TRIỆU TÂM ANH - HOA THƯ - HOA NGHIÊM.

30. THÍCH GIÁC QUANG - THÍCH NỮ HUỆ GIÁC -
TRẦN TAM BẢO - MINH MẪN.

42. THÍCH THIỆN TÀI - THÍCH THIỆN QUY - THÍCH
NỮ HIỀN THỦ - NGUYỄN ĐỨC TÒ - SONG NGUYỄN -
NGUYỄN THỊ MÂY.

58. CAO THỊ HOÀNG - NGUYỄN NGỌC THƠ -
TRƯƠNG VĨNH CHÂN - HOÀNG YÊN DY - CAO
QUẢNG VĂN - CHÂU ĐÔNG THƠ - MIÊN ĐỨC THẮNG
- DU TỬ LÊ - NGUYỄN ĐỒNG HOANG - LƯƠNG VIỆT
KHIÊM.

90. LÊ TÁT SĨ - TÂM NHIÊN - BS. LÊ HÀNH - NINH
GIANG THU CÚC - PHẠM VĂN SAU - DẠ LỮ KIỀU.

104. NGUYỄN HẢI THẢO - CẢNH CHIM TRỜI - CHÍ
THẢO - NT. CAM THẢO - HOÀI HUYỀN THANH - LÊ
HẢI THẮNG - HUỖNH CHÂU ĐỖ - MAI TUYẾT - QUANG
THÁM - MANG VIÊN LONG - SƠN NGUYỄN - SỸ LIÊM
- NGUYỄN QUỐC HÙNG - NGŨ YÊN - NGUYỄN AN
BÌNH - P.N. THƯỜNG ĐOAN - NGUYỄN THÀNH NHÂN
- NGUYỄN ĐĂNG THANH - TÔN THẮT HÒA - TƯỜNG
VY - TRĂNG KHUYẾT - PHAN THÀNH DANH - HUY
VỌNG - ĐỖNH TRÂM CA - BẢO CƯỜNG - HOÀNG
ANH 79 - ROSE - LÊ MAI UYÊN - LÊ MAI TRINH -
HUỖNH ĐỨC TÚ - MP. TRƯỜNG GIANG THÙY - LÊ
THỊ KIM - BÙI GIÁNG.

160. NGUYỄN HỮU TÌNH - NHẬT CHIÊU - HUỆ VÕ
- NGUYỄN LONG XUÂN - TRUNG THÚY - LÊ ĐÌNH
TRỌNG - VÂN THANH - MAI PHÚC CHÂU.

180. TRẦN ĐỨC TÂM
- HỒ ĐĂNG TÍN - TUỆ SỸ
- GIÁC AN - QUÝ LUÂN -
HUYỀN LAN - TÂM VƯƠNG
- NGUYỄN KHẢI HOÀN.

ISBN: 978-604-68-3318-5



9 786046 833185

25.000 đồng

